



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 124 bis rue de Flandre, 75019 Paris, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiệu Hân

Xã luận :

Nhiều chỉ dấu mâu thuẫn trong chính quyền cộng sản

Giữa tháng 5-1999, chế độ cộng sản đã lùi bước và trả tự do không điều kiện cho Nguyễn Thanh Giang sau hơn hai tháng giam giữ. Các áp lực đã rất mạnh, không phải chỉ có áp lực quốc tế, mà còn có áp lực trong nước và ngay trong nội bộ đảng cộng sản. Quyết định bắt giam Nguyễn Thanh Giang cuối cùng đã chỉ làm chế độ bị lên án và bị mất mặt, nó cũng đã biến Nguyễn Thanh Giang thành một biểu tượng lớn của dân chủ và đem lại cho phong trào dân chủ trong nước một khí thế mới. Tuy vậy, quyết định trả tự do cho Nguyễn Thanh Giang là một quyết định sáng suốt, tránh cho chế độ những mất mát lớn hơn và, quan trọng hơn nữa, đánh dấu một bước đầu trong một cách ứng xử biết điều.

Gần như cùng một lúc, ngày 11-5-1999, tại Sài Gòn, Nguyễn Đan Quế lên tiếng. Ông Quế đã chọn ngày 11-5 vì đó là ngày mà chín năm trước, năm 1990, ông đã ra một tuyên bố công khai đòi dân chủ đa nguyên để rồi bị kết án hai mươi năm tù. Ngày 11-5 cũng là ngày yểm trợ cho nhân quyền tại Việt Nam. Bản lên tiếng của Nguyễn Đan Quế đã chấm dứt giai đoạn im lặng để quan sát của ông từ ngày được trả tự do và nhắc nhở dư luận rằng ông là khuôn mặt dân chủ dũng cảm nhất hiện nay tại miền Nam Việt Nam. Tuyên bố của ông là một thách thức mới đặt bộ chính trị đảng cộng sản ở thế phải chọn lựa hoặc thay đổi theo hướng dân chủ hay lại lộ rõ bản chất độc tài, tàn ác như xưa.

Nếu cách đối xử với Nguyễn Thanh Giang có thể coi là những dấu hiệu có tiến bộ hơn trước và đáng khuyến khích

thì khóa họp quốc hội nhà nước cộng sản lại chỉ đem đến thất vọng.

Một đạo luật báo chí cực kỳ vô lý đã được biểu quyết, theo đó báo chí ngay cả nếu đăng tin đúng sự thực cũng có thể bị phạt. Bộ trưởng Nguyễn Khoa Điềm đưa thí dụ: nếu một tờ báo loan tin lúa vùng đồng bằng sông Mê Kông bị lép và tin này đúng sự thực nhưng có tác dụng làm giảm giá lúa xuất khẩu thì cũng vẫn phải bồi thường thiệt hại. Nói cách khác, báo chí chỉ được loan tin tốt và có lợi. Không những thế, báo chí còn bị luật mới bắt buộc phải loan tin không đúng sự thực, bởi vì khi đã đụng chạm tới quyền lợi của một cơ quan nào thì bắt buộc phải đăng bài cải chính mà không được tranh cãi về tính đúng hay sai của bài cải chính. Cần lưu ý là một phần đáng kể các đại biểu quốc hội hiện nay là những tay tư bản đồ, làm giàu bằng móc ngoặc và vì thế có nhu cầu bịt miệng báo chí.

Đạo luật về Mặt Trận Tổ Quốc đang được bàn cãi là một sự thô bạo khác. Lý do chính thức là để tập trung qui định vai trò và quyền hạn của Mặt Trận Tổ Quốc, một định chế được ghi nhận trong hiến pháp. Lý do thực sự là để chính thức hóa Mặt Trận Tổ Quốc như một dụng cụ để khống chế xã hội dân sự, bởi vì từ nay bất luận một tổ chức nào của công dân, dù là hiệp hội, câu lạc bộ, chính đảng, tôn giáo đều phải là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc và do đó đều phải được Mặt Trận Tổ Quốc, do đảng cộng sản giật dây, chấp nhận. Đạo luật này sẽ không có gì mới, nó chỉ làm bản thêm bộ mặt vốn đã tồi tàn của Mặt Trận Tổ Quốc.

Như thế, trong khi ban lãnh đạo đảng

tỏ ra quan tâm tới dư luận trong và ngoài nước thì quốc hội, cơ quan trên nguyên tắc phải phản ánh nguyện vọng của quần chúng, lại tỏ ra ngoan cố và thách đố. Tại sao có sự mâu thuẫn đó?

Trước hết là do chính bản chất của quốc hội trong chế độ cộng sản: quốc hội được coi như một đồ trang sức nguy hiểm cho chế độ cho nên đảng cộng sản đã gạn lọc và chỉ cắt đặt vào quốc hội những phần tử thiên cận nhất, giáo điều nhất, tâm tối nhất. Hậu quả là chính quốc hội đang trở thành một lực cản vào giữa lúc đảng cộng sản đang lúng túng tìm lối thoát ra khỏi bế tắc. Mâu thuẫn này cũng là hậu quả của sự phân hóa cao độ của chính quyền. Trung Ương Đảng suy yếu vì chia rẽ không còn kiểm soát được đám thuộc hạ trong quốc hội nữa. Trong lúc đó sinh hoạt kinh tế và xã hội đang sa sút mau chóng, tại nhiều nơi tình trạng mất an ninh đã khiến các nông trường và đồn điền không còn khai thác được nữa. Cả chế độ lẫn đất nước đang tiến tới khủng hoảng.

Nhưng chúng ta cần ý thức rằng chế độ cộng sản sẽ không sụp đổ vì kinh tế suy sụp hay vì đảng cộng sản bị tê liệt. Nếu không có một tập hợp dân chủ có tầm vóc xuất hiện như một giải pháp thay thế thì chế độ cộng sản dù suy yếu đến đâu vẫn còn kéo dài rất lâu và sẽ chỉ sụp đổ cùng với sự tan vỡ của chính xã hội Việt Nam. Đất nước sẽ chỉ có lối thoát nếu dân tộc Việt Nam tìm lại được một sức bật mới của lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm đủ mạnh để khiến mọi người dân chủ thân và khiến các tổ chức dân chủ chấp nhận phối hợp hành động.

Thông Luận

ASEAN và quyền can thiệp nội bộ

ASEAN có dân số 500 triệu người một tổng sản lượng nội địa vào khoảng 600 tỷ USD và một khối lượng trao đổi thương mại 720 tỷ USD. Đó là những lời tuyên bố của hội nghị ASEAN tại Hà Nội vào cuối tháng tư, nhân dịp nhận Cam Pu Chia làm hội viên.

Đây là dịp để 10 nước hội viên của ASEAN đưa ra nhiều nhận định lạc quan. Trong khoảng thời gian 30 năm, từ 1965 đến 1995, tổng sản lượng nội địa tính theo đầu người tăng nhanh hơn gấp hai lần khối Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OCDE). Theo dự tính, trong tương lai, đến năm 2020, ASEAN sẽ đạt đến một mức độ kinh tế tự do, song song với cõi mở chính trị. Hiển nhiên sự cởi mở chính trị sẽ gặp nhiều khó khăn, vì lý do dễ hiểu là các thành viên của ASEAN rất hỗn tạp, gồm nhiều thể chế chính trị từ dân chủ như Thái Lan, Phi Luật Tân, đến độc quyền quân phiệt tại Miến Điện và độc tài toàn trị tại Việt Nam. Nhưng hiện nay, những nước dân chủ trong khối ASEAN đã có chủ trương và hành động theo chiều hướng phá vỡ một số cấm kỵ trong sinh hoạt chính trị của cộng đồng ASEAN.

Vào năm 1997, tại Hội nghị Manila, Thái Lan được Phi Luật Tân ủng hộ đã yêu cầu hủy bỏ một trong những nguyên tắc sáng lập của ASEAN: không được can thiệp vào nội bộ chính trị của những quốc gia thành viên, và lấy dân chủ và nhân quyền làm nền tảng của ASEAN.

Vào tháng 12 năm 1998, việc chấp nhận Cam Pu Chia thành hội viên mới đã bị Thái Lan và Phi Luật Tân đặt điều kiện là quyền hành tại Cam Pu Chia phải được chia cho đối lập, không được hoàn toàn nằm trong tay Hun Sen. Khi hoàng thân Ranariddh nắm quyền chủ tịch lập pháp vào tháng ba, thì Cam Pu Chia được chấp nhận vào ASEAN.

Ngoài ra, ba quốc gia Phi Luật Tân, Thái Lan và Indonesia đã can thiệp vào nội bộ chính trị Malaysia bằng cách phản đối việc thủ tướng Mahathir Mohamad bắt giam và đem ra tòa xét xử cựu phó thủ tướng đặc trách kinh tế Anwar Ibrahim. Anwar Ibrahim là người được chỉ định thay thế Mahathir Mohamad nhưng đã bị thất sủng vì phủ nhận những giá trị Châu

Á và chống đối chính sách kiểm soát hối đoái và chủ trương một hối suất cố định cho đồng ringgit. Để loại Anwar Ibrahim, Mahathir Mohamad đã vu cáo Anwar Ibrahim là tham nhũng và có những liên hệ đồng tình luyến ái. Tuy trong phiên tòa, Anwar Ibrahim đã đưa ra những lý luận vững chắc để chống từng điểm một của bản cáo trạng, nhưng cuối cùng, vào đầu tháng tư, Anwar Ibrahim đã bị kết án 6 năm tù và 5 năm mất quyền công dân. Mahathir Mohamad nghĩ rằng với bản án này, Anwar Ibrahim sẽ bị loại ra khỏi chính trường. Nhưng ông ta đã lầm. Khi bản án được công bố, phu nhân của Anwar Ibrahim là bà Azizah đã tuyên bố thành lập một đảng chính trị đối lập. Bà có thể là một lãnh tụ chính trị có bản lĩnh và gan lì không kém Cory Aquino của Phi Luật Tân, Aung San Suu Kyi của Miến Điện và Megawati Sukarnoputri của Indonesia.

Tuy những can thiệp vào nội tình chính trị Malaysia của ba nước Phi Luật Tân, Thái Lan và Indonesia đã không gặt hái những kết quả mong muốn, nhưng đó là một hành động có thể được xem là tiền lệ phá vỡ cái lá chắn xem chủ quyền quốc gia như một giá trị bất khả xâm phạm. Sự can thiệp vào nội tình Malaysia có một tầm vóc khác hẳn những điều kiện được đặt ra trong việc chấp nhận Cam Pu Chia là thành viên ASEAN. Cam Pu Chia chưa phải là hội viên và đang ở trong cương vị "xin xỏ", nghĩa là ở thế hạ phong, bị các nước lão làng đàn anh "bắt nạt" là chuyện dễ hiểu. Trái lại, Malaysia là nước thành viên lâu năm của ASEAN, đã từng lãnh đạo đường lối bảo vệ những giá trị đồng phương như là những leitmotiv biện hộ cho các chế độ chính trị độc tài. Do đó, việc can thiệp vào nội tình Malaysia là biểu tượng cho ý chí muốn đem lại cho ASEAN một sinh hoạt chính trị dân chủ.

Một nước khác của ASEAN đang là đối tượng của đường lối can thiệp nội bộ là Indonesia.

Ngày 5.5.1999, dưới sự chủ trì của Liên Hiệp Quốc, Indonesia sau nhiều lần cố tình "câu giờ" đã ký kết với Portugal một thỏa ước về Đông Timor, một lãnh thổ bị Indonesia dùng võ lực đánh chiếm cách đây hơn ba chục năm. Thỏa ước này có ba tài liệu: một chương trình tự trị cho Đông Timor, những dàn xếp để bảo đảm

an ninh và thể thức thăm dò dân ý. Nếu vào tháng 8 này, 800.000 dân Đông Timor không chấp nhận tự trị thì Indonesia sẽ cho lãnh thổ này độc lập. Vào tháng năm, một phái đoàn nhân viên dân sự đã đến Dili, thủ phủ Đông Timor. Trong tương lai 600 nhân viên của Liên Hiệp Quốc sẽ có mặt tại Đông Timor để kiểm soát cho cuộc trưng cầu dân ý được diễn ra trong vòng trật tự và công bằng. Một lực lượng cảnh sát sẽ được gửi đến để bảo đảm an ninh cho phái đoàn kiểm soát của Liên Hiệp Quốc.

Trước và sau việc ký kết thỏa ước này, các lực lượng bán quân sự của phe chống đối tự trị đã có những bạo động để áp đảo tinh thần dân chúng Đông Timor. Quân đội Indonesia, hiển nhiên không muốn mất phần đất này, đã không can thiệp để tái lập trật tự và bị tố cáo là đồng lõa trong mưu đồ khuynh loạt cuộc trưng cầu dân ý. Tổng thống đương nhiệm Yusuf Habibie đã không kết án quân đội cùng như các lực lượng bán quân sự với một mức độ cần phải có. Thái độ này cùng với vụ phanh phui gia tài kếch sù lên đến 15 tỷ USD của cựu tổng thống Suharto và sáu người con, đã làm giảm uy tín của Yusuf Habibie vì ông bị kết án cố tình trì hoãn cuộc điều tra gia tài Suharto do Quốc Hội đòi hỏi.

Ngày 14.05.1999, Yusuf Habibie đã được đảng Golkar, đảng đang nắm quyền tại Indonesia, chỉ định là ứng cử viên chính thức tranh cử tổng thống. Đảng Golkar đã liên tục cầm quyền từ hơn 30 năm nay. Theo các cuộc thăm dò ý kiến, Yusuf Habibie rất thất nhân tâm, ông chỉ được 10% phiếu, trong khi đó các lãnh đạo đối lập như bà Megawati Sukarnoputri, con gái cựu tổng thống Sukarno đã bị Suharto lật đổ và Amien Rais, một lãnh tụ năng động và cấp tiến của phe Hồi giáo, mỗi người được 20% phiếu.

Trong những điều kiện trên, đảng Golkar có thể thất bại, quyền hành sẽ vào tay đối lập, và bà Megawati Sukarnoputri có thể trở thành tổng thống tương lai của Indonesia, hoàn thành tiến trình dân chủ hóa Indonesia.

Các nước dân chủ của ASEAN sẽ thêm một đồng minh tâm vóc và quyền can thiệp vào nội bộ sẽ có thêm hậu thuẫn.

Huỳnh Hùng

TUYÊN CÁO

của bác sĩ Nguyễn Đan Quế

Hôm nay 11-5-1999 dân chúng Việt Nam tự đáy lòng mình kỷ niệm đệ ngũ chu niên Ngày Nhân Quyền Việt Nam. Nhân dịp này chúng tôi xin tuyên cáo:

Tổ quốc Việt Nam là của tất cả mọi người Việt trong cũng như ngoài nước. Không một chính quyền nào được coi là hợp pháp nếu không xây dựng trên ý nguyện của toàn dân. Do đó bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam phải:

1- tôn trọng Nhân Quyền trong đó có tự do phát biểu, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn, tự do lập hội, tự do tôn giáo cũng như tất cả những quyền tự do chính trị khác...

2- tách đảng ra khỏi chính quyền, quân đội, công an. Không được dùng tiền dân đóng thuế vào các hoạt động lạm quyền đàn áp tự do hòng củng cố độc tài.

3- để quốc hội hiện tại độc lập soạn luật bầu cử tự do, công bằng, có giám sát quốc tế.

4- Sau khi tách biệt, bộ máy hành chính chiếu theo luật bầu cử tổ chức Quốc Dân Đại Hội để thảo bản Hiến Pháp mới cho Việt Nam; mọi người dân đều có quyền trực tiếp tham gia hoạch định đường lối chính sách để đưa nước nhà ra khỏi bế tắc hiện nay.

Không thể, bộ chính trị hoàn toàn chịu trách nhiệm đã đẩy quần chúng đến chỗ phải đứng dậy giành quyền quyết định tương lai trong một thế giới đang nhanh chóng dân chủ hóa; không thể để bộ chính trị thao túng nhận chìm dân tộc trong trì trệ, tham nhũng, nghèo đói và thất học.

Việt Nam 11-5-1999
Bác sĩ Nguyễn Đan Quế
Cao Trào Nhân Bản

LTS. Ngày 11-5-1990, bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã nhân danh Cao Trào Nhân Bản kêu gọi "...mọi cá nhân, mọi giới trong nước cũng như quốc tế, các hội đoàn ở Âu Châu và Mỹ Châu, những phong trào Việt kiều yêu chuộng tự do, dân chủ và đa nguyên ủng hộ cuộc đấu tranh ôn hòa, bất bạo động của chúng tôi để thiết lập tại Việt Nam một thể chế xã hội nhân bản và tiến bộ, một nhà nước mới thuộc toàn dân chứ không phải của một giai cấp nào, vai trò của nhà nước mới không phải là lũng đoạn mà là phục vụ cộng đồng, chức năng mới không còn là "quản lý" nữa mà là điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các khu vực trong xã hội...". Bản kêu gọi đòi bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận đa nguyên, hủy bỏ chế độ độc tài đảng trị ... Vì *Lời kêu gọi* này, ngày 14-6-1990, bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã bị bắt và sau đó bị kết án 20 năm tù ở và 5 năm quản thúc. Ra trước tòa án của chế độ, Nguyễn Đan Quế đã lớn tiếng mắng chửi án và phủ nhận giá trị pháp lý của trò hề này. Nhờ sự vận động của các tổ chức người Việt tại hải ngoại, các tổ chức quốc tế bên vực nhân quyền và đặc biệt tại Mỹ với sự tham gia của nhiều dân biểu và thượng nghị sĩ Mỹ, năm 1994, quốc hội Hoa Kỳ đã chọn ngày 11-5 để làm ngày ủng hộ Nhân Quyền cho Việt Nam.

Được trả tự do cùng với một số tù nhân chính trị và tù nhân lương tâm khác vào ngày 1-9-1998, Nguyễn Đan Quế cương quyết không chịu rời khỏi Việt Nam mặc dù phải chịu rất nhiều đe dọa, áp lực của chính quyền. Từ ngày được ra tù nhưng thực tế là vẫn bị theo dõi, quản thúc tại gia, theo lời khuyên của bạn bè và gia đình ông đã giữ im lặng để quan sát, tìm hiểu tình hình đất nước và nhất là để phục hồi phần nào sức khỏe đã quá sa sút sau hơn 8 năm lao lý hết sức nghiệt ngã vì ông đã không ngừng đấu tranh ngay trong tù để đòi quyền lợi cho tù nhân. Cùng nên nhắc lại là trước lần bị tù vì *Lời kêu gọi*, bác sĩ Nguyễn Đan Quế đã bị chính quyền cộng sản bỏ tù mà không xét xử trong 10 năm, từ năm 1978 đến 1988, vì đã cùng với một số bạn bè viết "tài liệu" đòi hỏi tự do, nhân quyền và dân quyền. Nhờ sự can thiệp của người Việt ở hải ngoại cũng như của nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt của Ân xá Quốc Tế ông mới bảo toàn được tính mạng. Khi ra tù được ít lâu ông lại phản đối chính quyền vì không cho phép ông lập văn phòng tại Việt Nam của Ân xá Quốc Tế với tư cách là thành viên Việt Nam đầu tiên của tổ chức này ...

Tuyên cáo trên đây cho thấy Nguyễn Đan Quế vẫn kiên trì tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền của Việt Nam. Gần 20 năm tù đầy, đàn áp dã man của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không khuất phục được tinh thần trách nhiệm và sự dấn thân của người trí thức chân chính. Cách nói thẳng, tinh cương trực và sự dũng cảm của Nguyễn Đan Quế là tấm gương sáng cho những người dân chủ Việt Nam.

Thông Luận

từ Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Đan Quế

Tôi coi ngày 11 tháng 5 năm 1999 là một ngày lịch sử. Vì ngày này, một người Việt Nam, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, đã phải trả một giá rất lớn và đương sẵn sàng trả giá lớn hơn để NÓI trước bạo quyền và quốc dân một sự thật, một đòi hỏi và một bổn phận hiển nhiên, nhưng vì hiển nhiên nên khó ý thức và rất khó thực hiện. Nguyễn Đan Quế đồng dạng mở đầu bản Tuyên cáo:

"Tổ Quốc Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam !"

Của tất cả mọi người Việt Nam. Nghĩa là của mọi dân tộc Việt Nam: Kinh, Mường, H'Mong, JaRai và mọi dân tộc thiểu số. Của tất cả mọi người Việt Nam. Nghĩa là không phải của ngoại bang Tây, Tàu, Nhật, Mỹ, Nga, Đài Loan, Nam Hàn. Nhưng cũng không phải của một đồng tộc Đinh, Lê, Lý, Trần, Tôn giáo hay một ý hệ Phật, Khổng, Lão, Tin Lành, Hoà Hảo, Công giáo, Cộng sản, Cao Đài. Của mọi người Việt Nam! Nghĩa là của mỗi người Việt Nam, dù nghèo hay giàu, trẻ hay già, theo Khổng hay theo Lão, Phật tử hay Ki Tô hữu, thiên cộng hay chống cộng.

Lý Thường Kiệt hôm nay không coi giang sơn là bờ cõi của một ông vua, dù là vua hiền. Khổng tử có sống lại cũng không dạy trung quân. Mạnh tử có đội mồ đúng dậy cũng không nói *"dân vi quý"*. Dân không phải một bầy tôi đáng quý! Trâu, bò, gà vịt cũng đáng quý.

Tổ Quốc Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam !

Vậy Nam Quốc Sơn Hà, Nam Dân cư. Giang sơn đất nước thuộc quyền quốc dân. Dân là Chủ. Dân làm Chủ. Dân, Chủ. Yên sống trên đất nước của mình là quyền của mỗi người dân. An cư : tự do sinh sống, tự do đi đứng, trú ngụ, ra, vào, học, hành, suy nghĩ, trao đổi, gặp gỡ, kết đoàn, không bị ai hạch hỏi, quấy rầy. Có an cư mới lạc nghiệp. Nghiệp làm báo, viết văn, hành đạo, nghề ruộng nương, buôn bán, khoa học, kỹ thuật, kỹ nghệ không thể an lạc nếu thiếu tự do. Tổ chức đời sống xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá thế nào để mỗi người an cư lạc nghiệp là quyền của toàn dân. *"Mọi người dân đều có quyền trực tiếp tham gia hoạch định đường lối, chính sách"*. Hiến pháp phải biểu lộ ý hướng của dân. Quốc hội phải do dân tự

do bầu cử. Chính quyền phải do dân ủy nhiệm, kiểm soát và, khi cần, sa thải.

Vì thế, phải tách mọi tôn giáo, ý hệ, chính đảng *"ra khỏi chính quyền, quân đội, công an"*.

Nhưng nếu Tổ quốc Việt Nam là của mọi người Việt Nam, thì mỗi người Việt Nam phải khẳng định quyền làm chủ của mình. Phải ý thức và thi hành nghĩa vụ của mình trước thực trạng đất nước. Hiện nay, vì những lý do mà toàn dân đều biết, mỗi người Việt Nam phải như Nguyễn Đan Quế, dứt khoát *"tách đảng (cộng sản Việt Nam) ra khỏi chính quyền, quân đội, công an"*, *"không thể để bộ chính trị thao túng nhận chìm dân tộc"*.

Lúc này, thỏa hiệp, cộng tác hay tiếp tay cho độc tài là phản quốc, phản dân, phi nhân, phi nghĩa.

Ồ ản, rút thau vào đền, chùa, nhà thờ, học đường, thư viện, phòng thí nghiệm vin có làm việc thuần tuý tôn giáo, thuần tuý văn học nghệ thuật, thuần tuý khoa học v.v... thì

- hoặc là chờ cho thiên hạ thu dọn rác rưởi, măm bần tề chính mới xuất thân hưởng thụ; khác gì những ông bà tai to mặt lớn khi nước biến vội gửi thân hay gửi con ra ngoài để khi nước bình còn trở về "giúp nước". Giúp nước hay tạt nước?

- hoặc là tâm thần quá tế nhị cao sang, đêm ngày lo giữ bàn tay sạch, đau lòng trước thời cuộc, nhưng đành nhắm mắt, từ khước chọn lựa, vin có thực tại quá phức tạp nhiều nhưng và mọi giải pháp đều bất toàn. Thứ tâm trạng chỉ biết có Thiên đàng và Hoả ngục này luôn luôn ngoài cuộc. Họ có bàn tay sạch, rất sạch và thơm như bông sen cắm trong bình ngọc. Xa miền tục luy. Xa hôi tanh của mùi bùn. Nhưng không còn sức sống. Họ không phải người hiền. Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh. Hướng chi người hiền. Người hiền chỉ ở ẩn khi đất nước an bình.

Trần Độ là một người hiền. Dư sức về vườn. Nhưng xông tới vì không đành ngoảnh mặt làm ngơ trước bạo tàn. Chân Tín, Thích Quảng Độ là những người hiền. Già đời không chịu yên thân trong tu viện, thiên cộng, còn lên tiếng cảnh cáo bọn độc tài, gian ác.

Nhưng người dân thấp cổ bé miệng biết làm gì khi không có ai hướng dẫn, chỉ đạo? Vậy còn những nông dân Thái Bình,

những bà lão già Trà Cỏ? Đất nước Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam, của chị, của anh, của em, của tôi. Không phải của một minh chủ. Không có vua! Ngồi chờ một vị cứu tinh, một lãnh đạo, một lãnh tụ là mặc nhiên phủ nhận nhân quyền, quyền làm chủ đời mình. Quyền làm người và sống cho ra người. Quyền của ông, của bà, của anh, của chị, của mỗi chúng ta. Và mỗi chúng ta có bổn phận giữ gìn, thực hiện.

Hãy làm như Hoàng Tiến vừa đây viết thư mắng công an về tội dám hạch hỏi ông cách mất dạy. Ông nhắc họ *"nên làm theo lời Bác Hồ dạy: phải tôn trọng và lễ phép với dân"* (*). Ông bảo: *"Nếu cần phải bắt, thì xin cho lệnh bắt"*, đừng dờ dỏng con nít *"răn đe, dọa dẫm hoặc khuyên nhủ mua chuộc"*. Y như Nguyễn Ngọc Lan cách đây đúng 9 năm "giơ hai tay" cho họ công. Họ có sức mạnh, cứ dùng sức mạnh. Còn mình thì cứ như Hoàng Tiến nói: *"tùy thích"*. Tùy thích, nghĩa là đi chơi, đọc sách, viết văn, xử sự với mọi người, đối xử với công an *"theo lương tâm"*. *"Gần 70 tuổi đầu. Chết được rồi. Không có gì phải ân hận và lo sợ cả"*. 70, 80 hay 20 tuổi, đã sống theo lương tâm, tức tự làm chủ, chết lúc nào cũng được.

Ngày 11 tháng 5 năm 1999, Nguyễn Đan Quế lên tiếng. Tiếng nói của ông truyền đi khắp mạng lưới thông tin. Ngày 10 tháng 5 năm 1999, lá thư của Hoàng Tiến gửi cho công an hôm mùng 8 tháng 4-1999 cũng đã lên lưới như đón nghe trước tiếng nói của Nguyễn Đan Quế. Đồng bào trong nước, ngoài nước không thể ngồi yên nhìn Nguyễn Đan Quế, Hoàng Tiến và những người như họ đương đấu tranh trong nước nhằm loại đảng độc tài ra ngoài vòng pháp luật.

Vì:
Tổ Quốc Việt Nam là của tất cả mọi người Việt Nam!

Và :
Không một chính quyền nào được coi là hợp pháp nếu không xây dựng trên ý nguyện của toàn dân.

Đỗ Mạnh Tri, 14-5-99

(*) Theo lời Bác Hồ dạy, không phải theo việc của ông Hồ Chí Minh đã phản bội tổ quốc, áp đặt lên toàn dân chế độ toàn trị dưới ách Nga, Tàu.

Vai trò hỗ trợ có ý nghĩa quyết định của đồng bào hải ngoại

Bùi Tín

** Một số kinh nghiệm từ thực tế * Hòa giải và hòa hợp là thực tế hiển nhiên*

** Đi đến một đồng thuận sâu rộng **

Cuộc tranh đấu hiện nay

Cuộc tranh đấu của người Việt trong và ngoài nước nhằm *chấm dứt chế độ độc đoán, độc đảng* trên quê hương đang ở thời kỳ *gay go, quyết liệt*.

Phong trào đấu tranh âm ỉ, bền bỉ đã có bước *phát triển mới* vào hai thời điểm: sau thời kỳ đổi mới bắt đầu với đại hội đảng lần thứ 6 năm 1986 và sau khi Đảng Cộng sản Liên Xô tan rã năm 1991.

Hiện nay, do đà phát triển chậm lại, đầu tư từ ngoài giảm lớn, quốc nạn tham nhũng tăng, thất nghiệp, nghiện ma túy, mãi dâm gia tăng, lòng dân xao động mạnh, cuộc đấu tranh giữa chính quyền độc đoán và phong trào đòi dân sinh, dân chủ, nhân quyền của nhân dân bước vào *một thời kỳ giáp trận mới*, rất gay go, quyết liệt; tiêu biểu cho phong trào này là các chiến sĩ dân chủ gan góc và tinh táo quyết dán thân cho nghĩa lớn: giành lại tự do, đòi công bằng xã hội.

Thế lực độc đoán tham nhũng đang cai trị đất nước *ý thức rất rõ về thế chông chênh, bị cô lập của họ*. Họ liên tiếp còi báo động.

Sau hội nghị trung ương 6 (kỳ 2) đầu năm, họ đã tập hợp liền năm cuộc họp toàn quốc của các ngành "*công cụ trấn áp*": bảo vệ chính trị, kiểm tra, nội chính, tư tưởng và văn hóa, báo chí, v.v... để siết chặt sự kiểm soát và trừng phạt. Luật báo chí vừa được quốc hội thông qua giữa tháng 5 còn ghê gớm, ác độc hơn trước. 500 tờ báo - số lượng không nhỏ - đều bị kẹp chặt vào gọng kìm chuyên chế của đảng.

Trước *thách thức mới* của chính quyền chuyên chế, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và nhân quyền của đồng bào ta ở trong và ngoài nước cần *trả lời rành mạch*: siết chặt và mở rộng hàng ngũ, liên kết chặt chẽ, đấu tranh quả đoán và thông minh hơn, giành

thắng lợi mới.

Cường quyền hùng hổ trợn mắt ra tay khai trừ tướng Trần Độ, bắt giam nhà địa vật lý Nguyễn Thanh Giang, dọa nạt nhà văn Hoàng Tiến, quản thúc bộ ba sĩ phu: Nguyễn Xuân Tú, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự trong khi chính tâm thần họ hỗn loạn, lo sợ về hậu quả, còn các chiến sĩ dân chủ thì ung dung tự tại, điềm tĩnh, tự tin và vững tin ở sự nghiệp của mình.

Những kinh nghiệm cơ bản

Qua cuộc đấu tranh gay go, bền bỉ, hành trang kinh nghiệm của các chiến sĩ dân chủ ngày thêm phong phú. Những bài học chính là:

* Đây là một cuộc đấu tranh không bạo lực, không súng đạn, nhưng rất *gay go, quyết liệt*, đòi hỏi dán thân và hy sinh, không thể vì bị đe dọa, lên xã, xuống phường, chất vấn, bao vây, quản thúc, gây tai nạn... mà nhụt nhuệ khí. Lại còn phải thông minh, tinh táo, đấu lý, viện lẽ, dựa vào văn bản hiến pháp, pháp luật và pháp lý quốc tế để tiến công trở lại cường quyền độc ác và phi lý.

* Cuộc đấu tranh cần chia mũi nhọn, tập trung tiến công vào *tập đoàn* (hoặc *nhóm*) độc đoán và tham nhũng ở vị trí cao nhất đang chi phối sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Đó cũng là *bộ chính trị* gồm 19 người của đảng cộng sản (hiện chỉ có 18, vì sau khi Đoàn Khuê chết, họ *án binh bất động*, chưa dám cử người thay, vì nhân đó sẽ phải giữ lời hứa với trung ương đảng đưa Nguyễn Đức Bình ra, đưa người mới vào; họ còn tính toán đã nên loại Phạm Thế Duyệt (bị vạch mặt tham nhũng) và Lê Xuân Tùng (ốm khá nặng vì xuất huyết não) ra chưa.... Tập đoàn độc đoán và bảo thủ này còn bao gồm cả một số cận thân thân tín của bộ chính trị ở các cơ quan trung ương và các địa phương.

* *Lực lượng quyết định trực tiếp* kết quả của cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và nhân quyền là *các tầng lớp nhân dân ở trong nước*, mà tiêu biểu là *các chiến sĩ dân chủ* công khai dán thân cho sự nghiệp này.

Do hoàn cảnh thực tế, đồng bào hải ngoại ở phân tán, xa quê hương, nên chỉ có thể là lực lượng hỗ trợ cuộc đấu tranh gay go ở trong nước. Thế nhưng do sự đàn áp khốc liệt của chính quyền độc đoán và độc ác trong cơn tuyệt vọng, do âm mưu kiểm soát, ngăn chặn, chia cắt mới quan hệ trong - ngoài nước, nên cuộc đấu tranh của đồng bào hải ngoại lại có *ý nghĩa quyết định* để bảo vệ, phát triển, tăng âm, tăng thế, tăng lực của cuộc đấu tranh khó khăn của đồng bào trong nước. Hơn nữa, có thể nói *chiếc cầu nối* giữa phong trào đấu tranh ở trong nước với đồng bào ở hải ngoại có *ý nghĩa sinh tử*. Cũng do đó mà sự liên lạc, móc nối, thông tin, giao lưu, đối thoại, kết bạn, gắn bó, phối hợp giữa các chiến sĩ trong và ngoài nước càng ngày càng *mật thiết, nhịp nhàng* là một đòi hỏi của tình thế, tạo nên thế mạnh mới ở cả trong nước và ngoài nước.

* Cuộc đấu tranh hiện nay mang ý nghĩa cách mạng sâu sắc nhằm *giành lại các quyền tự do cơ bản* của người công dân trong một xã hội tiến bộ, văn minh; các quyền tự do đã bị những người lãnh đạo đảng cộng sản tịch thu của toàn xã hội từ khi họ cướp chính quyền năm 1945. Do không có xã hội công dân nên đất nước bị trì trệ, bị kìm hãm, không sao phát triển được. *Lực lượng cách mạng đòi tự do dân chủ hiện nay* gồm mọi cá nhân và đoàn thể, *bất kể quá khứ chính trị ra sao*, nay tự nguyện dán thân cho cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và nhân quyền; đối tượng đấu tranh là *thế lực độc đoán, bảo thủ, giáo điều* đang thống trị đảng và nhà nước, đang

vì đặc quyền đặc lợi mà chống lại và đàn áp cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân, thực hiện đổi mới nửa vời, cản trở sự phát triển của đất nước, phá hoại cuộc hội nhập của Việt Nam vào cộng đồng thế giới. Thế lực (tổ chức hoặc cá nhân) độc đoán, gia trưởng, bảo thủ, tham nhũng, vị kỷ trong cộng đồng Việt Nam ở ngoài nước tuy hò hét chống cộng, nhưng có tác dụng cản trở cuộc đấu tranh và trên thực tế, vô tình giúp cho sự cầm cự của thế lực độc đoán ở trong nước.

Những điều trái khoáy và kên nhau cần khắc phục

Sẽ là điều không tưởng nếu mong muốn 80 triệu đồng bào trong nước phải đấu tranh với nhận thức, tư tưởng, biện pháp của hai triệu đồng bào ở ngoài nước. Hướng gì hai triệu bà con ta ở hải ngoại cũng có rất nhiều vẻ khác nhau.

Điều quan trọng hiện nay là cộng đồng ta ở hải ngoại tìm hiểu đầy đủ, sát đúng *tâm tư, nguyện vọng của đại khối dân tộc ở trong nước*, từ đó tự điều chỉnh mình cho phù hợp, để chung vai chung sức nhằm sớm kết thúc chính quyền độc đoán, bảo thủ và tham nhũng ở trong nước, mở đường cho đất nước phát triển.

Một số thanh niên ham tiến bộ, có ý thức dân chủ, từ trong nước sang Pháp, Hoa Kỳ, Úc..., sau một thời gian quan hệ với bà con ta ở ngoài nước, có cảm tưởng như sau: "Chúng em gặp một số ít chú bác, anh em hiểu tình hình trong nước, nhận định thẳng băng, có mặt tốt, mặt xấu, rất dễ chung sức, phối hợp làm việc và đấu tranh; họ cũng như chúng em, căm ghét nhóm lãnh đạo độc đoán, bảo thủ và tham nhũng, đòi đổi mới chính trị đi cùng đổi mới về kinh tế, xây dựng một chế độ có pháp luật nghiêm minh, chống tham nhũng và bất công. Ngược lại, có nhiều vị khác, chống cộng lu bù, chửi bới không phân biệt tất cả những người cộng sản, phủ nhận mọi thành tựu tích cực ở trong nước; họ để hận thù sâu nặng chi phối suy nghĩ. Họ bị quá khứ thất bại, sự tan vỡ cuộc sống riêng ám ảnh, đeo đẳng nên không còn tỉnh trí để nhìn nhận và xét đoán. Chúng em đọc một số báo của cộng đồng mà không đọc nổi, đọc không hiểu, cả những bài viết về tình hình trong nước".

Khi được hỏi các em mong muốn

cộng đồng ta ở nước ngoài được như thế nào? Hai bạn trẻ, một thực tập ngành Y, một học về luật quốc tế, phát biểu: "Chúng em mong là cộng đồng ta có những người cầm đầu, những người lãnh đạo tài năng hơn, đạo đức hơn những người lãnh đạo ở trong nước. Trước hết là cần có tinh thần dân chủ, rồi có đôi mắt tỉnh táo nhìn rõ sự thật. Họ lên án những người lãnh đạo của đảng cộng sản vô trách nhiệm, vậy mà họ quỳn góp biết bao nhiêu là tiền, đồ la, đồ trang sức, rồi dựng lên hậu cứ giả, chi tiêu bất minh, còn vận động những chiến sĩ của họ trở về để bị chết, bị cầm tù... vậy mà không hề có lời nhìn nhận sai lầm để xin thứ lỗi với đồng bào".

Lời nói của hai bạn trẻ từ trong nước ra đáng làm chúng ta suy ngẫm.

Về *hòa giải và hòa hợp dân tộc*, ở trong nước, linh mục Chân Tín và nhà báo Nguyễn Ngọc Lan đã kết bạn với cựu đảng viên Nguyễn Hộ và nhà thơ (trước kia là cộng sản) Bùi Minh Quốc. Nhà văn Dương Thu Hương, nhà thơ Nguyễn Duy đã kết bạn thân với không ít nhà văn, nhà thơ ở Mỹ vốn từng ở trong quân đội miền Nam. Sĩ quan dù Lê Nam Sơn, quê ở Tuy Hòa, kết thân với sĩ quan sư đoàn 304 miền Bắc Nguyễn Văn Mai, sau khi được biết hai đơn vị đã "choảng" nhau nảy lửa ở chiến trường Quảng Trị... Các chiến sĩ dân chủ ở trong ra ngoài nước, trong khi liên lạc, tìm hiểu, kết thân với nhau là cả một quá trình hòa giải hòa hợp hiển nhiên, không có thể gọi là gì khác được! Tất nhiên không thể có hòa giải hòa hợp với các vị trong tập đoàn độc đoán, bảo thủ; cũng không thể theo kiểu đoàn kết cúi đầu, vâng dạ của Mặt Trận Tổ Quốc, và cũng không thể "xin được hòa hợp hòa giải" kiểu nhận "tội bán nước" để xin được ban lệnh đại ân xá, như vị đại tiến sĩ Phó Bá Long khúm núm đề xuất với ông Đỗ Mười.

Vì có một số đảng viên cộng sản thức tỉnh, trong đó có cả đảng viên là trung tướng (trung tướng Trần Độ, trung tướng Phạm Hồng Sơn), đảng viên là bộ trưởng, thứ trưởng (như cụ Lê Giản, cụ Hoàng Hữu Nhân, cụ Nguyễn Văn Đào...) nên ở trong nước không nêu khẩu hiệu chống cộng, không cần thiết, không có lợi cho sách lược phân hóa đảng cộng sản. Sát với cuộc sống hàng

ngày nên người trong nước nêu trước hết chống tham nhũng, chống bất công xã hội, đòi bình đẳng trước pháp luật... rồi mới nêu yêu sách dân chủ. Nhận thức của người trong nước và người ngoài nước có những sai biệt, trái khoáy là điều dễ hiểu. Sự hình thành của cộng đồng Việt Nam ta ở nước ngoài nhuốm đầy bi kịch, với biết bao máu và nước mắt. Nó có thể nguôi ngoai với thời gian, với thành đạt nổi bật của mỗi gia đình, con cái mở mày mở mặt với đời, do phần đầu gian khổ mà chuyển từ bất hạnh đến hạnh phúc mới; nó nguôi ngoai còn do mỗi người tự vượt lên nỗi đau của mình, để biết rộng lượng hải hà, để không còn ngoái cổ mãi lại quá khứ, nhìn nhận thực tại, bước mạnh tới tương lai trong một cuộc hành quân mới.

Một đồng thuận sâu sắc trong và ngoài nước đang hình thành trong cuộc hành quân này.

Một cuộc hành quân tất thắng vì hợp lòng dân, hợp thời đại, hợp xu thế của lịch sử luôn vận động.

Bạn đồng hành mới, lực lượng đấu tranh mới, rộng lớn, có tiềm năng vô tận.

Thế lực độc đoán, bảo thủ đang cầm cự trong thế chệnh vênh. Sức ép đang tác động từ bốn phía.

Sức mạnh chứa trong muôn vạn lớp sóng ngầm không sao nhìn thấy được. Người ta chỉ cảm được.

Lời của nhà chiến lược kiệt xuất Nguyễn Trãi đang được chiêm nghiệm một lần nữa ở cuối thế kỷ 20 này: "Chở thuyền là dân, mà lật thuyền cũng là dân".

Bùi Tín

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam

ủng hộ tinh thần và vật chất các tù nhân chính trị và những người mắc nạn vì tự do dân chủ.

Hội viên tích cực : 200 FF/năm
Hội viên ân nhân : từ 500 FF/năm trở lên

Liên lạc:

Nghĩa Hội Việt Nam Tự Do

Vietnam Libertés

11 Mail Le Corbusier

77185 Lognes - France

Những thủ đoạn đánh lộn con đen

Thiên Trung

Các đại biểu "đảng cử" của Quốc hội Việt Nam trong kỳ họp mùa Xuân 1999, như thường lệ, đã nghe báo cáo, thảo luận, biểu quyết thông qua dự án luật v.v... Trong các công tác hợp pháp hóa, thể chế hóa chính sách cho Đảng kỳ này có hai việc đáng nêu lên ở đây như những tàn dư của thời chuyên chính lê ra đã phải chấm dứt từ lâu.

Đó là sáng kiến nghiên cứu và thảo luận ở cấp tổ, dự án luật liên quan tới cái vẫn thường được gọi là Mặt trận Tổ quốc và quyết định sửa đổi, bổ sung luật báo chí ngày 28-5-1989.

Bộ mặt thật của Mặt trận Tổ quốc

Thông qua công cụ lập pháp của họ, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam tìm cách hợp pháp hóa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một tổ chức mà họ thành lập từ giữa thập niên 50. Vấn đề này đã được các đại biểu quốc hội "đảng cử" đưa ra thảo luận, dưới hình thức một dự án luật, để chuẩn bị đưa vấn đề ra phiên họp khoáng đại biến dự án thành luật.

Sự thật, tuy đến nay chưa từng được công nhận có một quy chế pháp lý nhưng Mặt trận Tổ quốc trong suốt hơn 40 năm qua đã có và đã sử dụng nhiều thực quyền trực tiếp ảnh hưởng tới sinh hoạt chính trị văn hóa của miền Bắc, và từ sau 1975, của cả nước. Vì Mặt trận Tổ quốc không là gì khác hơn một bộ máy kim kẹp dân chúng, tiếp tay cho chính quyền một mặt bao vây dân chúng hầu chặn đứng mọi mầm mống chống đối chế độ, mặt khác, động viên, bằng biện pháp ép buộc, dân chúng nhắm mắt tuân theo đường lối độc tài toàn trị của Đảng Cộng sản.

Thật vậy, không phải ngẫu nhiên mà Mặt trận Tổ quốc ra đời. Nó đã xuất hiện trong một quá trình biến đổi của những cơ cấu từng mang tên gọi "Hội Phản đế Đồng minh", "Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế" dưới thời Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi "Mặt trận Việt Minh", "Mặt trận Liên Việt" và "Mặt trận Tổ quốc" vào giai đoạn đảng này mai danh ẩn tích dưới tên gọi là Đảng Lao Động. Nói cách khác, Mặt trận Tổ quốc là một cơ cấu ngoại vi thiết yếu của đảng cộng sản, gắn liền với đảng này như hình với

bóng. Chính vì vậy mà càng củng cố được chính quyền, đảng cộng sản càng cần phải củng cố Mặt trận. Sau 1975 chiếm được quyền trên cả nước, đảng đã chính thức hóa sự hiện hữu của Mặt trận Tổ quốc bằng cách cho ghi vào Hiến pháp 1980, nơi điều 9 ấn định thành phần, nghĩa vụ, quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc và nơi điều 86 quy định cho Mặt trận Tổ quốc được quyền trình dự án luật ra trước quốc hội. Đầu thập niên 90, trước sự sụp đổ gần như toàn bộ của độc tài xã hội chủ nghĩa, đảng phải che dấu bớt bộ mặt chuyên chế nên lui về mai phục trong cơ cấu ngoại vi là Mặt trận Tổ quốc. Do đó đảng đã tăng thêm quyền lực cho Mặt trận Tổ quốc. Hiến pháp 1992, hiến pháp đương hành, ngoài điều 87 cho cơ cấu này quyền "trình dự án luật ra trước Quốc hội" "giống như Hiến pháp 1980, nơi điều 9 còn cho Mặt trận quyền "giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước". Bước leo thang mới sắp được thực hiện là sáng kiến dùng quốc hội để công nhận cho Mặt trận Tổ quốc có một quy chế pháp lý tức là một quy chế có hiệu lực bắt buộc mọi người phải tuân theo.

Tất nhiên là nhà cầm quyền cộng sản sẽ lợi dụng cơ hội để huênh hoang trước dư luận quốc tế rằng dân chủ đang được thực thi ở cơ sở và các quan hệ chính trị cũng đang được thay thế bằng những quan hệ pháp quyền. Nhưng họ không nên tính chuyện mượn cây che khuất rừng. Việc thêm bớt quyền cho Mặt trận Tổ quốc không mấy may thay đổi bản chất của chế độ từ chuyên chế sang dân chủ. Không thể chối cãi được là chế độ hiện hành tại Việt Nam là một chế độ tập quyền đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản. Về mặt lý thuyết cũng như về mặt thực tế, tại Việt Nam, từ khi đảng cộng sản cầm quyền đến nay, không hề có phân quyền, chỉ có phân công, phân nhiệm, và như vậy Đảng Cộng sản là chủ thể phân phát thẩm quyền cho các cơ quan, tổ chức từ trên xuống dưới, từ trong cho đến ngoài chính quyền. Ngoài ra tập quyền lại còn đi đôi với dân chủ tập trung nghĩa là đảng cộng sản toàn quyền quyết định tối hậu. Chừng nào chưa có

thay đổi ở hai điểm căn bản này thì mọi thay đổi như loại pháp lý hóa Mặt trận Tổ quốc tối đa cũng chỉ là một sự sắp xếp kỹ thuật ở ngoại vi mà thôi.

Hướng hồ, dự án luật về Mặt trận Tổ quốc không đưa ra yếu tố nào mới trong quan hệ giữa Mặt trận và Đảng cộng sản mà quyền lãnh đạo vẫn được duy trì nguyên vẹn. Dự án luật có được thông qua chẳng nữa thì cũng chỉ là một biện pháp nhằm thể chế hóa đường lối của đảng không hơn không kém. Về điểm này, đối chiếu nội dung dự án luật với chỉ thị số 17-CT-TW ngày 18-4-1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng thì thấy rằng về cơ bản vai trò chính trị của Mặt trận Tổ quốc vẫn không thay đổi. Đó là: "1-Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa xã hội, tăng cường đoàn kết nhất trí với đường lối của Đảng [...] 2- Phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, giữa Mặt trận với chính quyền từ trung ương tới cơ sở. 3- Phản ánh nguyện vọng, ý kiến quần chúng với Đảng [...], cùng các đoàn thể thành viên thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan Nhà nước".

Vai trò công cụ của Mặt trận như vậy đã quá rõ ràng và cũng chưa thay đổi. Làm gì đi nữa, kể cả giám sát, thì cũng phải "nhất trí" với Đảng. Như Trường Chinh năm 1971 đã nhận định: "Chủ nghĩa xã hội càng tiến lên thì Mặt trận càng được mở rộng và củng cố". Các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam trên bước đường cùng, đang tìm cách tái phối trí tàn quân của mình, mượn quần chúng làm đồn lũy hồng bắm lấy địa vị thống trị ngày một lung lay. Đó là ý nghĩa chân thật nhất của dự án luật về Mặt trận Tổ quốc.

Ngược dòng dân chủ

Trong buổi họp chiều ngày 19-5-98 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí ngày 28-12-1989 đã được thông qua. Nói chung, việc sửa đổi này không mở rộng thêm quyền cho báo chí so với luật cũ ra đời cách đây đã hơn 9 năm. Đã vậy, qua lời phát biểu của chính một số đại biểu "đảng cử" của quốc hội, qua thắc

mắc của cơ quan thông tấn chính thức cộng sản, dường như quyền hạn của báo chí còn bị thu hẹp lại.

Cuối thập niên 80, sau khi hệ thống chính quyền cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô cũ sụp đổ, chính quyền cộng sản Việt Nam vội vã ban hành luật ngày 28-12-1989 quy định "chế độ báo chí", tuy nói rằng để bảo đảm cho công dân được quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí nhưng kỳ thực chỉ để thay đổi hình thức kim kẹp báo chí nhằm bắt ép báo chí đi theo đường lối đối mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này đã được minh chứng bởi thực trạng báo chí trong nước trong gần mười năm qua, có tiến bộ về lượng, về hình thức nhưng vẫn hoàn toàn lạc hậu về phẩm, về nội dung. Báo chí vẫn bị bắt ép làm công cụ truyền thông một chiều phục vụ Đảng. Mọi xu hướng muốn thoát ly khỏi vòng kim kẹp này đều bị bóp nghẹt, không bằng biện pháp hành chính thì bằng hình phạt hình sự.

Trước sự công phẫn của dư luận quốc tế về hành động xâm phạm nhân quyền này, trước sức chống đối đầy khí phách của giới trí thức trong nước, nhà cầm quyền Việt Nam đã phải nhượng bộ là sửa đổi và bổ sung luật báo chí cũ. Nhưng chứng nào tật nấy, họ loanh quanh rồi lại vẫn quay về đường cũ, độc quyền ý hệ, chỉ huy tư tưởng. Chính vì vậy mà luật sửa đổi, bổ sung ngày 19-5-99 đã chẳng cải thiện được gì quy chế báo chí cũng như thân phận người cầm bút.

Để đánh giá một cách khách quan luật sửa đổi và bổ sung ngày 19-5-99, ta hãy xem xét nó dưới ánh sáng của hai tiêu chuẩn, một của chính nhà cầm quyền Việt Nam và một của dân chủ phương Tây.

So với luật cũ về báo chí, thật ra luật ngày 19-5-1999 không có những thêm bớt nào đáng kể. Theo tin báo Nhân Dân, mục đích của việc sửa đổi, bổ sung "nhằm tạo điều kiện cho báo chí phát triển đúng hướng, đúng pháp luật, bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân v.v. [...]". Nhưng lại có cái đuôi là "tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với báo chí". Rốt cuộc đầu lại vào đó, quy chế năm 1999 không là gì khác hơn quy chế năm 1989, sơn phết lại với ít nhiều thêm thắt "hoa, lá, cành" cho ra vẻ có sửa đổi, có bổ sung. Tựu trung, trên đại thể vẫn là một nền báo chí không có tự do vì bị đặt dưới sự chi phối về mọi mặt của Nhà nước: Thứ nhất,

theo luật ngày 28-12-1989, 1 trong 4 nhiệm vụ của báo chí là "tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật, của Nhà nước [...] xây dựng và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa [...] xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Ba nhiệm vụ còn lại về thực chất chỉ làm trang trí cho nhiệm vụ loa tuyên truyền cho Đảng mà thôi. Thứ hai, vẫn theo luật nói trên, báo chí phải biết tự kiểm duyệt vì điều 10 của luật này định rằng báo chí "không được kích động nhân dân chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân [...] không được tiết lộ bí mật Nhà nước [...] và những bí mật khác do luật pháp quy định". Những điều cấm kỵ này chắc chắn là sẽ phải được giải thích một cách tùy tiện để ngăn cản không cho báo chí lấy thái độ đối lập với chính quyền. Thứ ba, muốn được hành nghề nhà báo, theo luật trên, "phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ về báo chí do Nhà nước quy định [...]". Nói cách khác, phải được Nhà nước cho phép. Thứ tư, báo chí do Nhà nước quản lý cho nên "báo chí phải có giấy phép do cơ quan quản lý Nhà nước cấp phát mới được hoạt động".

Tóm lại, với những xiềng xích kể trên luật ngày 28-12-1989 đã dành cho Nhà nước cộng sản Việt Nam quyền sinh quyền sát báo chí, luận điệu nói rằng ban hành luật ngày 28-12-1989 để "bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo" chỉ là trưng ra những bánh vẽ để che dấu chính sách báo chí chỉ huy. Lẽ ra, nếu thật sự muốn sửa đổi, tối thiểu cũng phải hủy bỏ những biện pháp bao vây báo chí của luật ngày 28-5-1999. Nhưng nhà cầm quyền đã không có thực tâm muốn sửa đổi nên sau hơn 9 năm làm mưa làm gió mới chịu để ra một văn bản gọi là để sửa đổi, bổ sung nhưng thật ra là để kéo dài thêm tuổi thọ cho luật báo chí ngày 28-12-1989 quá lạc hậu. Chẳng những thế, chính quyền cộng sản còn tìm cách thu hẹp quyền hạn của báo chí. Một mặt, giải thích tùy tiện nguyên tắc "trách nhiệm dân sự" trong việc loan tin, chính quyền cộng sản, qua lời giải trình của Bộ trưởng Nguyễn Khoa Điềm, sẽ áp dụng những chế tài dự liệu bởi luật sửa đổi, bổ sung ngày 19-5-1999 cả với những báo đã thông tin "đúng sự thật"(đi nhiên là không có lợi cho chính quyền)! Mặt

khác, họ bổ sung luật cũ bằng điều khoản cho báo chí được hoạt động kinh doanh. Trong thực tế, sáng kiến này nhằm bành trướng thế lực cho vây cánh của chính quyền nhờ tài trợ bằng công quỹ để bóp chết những tiếng nói tư nhân, độc lập không chịu phục tùng quyền lực công sản, cũng không đủ khả năng tài chính để cạnh tranh với báo chính quyền.

Muốn đo lường cho đúng mức độ lạc hậu của tình trạng báo chí Việt Nam thiết tưởng nên so sánh với tiêu chuẩn dân chủ phương Tây, đồng thời cũng là của nhân loại văn minh thế kỷ 21. Hãy lấy hai thí dụ Mỹ và Pháp. Ai cũng biết rằng vấn đề tự do ngôn luận, tự do báo chí của người công dân Mỹ đã được đăt ra từ cuối thế kỷ thứ 18 với Tu chính án thứ nhất của Hiến pháp Mỹ. Tại Pháp, hai quyền này đã ra đời với luật báo chí ngày 29-7-1881. Người dân Mỹ và Pháp từ những thế kỷ trước, khác với người Việt Nam bây giờ, đã có quyền ra báo mà không phải xin phép trước nhà cầm quyền. Họ lại có toàn quyền suy nghĩ, ăn nói không bị kiểm duyệt như ở Việt Nam.

Tiếp tục kim kẹp báo chí trước thềm thế kỷ 21, những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam quả thật đang đi ngược dòng dân chủ. Cùng là điều tự nhiên thôi, một khi họ đã nắm trọn trong tay cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp thì đương nhiên họ cũng phải chiếm nốt cả quyền thứ tư là báo chí. Nhưng dường như họ quên rằng gồm thâu đủ các thứ quyền như vậy là đang đi hết quá trình tồn tại của mình. Như ở Đông Âu, ở Liên Xô cũ.

Thiên Trung

THÔNG LUẬN

Nguyệt san

Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số);

Địa chỉ liên lạc :

Association VietNam Fraternité,
124bis rue de Flandre
75019 PARIS, FRANCE

Giá báo một năm : Âu Châu 200 FF
hoặc tương đương.

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề :

VIETNAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

Tai hại của lãnh tụ chế

Diệp Tường Bảo

Những người dân chủ Pháp đã thử hầu hết các phương pháp nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Mặt trận Quốc gia (MTQG): tẩy chay, chống đối, thỏa hiệp giữa phe tả và phe hữu để lập "vòng đai cộng hòa" hay ngược lại, tiếp thu một số chủ trương của tổ chức tân phát xít, nhưng tới bây giờ, tất cả những cố gắng đó đã đều vô hiệu. Tuy nhiên, ít ai đã nghĩ đến bản năng tự hủy của một tổ chức hình thành và phát triển trên sự sợ hãi người ngoại quốc hơn là tình đồng bào. Từ xưa cho đến những thập niên 80-90, phe cực hữu Pháp có một hậu thuẫn quanh quẩn 5% cử tri nhưng đã không vượt lên trên được con số đó vì chia rẽ giữa nhiều khuynh hướng: "đám mây" cực hữu Pháp gồm những thành phần tư sản chống đối nhà nước bảo trợ và đề cao tự do kinh tế triệt để cũng như những người công nhân nghi kỵ sự cạnh tranh quốc tế và thù ghét chế độ tư bản, giới Công giáo toàn nguyên cũng như những kẻ quyến luyến nền văn minh đa thần Ấn-Âu nguyên thủy! Tài năng của lãnh tụ sáng lập MTQG, Jean-Marie Le Pen là đã biết lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế để kết hợp các trường phái cực hữu khác nhau đằng sau khẩu hiệu chống di dân nói riêng và những tiến trình hòa nhập quốc tế nói chung. Tới nay, mục tiêu tranh thủ chỗ đứng trên chánh trường Pháp đã là một động cơ đủ mạnh để chế ngự những mâu thuẫn nội bộ nhưng chúng lại bùng ra ngay vào lúc mà MTQG có nhiều triển vọng tham gia chánh quyền nhứt. Chiến lược thỏa hiệp với những phần tử khuynh hữu chấp nhận "đi đêm" với MTQG do tổng đại biểu Bruno Mégret đề xướng đã đạt được mục tiêu phân hóa cánh hữu cộng hòa (xem *Đàn sói trở lại nước Pháp, Thông Luận* 4-98) nhưng kết cuộc lại còn gây nhiều tổn thương hơn cho MTQG! Phe ông Mégret gồm những thành phần trẻ trung và có học thức. Họ tự cho mình một tương lai chánh trị có thể và phải vượt lên trên cái vai trò "phá

đám" hiện tại của tổ chức kỳ thị chủng tộc. Họ đánh giá một cách chí lý rằng con đường đưa đến chánh quyền bất buộc phải đi qua một liên minh với phe hữu ôn hòa và muốn thế, tổ chức tân phát xít phải thay đổi bộ mặt bằng cách từ bỏ một số lập luận quá khích và những thái độ thô bỉ. Nhưng phe ông Le Pen cũng không làm khi cho rằng thái độ đó sẽ làm mờ nhạt hình ảnh của MTQG, biến nó thành một tổ chức hữu khuynh cổ điển và làm nó mất đi một số hậu thuẫn mà không chắc gì sẽ cho phép nó tranh thủ được thêm nhiều cảm tình viên mới. MTQG không thể phát triển hơn được nếu không khước từ một số lập luận mù quáng nhưng từ bỏ chúng lại làm nó mất đi bản thể! Phải nói rằng người ta có ít khả năng thăng hoa những phong trào xây dựng trên hận thù nhứt là khi người chủ động cũng không phải là một thành phần tốt. Chúng ta có một cơ hội để kiểm chứng định luật này trong phạm vi chánh trị Việt Nam bằng cách theo dõi tiến triển của các cuộc biểu tình chống quyền treo cờ đỏ sao vàng và hình Hồ Chí Minh mà một số tổ chức muốn chuyển hướng thành cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Nhưng khó khăn của chánh đảng cực hữu không chỉ ở đó. Lý tưởng nhứt nguyên và chế độ lãnh tụ của một tổ chức như MTQG không cho phép họ thảo luận những đường hướng khác nhau một cách êm thấm và nếu cần, thay thế người cầm đầu một cách ôn hòa. MTQG tan rã thành hai tổ chức cấu xé nhau hơn trên bình diện cá nhân và luật pháp vì đồng ý với nhau về mặt tư tưởng. Thực tại nghịch thường của những phong trào xây dựng theo lãnh tụ chế là cuối cùng họ còn gặp nhiều vấn đề lãnh đạo hơn là các tổ chức dân chủ.

Điều đáng tiếc là cánh hữu ôn hòa đã không lợi dụng được sự đổ vỡ của MTQG để phục hồi ngò hầu trở lại thành một lực lượng đối lập khả tín, một

điều kiện thiết yếu cho sự lãnh mạnh của dân chủ. Vào tháng tư, ngay giữa cuộc vận động cho cuộc bầu cử nghị viện Âu châu sắp tới, chủ tịch Tập hợp Cộng hòa (THCH) kiêm nhân vật số một danh sách hợp bởi THCH và Dân chủ Tự do, Philippe Séguin đã từ chức cả hai chức vụ này. Lý do mà ông Séguin đưa ra là ông đã không nhận được đủ ủng hộ từ tổng thống Jacques Chirac, người đã sáng lập và lãnh đạo THCH. Nhưng ở đây cũng vậy, các tranh cãi cá nhân chỉ là mặt nổi của những khuyết điểm tư tưởng. THCH tuyên xưng tư tưởng De Gaulle nhưng không ai biết nó là cái gì vì thiệt ra nó vốn bắt nguồn từ một sự "thoán đoạt chánh đáng" trong Dệ nhị Thế chiến: tuy rằng nước Pháp đã đóng vai trò thứ yếu trong cuộc chiến, nhờ tài năng và bản lãnh riêng của Charles de Gaulle, họ đã tranh thủ được một chỗ đứng hầu như ngang hàng với ba nước chiến thắng lớn, Mỹ, Nga và Anh. Nhưng nếu ông De Gaulle có "một ý niệm nào đó về nước Pháp" và đã kiên trì phấn đấu để giữ gìn chỗ đứng quốc tế của Pháp một cách đáng phục, phải khách quan mà công nhận rằng ông có những tư duy rất mơ hồ trong các địa hạt đối nội, kinh tế và xã hội. Trong số người hô hào đường lối De Gaulle, có những thành phần ủng hộ tự do kinh tế và nhà nước nhẹ cũng như những người như chính ông De Gaulle, tin ở nhà nước tập trung với một khu vực quốc doanh mạnh. Họ là những người đã chủ trương và khởi xướng quá trình kết hợp Âu châu nhưng lại tỏ ra dè dặt khi nó tiến hành quá mạnh. THCH đã không bao giờ cố gắng khắc phục những mâu thuẫn này bằng cách thảo luận một cách nghiêm chỉnh. Lý do vì nó cũng là một tổ chức theo đuổi lý tưởng nhứt nguyên và đề cao chế độ lãnh tụ. Đó là hậu quả tự nhiên của một phong trào xây dựng xung quanh uy tín của một nhân vật duy nhứt. Có nhiều nhà quan sát còn cho rằng nó vốn chỉ là một bộ máy tranh cử

tạo ra để phục vụ vị chủ tịch. Để đánh dấu sự khác biệt của tổ chức của ông với Liên hiệp Dân chủ Pháp (LHDCP) của cựu tổng thống Valéry Giscard d'Estaing, ông Chirac đã gán cho THCH một thái độ rất phản Âu châu vào lúc đầu. Nhưng ở trong chức vụ thủ tướng vào những năm 1986-1988, ông đã phải dần dần thay đổi lập trường dưới áp lực của thực tế tuy vẫn không chịu công khai cập thời hóa tổ chức mà ông lãnh đạo. Hậu quả của sự du di tư tưởng này là sự lúng túng của THCH trong cuộc trưng cầu dân ý đại trọng về Hiệp ước Maastricht vào năm 1992. Nó đã chỉ lấy được thái độ yếu đuối là ... không có lập trường chính thức. Ông Chirac ủng hộ Hiệp ước Maastricht "với tư cách cá nhân". Ông Séguin trở thành biểu tượng của những thành phần chống Hiệp ước Maastricht thuộc phe hữu cộng hòa. Những gì xảy ra sau đó thuộc lãnh vực tiểu lịch sử. Cuộc giải tán quốc hội vào năm 1997 và sự thất bại của phe tổng thống đưa ông Séguin lên chức chủ tịch THCH. Cuộc bầu cử Âu châu 1999 tới, với tư cách thủ lãnh chính đảng mạnh nhất của phe hữu dân chủ, ông đòi cho mình vai trò số một trong danh sách cánh hữu ôn hòa. Nhưng LHDCP không thể chấp nhận một đầu tàu đã xây dựng một phần lớn tiếng tăm của mình trên lập trường phản Âu châu. Họ quyết định ứng cử riêng. Song song, một số thành phần đã đi theo ông Séguin trong cuộc vận động chống Hiệp ước Maastricht lại không hưởng ứng lập trường theo họ là quá thuận lợi đối với tiến trình kết hợp Âu châu của danh sách của ông Séguin và cũng lấy quyết định thành lập một danh sách riêng. Ông Séguin bị kẹt giữa hai danh sách ủng hộ và chống đối Liên hiệp Âu châu một cách mạnh mẽ, khiến cho danh sách của ông gặp nhiều khó khăn để có một thông điệp rõ ràng. Trong lúc đó, sự cạnh tranh với thủ tướng xã hội Lionel Jospin bắt buộc ông Chirac phải ủng hộ ít nhiều cả ba danh sách. Ông Séguin cho rằng thái độ "ba phải" của ông Chirac đặt ông vào một vị trí quá khập khễnh và từ chức. Ban lãnh đạo THCH phải vội vã thay thế ông Séguin bằng nhân vật số hai của tổ chức nhưng ông này lại là một người ủng hộ Liên hiệp Âu châu khiến cho danh sách phản

Âu châu của phe hữu dân chủ còn có thêm triển vọng chiếm nhiều lá phiếu. Những khó khăn hiện tại của THCH chứng minh hai điều. Một là nếu người ta không thể làm chính trị chỉ bằng tư tưởng thì người ta cũng không thể làm chính trị mà không có một chủ thuyết rõ rệt nào cả. Hai là chủ nghĩa nhút nhát và chế độ lãnh tụ là những đường lối lỗi thời. Thế giới đã trở nên quá phức tạp và biến chuyển quá nhanh chóng để tư tưởng của một người có thể là lá bùa vạn năng trả lời tất cả các câu hỏi và giải tỏa mọi vấn đề. Tốt hơn là chấp nhận, thậm chí khuyến khích đa nguyên tư duy. Điều này không cấm cản lập trường tập thể và lãnh đạo thống nhất nhưng đó phải là một tình trạng đạt đến sau nhiều thảo luận và biểu quyết chứ không thể áp đặt như một tiền đề. Có lẽ vì họ đã hiểu thấu được điều đó mà "phe tả đa nguyên" (*gauche plurielle*) Pháp gạt hái được những thành công ngoạn mục hiện nay.

Diệp Tường Bảo

Đính chính

Trong bài "Không gian sinh tồn, lãnh thổ và quốc tịch" của Nguyễn Văn Huy, Thông Luận số 126, tháng 05.99, trang 12, đoạn 2:

"Thực tế không hẳn như vậy. *Lãnh thổ Việt Nam* cho đến đầu thế kỷ 18 chỉ là một dải đất hẹp...".

Xin đọc lại là "Thực tế không hẳn như vậy. Cuộc Nam tiến của Việt Nam cho đến đầu thế kỷ 18 chỉ chinh phục được một dải đất hẹp...".

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro, xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF

(hoặc tương đương)

Ngân phiếu xin đề

VIETNAM FRATERNITE

(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc :

THÔNG LUẬN

124 bis, rue de Flandre

75019 Paris, FRANCE

Bạn đọc tại Đức xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048

Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G

THANH LUONG, NGUYEN

Konto-Nr: 00 77 70 82 94

Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với

Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592

Fremont, CA 94537 - 7592

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

Mrs. Vuong Bich Ngoc

36 Kallista Road

Springvale Vic 3171

Thông Luận hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp, mọi ủng hộ tài chính và cảm ơn quý vị đã cổ động và phổ biến tờ báo

Suy tư trước thềm năm 2000

Nguyễn Minh Cần

Ngàn năm có một

Là năm kết thúc thế kỷ 20 và thiên niên kỷ thứ hai, đồng thời là năm chuẩn bị cho lịch sử đi vào thế kỷ 21 và thiên niên kỷ thứ ba, năm 2000 mang trong lòng nó một ý nghĩa tâm lý lớn lao đối với loài người. Ngàn năm mới có một năm 'bản lề' như vậy! Không phải ai cũng được sống vào cái thời điểm hiếm có đó. Chính vì thế trước thềm năm 2000, mỗi người đều có những suy tư về mình, về gia đình, về dân tộc và đất nước mình. Mỗi người đều thấy lòng háo hức, mong muốn làm được một cái gì đó thật tốt cho mình, cho gia đình, cho dân tộc và đất nước để tất cả những cái thân thiết ấy đều vươn mạnh lên trong thời đại mới với tương lai tươi sáng hơn. Dù muốn hay không, tự nhiên mỗi người đều nhìn lại con đường mình đã qua để ước mơ, hoặc để định hướng cho mình trên con đường sắp tới với hoài vọng tốt đẹp.

Trước thềm năm 2000, trí óc của mỗi người có suy tư đều thấy bận rộn bởi bao câu hỏi, bao điều cật vấn, bao sự cần rút, bao nỗi hân hoan... Ta đã làm gì, đã không làm gì, điều gì dở, điều gì hay, đâu là làm lạc, đâu là tội lỗi, đâu là thành tựu, đâu là công lao... đối với mình, với gia đình, với dân tộc và đất nước?

Huyền bí của chu kỳ

Đó là chưa nói đến ý nghĩa tâm linh của năm 2000. Vì - điều này thật là huyền bí - dường như cứ mỗi một chu kỳ 500 hay 1000 năm, lịch sử thế giới thường được đánh dấu bởi những biến thiên lớn, những bước ngoặt kỳ vi, mà cùng có thể cả những đảo lộn, những đổ vỡ đầy kịch tính mà chính con người không hiểu nổi nguồn cơn. Chính vì thế, con người đứng trước thế kỷ và thiên niên kỷ mới với lòng đầy hy vọng, nhưng lại xen lẫn những băn khoăn, thắc mắc, thậm chí lo âu, sợ sệt... Cái gì sẽ xảy đến đây? Bao nhiêu lỗi lầm, bao nhiêu tội ác mà con người đã gieo rắc cho nhau, cho muôn loài, muôn vật... Thế thì họ sẽ gánh chịu nổi bất hạnh nào đây? Hay là tận cùng thế giới? Mà cùng có thể có những ý nghĩ lạc quan hơn: bao nhiêu công đức, bao nhiêu thành tựu đã đạt được

để con người đáng được gọi là 'hoa đất' (1). Cái gì sẽ là phần thưởng đây? Một thế giới yên bình, hài hòa, thoải mái đầy hạnh phúc ư? Người với người, người với vật sẽ sống với nhau trong tình thương yêu bất diệt ư? Họ sẽ mãi mãi là bạn ư? Bao nhiêu hồi hộp, khắc khoải của những con tim, của những khối óc trước thềm thế kỷ mới...

Con người được chấp cánh

Những năm cuối của thế kỷ 20 báo hiệu một kỷ nguyên mới của nền văn minh nhân loại với cuộc cách mạng tin học, với những loại siêu kỹ thuật chưa từng thấy, như trí tuệ nhân tạo, những loại siêu vi tính, với những thành tựu về sinh hóa học, di truyền học... Những thành tựu của nền văn minh điện toán đang phát huy tác dụng mạnh mẽ trong nhiều nước và thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa mọi lĩnh vực đời sống của loài người. Đứng trước ngưỡng cửa thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới, con người dường như được chấp cánh để bay xa hơn nữa trong những ước mơ táo bạo của mình. Nhiều điều ngày nay coi là giả tưởng thì rồi đây sẽ dần dần được thực hiện trong tương lai không còn xa lắm.

Thế nhưng, thế giới mà ta đang sống lại phát triển không đồng đều. Một số ít nước ở châu Âu và Bắc Mỹ đã hoàn thành cách mạng công nghiệp từ lâu, được coi là những nước hậu công nghiệp, nay đã bắt tay có kết quả vào cuộc cách mạng tin học, họ đang đi tiên phong trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, họ có nhiều hy vọng nắm ưu thế lâu dài trong nhiều lĩnh vực trên thế giới và có thể áp đảo các nước khác trong cuộc cạnh tranh sinh tồn. Nhiều nước khác đang cố gắng hoàn thành cuộc cách mạng công nghiệp, trong số đó một số nước đã thành công vượt bậc do áp dụng được kỹ thuật tối tân của các nước hậu công nghiệp, những nước này đang có cơ ngoi lên sánh vai cùng các nước tiên tiến. Nhưng còn rất nhiều nước khác ở các châu Á, Phi, Mỹ La Tinh, nơi thì mới bắt đầu công nghiệp hóa, nơi thì còn chưa quá quyết bắt tay vào việc đó, họ vẫn luẩn quẩn trong thời kỳ nông nghiệp. Đó là

những nước chậm tiến nhất, có nguy cơ bị tụt hậu mãi mãi trong thế kỷ mới vì không vươn lên được trong cuộc cạnh tranh gay gắt sắp tới. Đáng buồn thay, trong số các nước ấy lại có nước Việt Nam thân yêu của chúng ta!

Những nổi ưu tư

Cái điều đáng buồn đó bắt buộc mỗi người Việt Nam con nhiệt huyết trong tim phải nhìn lại và suy tư nhiều về dân tộc và đất nước trên những bước thăng trầm của lịch sử vừa qua.

Điều rất bất hạnh là dân ta đã phải đi theo con đường gian khổ nhất, lâu dài nhất, tốn nhiều xương máu nhất để thoát khỏi chế độ thực dân và giành được nền độc lập của đất nước. Trong lúc đó bao nhiêu quốc gia khác cũng đã từng bị lệ thuộc nước ngoài, nhưng họ đi theo con đường khác hẳn chúng ta, họ giành được độc lập chẳng những sớm hơn, mà lại ít đau đớn hơn, ít tốn xương máu hơn nhiều. Đúng là dân ta đã mất đi nhiều thập niên quý báu, đã tổn thất quá lớn, đã "xuất huyết" quá nhiều so với các nước khác trước khi bắt đầu cuộc chạy đua để sinh tồn trong thế kỷ mới.

Điều phũ phàng nhất là sau bao thập niên đấu tranh cực kỳ gian khổ, với bao nhiêu hy sinh lớn lao để giải phóng dân tộc, những tưởng thoát khỏi vòng nô lệ của nước ngoài rồi, dân ta sẽ được làm chủ thật (2), được làm người tự do, nhưng, oái ăm thay, dân ta lại rơi vào vòng nô lệ của người trong nước, mà "bọn chủ nô" mới này lại chính là những kẻ đã từng vẫy gọi dân ta theo họ làm "cách mạng" giải phóng, còn bây giờ ở chính những kẻ này nắm lấy quyền lực, thực sự thụ hưởng thành quả "cách mạng" và lại đang tâm tước đoạt quyền tự do dân chủ của dân ta!

Những tổn thất lớn

Không những thế, chúng ta lại mất thêm nhiều năm, thậm chí nhiều thập niên, với nhiều hy sinh và tổn thất lớn lao về người và của vào những thử nghiệm vớ vẩn để "xây dựng thiên đường cộng sản trên trái đất", trong lúc các nước khác vốn cùng hoàn cảnh, cùng trình độ phát triển như

nước ta, lại không phải mất thời gian, tiền của, xương máu... vào những điều vô vắn đó, giờ đây đã vượt xa nước ta và họ đang có lợi thế hơn ta trong cuộc đấu tranh sinh tồn khi bước vào thế kỷ mới!

Những bước lầm lạc của nước ta, do đảng cộng sản tự xưng là "đỉnh cao của trí tuệ" nắm độc quyền dân dất, chẳng những đã gây ra nhiều thiệt hại như đã nói, mà tổn thất lớn nhất khó lòng lượng định chính là về mặt tinh thần, đạo đức, tâm linh của dân tộc. Chúng ta đang chứng kiến nếp sống tinh thần, đạo đức truyền thống của dân tộc ta bị phá vỡ, lòng yêu nước, yêu dân bị rã rời, thui chột, luân lý, nhân cách bị băng hoại, sự đoàn kết, hợp quần của cộng đồng dân tộc bị nứt rạn, bị tổn thương trầm trọng do chính sách "đấu tranh giai cấp", kỳ thị giai cấp, do cuộc nội chiến kéo dài, do thái độ hận thù, kỳ thị và chính trị bạo tàn, bất bao dung của kẻ cầm quyền đối với bộ phận lớn dân chúng... Bước vào thế kỷ mới với trạng thái tinh thần như thế, hiển nhiên là dân ta khó lòng có được thế mạnh so với các dân tộc khác.

Những nỗi đau lớn

Thật là xót xa biết bao, khi thấy đất nước ta cho đến cuối thế kỷ 20 này vẫn là một trong những xứ sở nghèo đói nhất thế giới (3), vẫn là một trong những nước vô quyền nhất thế giới, vì những quyền tự do sơ đẳng của con người, như tự do bầu cử và ứng cử, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, tự do tín ngưỡng... vẫn còn là ước mơ xa vời, cho đến nay vẫn chỉ nằm trên giấy. Nước ta thực tế đang phải sống dưới một chế độ độc tài vô cùng khắc nghiệt, với nền thống trị độc tôn của một đảng duy nhất. Nói là của một đảng thì cũng chưa đúng hẳn, vì thực tế đó là nền thống trị độc tôn của một nhóm người trong đảng mà thôi. Chính tập đoàn này, chứ không phải ai khác, đã phản bội lại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở nước ta, phản bội quảng đại dân chúng Việt Nam đã đổ xương máu, tính mạng, tài sản, khi tham gia cuộc cách mạng đó. Chính tập đoàn thống trị này, chứ không phải ai khác, đã bội ước, khi rút bỏ những điều hứa hẹn về dân chủ tự do, về quyền con người mà họ đã hào phóng đưa ra khi bắt đầu kêu gọi dân chúng đứng dưới lá cờ đấu tranh của họ. Chính tập đoàn thống trị này, chứ không phải ai khác, đã đưa dân tộc và đất nước ta đến tình trạng khốn khổ, tui nhục như ngày nay.

Có thể là những điều này mới nghe

qua lần đầu, một số người trong đảng cầm quyền thấy khó lọt tai, nhưng đó là sự thật, đó là thực tiễn. Thực tiễn đó chắc chắn sẽ dần dần mở mắt cho nhiều người đã từng chiến đấu dưới lá cờ của đảng cầm quyền hiện nay, sẽ dần dần làm cho nhiều người bừng tỉnh giấc, thấy mình "đầu ngớ"... (4) sau khi đã hy sinh tất cả cho một thiểu số nắm lấy quyền lực và hưởng lợi lộc.

Cái đau xót lớn nhất của dân tộc ta là trước ngưỡng cửa thế kỷ mới, đất nước ta không được chuẩn bị đầy đủ để có thể lao vào cuộc cạnh tranh khốc liệt để sinh tồn trong tương lai. Làm sao dân tộc ta có thể tiến lên được khi còn bị trói buộc trong xiềng xích của chế độ độc tài đảng trị quá lỗi thời? Làm sao đất nước ta có thể phát triển tốt đẹp được khi người dân không có quyền tự do dân chủ? Mà chỉ có dân chủ và tự do mới tạo được điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước. Cuối thế kỷ trước, thế kỷ 19, chính vì đất nước ta không theo kịp đà tiến hóa chung của nhân loại mà trong suốt thế kỷ 20 này dân ta phải chịu cảnh đau khổ triền miên vì tai họa mất nước, vì tai họa chiến tranh, vì tai họa độc tài đảng trị. Còn cuối thế kỷ này, rõ ràng là dân ta lại chậm chân lần nữa trong lúc nhiều nước tiến lên nhanh chóng, vượt xa nước ta. Mà trong thời đại văn minh ngày nay, bất cứ dân tộc nào chậm tiến đều có nguy cơ bị các dân tộc khác bỏ lại lại mãi mãi đằng sau trong cuộc đấu tranh sinh tồn.

Bài toán cực khó

Chúng ta biết rõ chế độ độc tài chuyên chế hiện nay là trở lực trên con đường tiến lên của đất nước và dân tộc. Vậy mà bài toán quốc gia đặt ra là: phải làm sao dần dần chuyển hóa một cách hòa bình, không bạo lực chế độ độc tài, cực quyền hiện nay thành chế độ dân chủ đích thực mà không gây ra đổ vỡ, hỗn loạn, trong điều kiện giai cấp cầm quyền vũ trang đến tận răng và đảng cầm quyền độc chiếm toàn bộ quyền lực và huyết mạch trong nước. Quả là một bài toán cực kỳ khó khăn đang đặt ra trước toàn dân tộc khi chuẩn bị bước vào thế kỷ mới.

Không có một sự đồng tâm hiệp lực của toàn dân - trong cùng như ngoài nước - trong cuộc đấu tranh chính trị để chống lại sức ỳ ghê gớm của bộ phận bảo thủ nhất trong đảng và giai cấp cầm quyền hiện nay ở nước ta thì không thể nào giải được bài toán đó. Không huy động được một sức mạnh tổng hợp lớn lao do liên kết được cuộc đấu tranh chống tham nhũng,

chống bóc lột, giành quyền lợi hàng ngày của dân chúng với cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ, với cuộc đấu tranh của các đảng viên cấp tiến có lương tâm đang đòi dân chủ hóa đảng và xã hội, với cuộc vận động dân chủ của cộng đồng người Việt hải ngoại, với sự ủng hộ mạnh mẽ của các tổ chức và phong trào dân chủ, nhân quyền trên thế giới thì không tài nào giải nổi bài toán đó.

Cuộc đấu tranh của dân ta đòi hỏi những người dân chủ và của quảng đại dân chúng giác ngộ phải thể hiện lòng yêu nước cao độ, tinh thần dấn thân, sẵn sàng hy sinh, ý chí quyết tâm, kiên trì, nhẫn nại. Cuộc đấu tranh đó phải chia mũi nhọn đúng vào nhóm người tối thiểu số rất bảo thủ đang nhân danh đảng, nhân danh nhân dân thao túng toàn bộ quyền lực của đất nước. Vì thế, cần thấy rõ rằng: mọi sự đi chệch mục tiêu, chệch đối tượng đấu tranh và phương thức đấu tranh nói trên đều trực tiếp hay gián tiếp làm lợi cho giai cấp cầm quyền. Những khẩu hiệu cực đoan, những hành động quá khích, những lời lẽ quá trớn... đều có tác dụng ngược, tác hại lớn đến cuộc vận động dân chủ hiện nay.

Kiên trì và khôn khéo

Những người dân chủ trong nước không thể có ảo tưởng chờ đợi sự "giác ngộ" của nhóm người đang thực tế thống trị toàn đảng, toàn xã hội hiện nay. Họ nhận thức rõ ràng: không có đấu tranh với nhóm người này thì không thể nào giành được tự do dân chủ. Mà muốn giành được tự do dân chủ thì phải trả giá, thậm chí trả giá lớn. Tuy nhiên, để cuộc đấu tranh đó giành được thắng lợi thì nó phải được tiến hành bằng những phương thức thích hợp, ôn hòa, khôn khéo, kiên trì. Cần phải tận dụng mọi khả năng trong nước, ngoài nước mà đẩy lùi tập đoàn thống trị từng bước, dần dần dồn ép tập đoàn đó vào thế phải chuyển đổi. Cần phân hóa hàng ngũ những kẻ cầm quyền, tranh thủ bộ phận có thể biến đổi, cô lập bộ phận bảo thủ, lạc hậu đến mức loại trừ bộ phận đó ra khỏi bộ máy quyền lực. Cần phải tận dụng mọi hình thức đấu tranh hợp hiến, hợp pháp, từ việc thường xuyên và liên tục gửi kiến nghị, đơn từ, yêu cầu, khiếu nại, đòi hỏi... cho đến biểu tình, đình công, bãi khóa, bãi chợ, v.v... Nhưng hết sức tránh những hình thức quá khích mà giai cấp cầm quyền có thể vin cơ buộc tội lật đổ, còn quần chúng thì xa lánh, không chấp nhận. Những người dân chủ trong nước cố mở rộng cuộc "chống đối thâm lặng" muốn

hình muốn về để khi thòi cơ thuận lợi đến, nó dễ trở thành sức mạnh lớn lao góp phần chuyển hóa chế độ độc tài, cực quyền thành chế độ dân chủ đích thực.

Sự nghiệp quần chúng

Công cuộc dân chủ hóa đất nước không phải chỉ là ý nguyện của trí thức, "si phu", "chí sĩ", càng không phải là "âm mưu" của một thiểu số có đầu óc phiêu lưu, mà là một cuộc vận động của đông đảo dân chúng, là sự nghiệp quần chúng, cuốn hút sự tham gia tích cực của quảng đại dân chúng, của tất cả các tầng lớp nhân dân. Muốn thế, người dân phải hiểu rõ những mục tiêu cụ thể mà họ nhắm tới để nước nhà trở thành một nước dân chủ thực sự.

Thiết tưởng không cần phải bóp óc động não gì ghê gớm, cứ tổng kết lại những đòi hỏi của dân chúng trong nước qua các cuộc đấu tranh đã diễn ra, qua các kiến nghị, đơn từ, khiếu nại, yêu sách, thư từ, do người dân bình thường, công nhân, nông dân (đồng bằng sông Cửu Long, Thái Bình, Nam Định, Xuân Lộc, các tỉnh khu Bốn cũ, v.v...), trí thức, sinh viên, cựu chiến binh, cán bộ viên chức hồi hưu, tín đồ các tôn giáo, các nạn nhân của chế độ... gửi cho đảng và giai cấp cầm quyền, cứ tổng kết lại những bài báo đã đăng hoặc không được đăng chính thức, những diễn văn, thư ngỏ, lời tuyên bố... từ hồi những năm 50 cho đến nay của các trí thức, nhân sĩ trong nước, ở trong đảng cũng như ngoài đảng (4), từ Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Minh Chính... cho đến Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Nguyễn Hộ, Tạ Bá Tòng, Nguyễn Văn Trấn, La Văn Lâm, Lê Giảng, Nguyễn Khắc Viện, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Đình Huy, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Đỗ Trung Hiếu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Dương Thu Hương, Trần Độ, Lê Hồng Hà, Vũ Huy Cường, Hoàng Hữu Nhân... thì thấy rất rõ cả một danh mục đầy đủ những đòi hỏi thiết thân mà quảng đại dân chúng Việt Nam mong muốn đạt cho được.

Ý nguyện của dân

Có thể liệt kê những điều đã được nêu ra, thể hiện ý nguyện của dân và mục tiêu cụ thể của cuộc vận động dân chủ trong nước:

1/ đấu tranh chống nạn tham nhũng

trần lan của các cán bộ, quan chức đảng và nhà nước ở mọi cấp; chống phụ thu lạm bổ, chống tệ nạn bòn vét, bóc lột của đám cường hào mới đối với người dân;

2/ đấu tranh chống việc các cơ quan nhà nước hay các cán bộ địa phương cường chiếm ruộng đất của nông dân và những người lao động;

3/ đấu tranh đòi cho người dân, nhất là nông dân được quyền sở hữu ruộng đất, được làm chủ thật sự trên mảnh đất của mình, cũng như sản phẩm do mình làm ra, mà không bị thu mua cưỡng ép, bắt công; đấu tranh đòi nhà nước tăng chi ngân sách để xây dựng nông thôn, cải thiện đời sống đói nghèo hiện nay của nông dân;

4/ đấu tranh chống bóc lột, áp bức công nhân, viên chức trong các nhà máy công cùng như tư; đấu tranh đòi nhà nước giải quyết nạn thất nghiệp nặng nề ở thành thị cũng như ở nông thôn và định một chế độ trợ cấp đủ sống cho những người thất nghiệp;

5/ đấu tranh đòi nhà nước chính thức thừa nhận bằng luật pháp tính chất bất khả xâm phạm của quyền tư hữu tài sản của công dân, kể cả đối với các tư liệu sản xuất;

6/ đấu tranh chống đặc quyền đặc lợi của những kẻ cầm quyền, đòi thực hiện công bằng xã hội trong mọi lĩnh vực;

7/ đấu tranh đòi nhà nước thả hết tất cả tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, đòi xét lại các vụ án phi pháp từ trước đến nay, đòi nhà nước minh oan và bồi thường về thiệt hại vật chất, tinh thần cho những người bị oan và gia đình của họ;

8/ đấu tranh đòi nhà nước hủy bỏ nghị định 31/CP vi hiến và phi pháp, đòi giải tỏa tất cả những người bị quản chế vì lý do chính trị, đòi xóa bỏ những luật lệ có nội dung không phù hợp với hiến pháp hiện hành; đấu tranh chống đàn áp, khủng bố những tiếng nói đòi dân chủ, tự do, nhân quyền;

9/ đấu tranh đòi nhà nước thực hiện đầy đủ quyền tự do dân chủ đã ghi trong hiến pháp và tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền và dân quyền mà Việt Nam đã ký kết - tự do tư tưởng, tự do ngôn luận (phát biểu ý kiến mà không bị theo dõi, đàn áp, tù đày), tự do báo chí (bỏ chế độ kiểm duyệt, tư nhân được quyền ra báo, kể cả báo điện tử, báo nói, báo hình...), tự do lập hội, trước hết là lập nghiệp đoàn/công đoàn tự do;

10/ đấu tranh đòi nhà nước quan tâm đúng mức việc phát triển giáo dục, cả về mặt cơ sở vật chất (trường sở, thiết bị, sách

giáo khoa...) lẫn chất lượng giáo dục; đòi thực hiện cải cách giáo dục; đòi cải thiện đời sống vật chất của nhà giáo trên khắp mọi miền đất nước;

11/ đấu tranh đòi nhà nước giúp đỡ phát triển mọi ngành văn hóa, nhất là ở các vùng nông thôn, vùng dân tộc ít người, giữ gìn văn hóa truyền thống của các dân tộc; đấu tranh chống sự xâm nhập của những thú văn hóa bạo lực, khiêu dâm... làm sa đọa thanh thiếu niên;

12/ đấu tranh đòi thực hiện đầy đủ quyền tự do tín ngưỡng, đòi nhà nước không được can thiệp vào công việc tôn giáo, kể cả việc đào tạo tu sĩ, phong bực giáo phẩm; đòi nhà nước trả lại những tài sản, các cơ sở hành đạo, từ thiện, giáo dục, xuất bản... của các tôn giáo; đòi phải để cho các tổ chức tôn giáo vốn có trước đây được hoạt động trở lại;

13/ đấu tranh đòi thực hiện quyền bình đẳng của mọi công dân trước luật pháp, đòi các cán bộ đảng viên phạm pháp phải bị đưa ra xét xử trước tòa án như mọi công dân khác và chấm dứt mọi sự bao che của đảng đối với loại người phạm pháp ấy bằng lối xử "nội bộ" đấm dúi trong đảng;

14/ đấu tranh đòi được quyền tự do bầu cử, ứng cử vào các cơ quan dân cử và các chức vụ; nhà nước không được vì lý do gì mà hạn chế quyền bầu cử và ứng cử đó của công dân; phải hủy bỏ lối loại người tự ra ứng cử bằng thủ đoạn đưa ra Mặt trận Tổ quốc xét duyệt;

15/ đấu tranh đòi phân lập rõ ràng giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; đấu tranh để bảo vệ tính chất độc lập và vô tư của ngành tư pháp; đấu tranh để xây dựng pháp chế dân chủ và công bằng, xây dựng nhà nước pháp quyền; đấu tranh để không một lớp người đặc biệt nào, không một đảng nào được đứng trên luật pháp;

16/ đấu tranh đòi chấm dứt tình trạng độc tôn của bất cứ một đảng nào trong nền chính trị quốc gia, đòi hủy bỏ điều 4 trong hiến pháp hiện hành, tức là điều quy định vai trò độc tôn của đảng cộng sản trong nhà nước và xã hội;

17/ đấu tranh đòi đảng cộng sản, cũng như bất cứ đảng nào khác, không được lũng đoạn các cơ quan nhà nước, không được sử dụng ngân sách nhà nước do toàn dân đóng thuế để dùng cho đảng của mình, không được sử dụng thì giờ làm việc ở các cơ quan nhà nước vào những hoạt động của đảng;

18/ hoan nghênh các cán bộ đảng viên của đảng cộng sản đấu tranh đòi đổi mới đảng một cách căn bản, đòi gạt bỏ chủ

nghĩa Marx-Lenin ra khỏi nền tảng tư tưởng của đảng, từ bỏ nguyên tắc tổ chức tập trung dân chủ, từ bỏ chuyên chính vô sản, từ bỏ "định hướng xã hội chủ nghĩa", để biến đảng cộng sản từ đảng độc tài thành đảng có tính chất dân chủ;

19/ đấu tranh đòi xác lập rõ ràng bằng luật pháp quy chế hoạt động của các đảng, kể cả đảng cộng sản, trong đó cần quy định rõ các cơ quan nhà nước, quân đội, công an, tòa án là những tổ chức của toàn dân, không một đảng nào được phép cài tổ chức của mình trong đó;

20/ đấu tranh đòi tiến tới một cuộc hội nghị bàn tròn gồm tất cả các thành phần, các giới dân chúng, trong nước cũng như ngoài nước, phe cầm quyền cũng như phe đối lập, để cùng nhau tìm một con đường chung đưa đất nước hòa bình tiến triển thành một quốc gia dân chủ đích thực. Đây, cuộc vận động dân chủ của nhân dân ta có nội dung cụ thể, rõ ràng, minh bạch như thế. Đó không phải là ý muốn chủ quan của một ai cả, mà đó là nguyện vọng chung của đông đảo dân chúng do chính những người trong nước đưa ra. Với nội dung đó, phe cầm quyền không thể nào buộc tội những người dân chủ đang cổ vũ cho việc đấu tranh để thực hiện những đòi hỏi trên là có âm mưu lật đổ được, vì tất cả những nguyện vọng thiết tha trên đây đều mang rõ tính chất xây dựng, hợp hiến, hợp pháp, hòa bình, bất bạo động. Với những mục tiêu như thế chắc chắn cuộc vận động dân chủ sẽ có sức cuốn hút toàn dân mạnh mẽ và được sự ủng hộ của dư luận quốc tế.

Nuôi dưỡng cái tâm cảm thông

Như đã nói, sự nghiệp dân chủ là sự nghiệp của dân chúng. Ý chí của dân là quyết định. Nếu người dân an phận làm kẻ nô lệ thì muốn đời họ vẫn là nô lệ, trái lại nếu người dân muốn vươn lên làm người tự do thì họ sẽ được làm người tự do và chính họ sẽ tự mình xây dựng nên chế độ dân chủ theo ý của họ.

Nhưng có ý chí vẫn chưa đủ, còn cần có sự hợp quần, cố kết của dân chúng, cần có sự đồng tâm nhất trí của toàn dân nữa. Khốn thay, về mặt này dân ta còn khá nhiều nhược điểm. Do chính sách đấu tranh giai cấp, kỳ thị giai cấp của đảng cộng sản, do cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn kéo dài trong nhiều thập niên, nên trong dân ta còn nhiều hận thù, chia rẽ, mâu thuẫn nặng nề, đặc biệt là giữa miền Bắc - miền Nam, giữa những người gọi là "quốc gia" và những người "cộng

sản"... Cố nhiên, xóa nhòa những hận thù, chia rẽ, mâu thuẫn đó không thể nhanh chóng, nhưng nếu ai cũng vì đại nghĩa, vì sự nghiệp cao cả của dân tộc, ai cũng biết dẹp cái riêng, cái cá nhân nhỏ bé của mình để đặt cái chung, đặt quốc gia, dân tộc, đặt đại cuộc lên trên hết, thì những trở ngại trên không phải là không giải quyết được.

Xin mỗi người hãy để những giờ phút tĩnh lặng, lắng lòng suy niệm để hiểu thấu nỗi khổ đau, nhục nhằn của toàn thể đồng bào ta dưới chế độ độc tài đảng trị. Người dân miền Bắc thì cố hiểu rõ nỗi đau xót, tủi hận, mất mát lớn lao của dân chúng miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người dân miền Nam thì, trái lại, cố hiểu rõ nỗi đau xót, mất mát to lớn, cái thân phận "bung xung" khổ nhục của dân chúng miền Bắc từ sau năm 1954. Còn người ngoài đảng, cũng cố hiểu rõ là số đông những người cộng sản cũng chịu nhiều đau khổ dưới sự thống trị của một tập đoàn thiểu số trong đảng. Tất cả đều là nạn nhân đáng thương của chế độ độc tài đảng trị. Hiểu được như thế thì dân ta dễ gần nhau hơn. Xin hãy vứt bỏ cái quan điểm giai cấp bệnh hoạn, cái ý thức hệ Marx-Lenin nguy hại! Xin hãy dập tắt ngọn lửa hận thù giữa những người con cùng một mẹ! Hãy dựa vào thông điệp tuyệt vời của tổ tiên ta đã truyền lại cho các thế hệ dân ta về tình huynh đệ qua huyền thoại Mẹ Âu Cơ sinh ra một trăm con trong cùng một bọc, hãy dựa vào những giá trị chung mà từ xưa đến nay loài người đều lấy làm mẫu mực là lòng nhân ái, lòng từ bi, để quán tưởng nỗi đau xót, tủi nhục, mất mát của mỗi người dân nước ta - vốn là anh em ruột thịt - trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn ác liệt. Hãy cảm thông người binh sĩ miền Bắc, cũng như người binh sĩ miền Nam, khi hai anh em xông vào đánh nhau, dù khác chiến tuyến, nhưng mỗi người đều cùng mang trong lòng ý thức xả thân vì nghĩa vụ bảo vệ cho gia đình, cho đất nước thân yêu của họ. Đây mới thật là đại bi kịch, đại bất hạnh của cả dân tộc! Hãy cảm thông cho cả hai bên, vì trong số các binh sĩ đó có ai ngờ rằng mình đã chiến đấu cho quyền lợi của những lực lượng quốc tế đối nghịch về ý thức hệ. Suy tưởng như thế, mỗi người sẽ cảm thấy lòng bao dung mở rộng, càng thấy thương yêu người đồng bào, đồng loại của mình và dễ dàng hòa giải hòa hợp dân tộc để cùng bắt tay nhau vì sự nghiệp chung: xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, văn minh và giàu mạnh.

Thời gian không chờ đợi

Chẳng còn mấy nữa, năm 2000 đến gõ cửa từng nhà. Mỗi người Việt Nam lòng tự hỏi lòng: ta phải làm gì đây cho Tổ quốc, cho công cuộc đấu tranh sinh tồn của nước nhà, của gia đình và bản thân? Người Việt Nam trong và ngoài nước thiết tha với sự nghiệp dân chủ hóa đất nước hãy chung sức chung lòng tìm cách giải bài toán quốc gia trên tinh thần đồng thuận! Không thể chậm được nữa! Thời gian không chờ đợi chúng ta!

16-5-1999

Nguyễn Minh Cần

1. Tục ngữ Việt Nam - người ta là hoa đất.
2. Người dân chỉ được đảng cho xoi đến bội thực 'bánh vẽ' về 'quyền làm chủ tập thể'.
3. Báo chí trong nước cho biết, đầu năm 1999, nhiều vùng trong nước có đến 2,3 triệu người bị đói, trong số đó có 1,3 triệu người đói nặng.
4. Người viết mượn mấy chữ này ở đầu đề bài thơ "Mẹ Đau Ngờ" của Bùi Minh Quốc, để nói lên tâm trạng của người dân đã hy sinh tất cả vì cách mạng, đến khi cách mạng thắng lợi thì thấy những kẻ gọi là "cách mạng" đã ngồi chễm chệ trên đầu trên cổ mình.
5. Ở ngoài nước, đã có rất nhiều kiến nghị của hàng trăm người, có cả những dự án, cương lĩnh nghiêm túc của nhiều tổ chức, nhưng ở đây chúng tôi xin phép chỉ nói đến những kiến nghị của người trong nước vì chúng tôi nhận thức rằng cuộc đấu tranh để dân chủ hóa đất nước do người dân trong nước đóng vai trò quyết định. Có một số người Việt Nam ở ngoài nước thích phê bình những kiến nghị của người này người kia ở trong nước là chưa dân chủ triệt để, hay thậm chí có ý đồ bảo vệ đảng cầm quyền, v.v... nhưng, như chúng tôi đã phát biểu nhiều lần, trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chế độ độc tài hiện nay mà những người trong nước đã dám kiến nghị những điều như thế thì thật là rất can đảm và ta cần quý trọng tấm lòng vì nước, vì dân của họ.

*Thông Luận hoàn nguyên mọi
ý kiến đóng góp,
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị đã cổ động
và phổ biến tờ báo*

Sự hình thành các vùng biên giới miền Bắc

Nguyễn Văn Huy

LTS: Trong mục "Tim hiểu Việt Nam", Thông Luận sẽ lần lượt đăng những bài viết của Nguyễn Văn Huy về sự hình thành các vùng biên giới Việt Nam. Bài viết này tiếp theo bài "Quan niệm của người Việt xưa về không gian sinh tồn, lãnh thổ và quốc tịch", Thông Luận số 126, tháng 5/99.

Trái với suy tưởng của nhiều người, lãnh thổ miền Bắc Việt Nam từ thời lập quốc cho đến khi bị Pháp thuộc đã không lớn rộng như nhìn thấy trên bản đồ hiện có. Cái nôi của nền văn minh Việt Nam trong suốt thời gian đó chỉ tập trung quanh châu thổ sông Hồng, các đồng bằng dọc bờ biển Bắc Trung Phần và trên các thung lũng sâu hẹp từ Lạng Sơn đến Cao Bằng. Miền Bắc chỉ thực sự lớn rộng vào cuối thế kỷ 19 khi Pháp làm áp lực buộc nhà Thanh tiến hành việc ấn định lần ranh ngăn chia lãnh thổ, với sự sát nhập miền thượng du Tây-Bắc vào miền Bắc Việt Nam. Lần ranh này cho tới nay đã không thay đổi.

Thời lập quốc và Bắc thuộc

Theo những truyền thuyết lịch sử được chép lại vào thế kỷ 14, địa bàn phát xuất nền văn minh Văn Lang, thời đại Hùng Vương, tập trung quanh lưu vực sông Hồng, từ chân núi Ba Vì đến chân núi Tam Đảo. Cao điểm của nền văn minh này, còn gọi là văn minh sông Hồng, là nếp sống hợp quần có tổ chức. Dân cư Văn Lang - người Lạc Việt - đã biết sản xuất vật dụng bằng đồng (văn hóa Đông Sơn), săn bắt thú rừng, hái lượm hoa quả, làm rẫy và trồng lúa nước.

Người Lạc Việt, ngày nay được nhìn nhận như là tổ tiên của dân tộc Việt Nam, thật ra không phải là những dân cư đầu tiên sinh sống trên châu thổ sông Hồng, trước đó đã có người Mélanésien. Mélanésien là sắc dân vóc nhỏ, da đen, tóc đen xoăn, xuất hiện sau thời kỳ tiền sử và sơ sử, di cư từ phía Nam Thái Bình Dương lên bán đảo Đông Nam Á, kể cả châu thổ sông Hồng, sống xen kẽ và đồng hóa các nhóm người nguyên thủy địa phương để chỉ còn yếu tố Mélanésien

bao trùm. Sang thời kỳ hậu đồ đá, người Mélanésien, do kém phát triển hơn các nhóm di dân khác đến lập nghiệp trên cùng địa bàn, yếu tố Mélanésien mất dần, cuối cùng chỉ còn yếu tố Nam Á và Mông Cổ. Những khám phá khảo cổ gần đây trên châu thổ sông Hồng xác nhận sự chuyển hóa này: các bộ lạc thuộc văn hóa Phùng Nguyên và Hoa Lộc (cách đây trên 4.000 năm) đã biết chăn nuôi, trồng lúa và sản xuất đồ gốm có hoa văn; các bộ lạc thuộc văn hóa Đông Sơn (cách đây khoảng 3.000 năm) biết chế tác vật dụng bằng đồng và tụ cư trong những công xã thị tộc mẫu hệ. Tiếp theo là các bộ lạc thuộc văn hóa Đông Sơn, xuất hiện cách đây trên 2.000 năm, nắm vững kỹ thuật chế tác vật dụng bằng đồng thau ở trình độ cao, biết tổ chức xã hội có tôn ti trật tự và có một khu vực định cư tương đối rõ ràng. Văn hóa Đông Sơn gắn liền với sự xuất hiện của nước Văn Lang và người Lạc Việt.

Văn Lang thật ra không phải là danh xưng của một nước mà là tên gọi của một địa danh, đọc theo tiếng Việt cổ là "pók lang", nơi sinh trú của một nhóm Lạc Việt. Hùng Vương cũng không phải là tên một vị vua, "lang khun" trong tiếng Việt cổ là "người đứng đầu của một địa phương", theo truyền thuyết đây là thủ lĩnh của một liên minh 15 bộ tộc Lạc. Về sau dựa theo cách phiên âm và diễn giải của người Hán, "pók lang" đọc thành "Văn Lang" để chỉ tên nước, "lang khun" đọc thành "Hùng" và thêm chữ "vương" để tôn vinh người thủ lĩnh. Lạc Việt là tên một nhóm thuộc hệ Bách Việt mang nặng yếu tố Indonésien. Người Indonésien to con, da ngăm đen, tóc dợn sóng, di cư từ sông Indus Ấn Độ, chứ không phải từ quần đảo Indonesia, vào lục địa Đông Nam Á và miền Tây

Nam Trung Quốc lập nghiệp, hợp chủng với các sắc dân thuộc hệ Nam Á và Mông Cổ để rồi phân hóa thành nhiều nhóm Việt tộc khác nhau. Một nhóm đi dọc thung lũng các sông nhỏ đến châu thổ sông Hồng định cư và hợp chủng với các nhóm Mélanésien địa phương để trở thành người Lạc Việt, thị tộc Hồng Bàng, lấy chim vạc hồng làm biểu tượng sùng bái (totem). Như vậy nền văn minh sông Hồng có thể đã có trên 4.000 năm nhưng nước Văn Lang và người Lạc Việt chỉ xuất hiện từ khoảng 2.500 năm trở lại đây mà thôi.

Tiếp theo Văn Lang là nước Âu Lạc. Có lẽ đến đời Hùng Vương thứ 18, thị tộc Hồng Bàng tuyệt tự nên một thủ lĩnh thị tộc Tây Âu ở phía Bắc Văn Lang (Cao Bằng), tên Thục Phán, được đưa lên ngôi, hiệu An Dương Vương, để chống quân Tần xâm lược. Âu Lạc là sự tiếp nối của thời đại Hùng Vương qua liên minh Tây Âu và Lạc Việt, cả hai cùng thuộc khối Bách Việt, sống gần gũi và xen kẽ với nhau trong lưu vực sông Hồng và sông Tây Giang (Quảng Tây). Trong thời kỳ này, ảnh hưởng của văn hóa Đông Sơn và ngôn ngữ cổ thời Hùng (tiếng Việt-Mường) tỏa rộng từ phía Nam sông Tây Giang đến đồng bằng duyên hải Thanh Hóa. Lãnh thổ Âu Lạc nói rộng tới đâu không tài liệu nào nói rõ, nhưng trong cuộc chiến chống quân Tần (218-208 trước công nguyên) nó bị thu hẹp lại, chỉ còn tập trung trên châu thổ sông Hồng, để rồi mất hẳn vào tay nhà Triệu (179 trước công nguyên). Âu Lạc bị sát nhập vào lãnh thổ Nam Việt và chia thành hai quận: Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng) và Cửu Chân (Thanh Hóa), với những định mức hành chính khá rõ ràng. Trong gần 70 năm dưới quyền quản trị của nhà Triệu, lãnh thổ Nam Việt bao gồm các

tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay, châu thổ sông Hồng và bờ biển Thanh Hoá, nhưng chưa bao giờ vượt lên các miền thượng du Tây Bắc.

Vào cuối thế kỷ thứ II trước công nguyên, nhà Hán thống nhất lục địa và mở rộng lãnh thổ về phía Tây Nam. Nam Việt và nước Điền (Vân Nam) bị chiếm đóng và trở thành một châu của nhà Hán: Giao Châu. Trên nguyên tắc Giao Châu được nói rộng đến Vân Nam và các vùng rừng núi Quảng Tây về phía Bắc, nhưng trong thực tế nhà Hán chỉ cai trị trên những vùng đất thấp. Đất Giao Châu được chia thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam (Nghê Tinh). Lãnh thổ quận Giao Chỉ được nói rộng tới các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông ngày nay, nhưng nhà Hán chỉ cai trị trực tiếp khu vực châu thổ sông Hồng và vùng bờ biển Quảng Yên mà thôi.

Dưới thời Bắc thuộc, di dân Hán tộc vào Giao Chỉ lập nghiệp rất đông. Sự tích "một mẹ trăm con" có lẽ đã bắt đầu từ giai đoạn này chứ không phải trong thời kỳ trước. Một số dân cư Âu Lạc có tinh thần độc lập cao, không chấp nhận sự thống trị của người Hán, rút lên miền núi trở về cuộc sống cổ truyền: duy trì chế độ mẫu hệ, làm rẫy, săn bắn và hái lượm, để rồi trở thành những nhóm Tày Mường. Do sống cách biệt lâu ngày với đồng bằng, đời sống người miền núi trở nên lạc hậu và thua kém người đồng bằng. Trong khi đó trên châu thổ sông Hồng, cuộc sống hòa trộn giữa các nhóm Lạc Việt đồng bằng còn lại và người Hán di cư tạo thành một cộng đồng chủng tộc mới, cộng đồng người Kinh, theo chế độ phụ hệ. "Kinh" không phải là tên gọi riêng của một chủng tộc, thường được hiểu là người Việt, mà là tên gọi chung những người sinh sống ở vùng đồng bằng và chốn thị thành để phân biệt với người miền núi hay vùng cao (người Thượng). Với thời gian, yếu tố Indonésien và Mông Cổ trong cộng đồng người Kinh biến thể dần và yếu tố Mông Cổ ngày càng chiếm ưu thế.

Kết quả chọn lựa hai khu vực định cư thay đổi hẳn quan hệ giữa người đồng bằng và người miền núi. Nhờ sinh sống trên một địa bàn thích hợp với nghề trồng lúa nước và biết áp dụng phương thức tổ chức xã hội theo khuôn mẫu Nho

giáo, nghĩa là củng cố không gian sinh tồn thuần chủng quanh khu vực trung tâm, hố cách biệt giữa hai khu vực địa dư ngày càng sâu rộng: dân số người Kinh đồng bằng gia tăng nhanh và phát triển hơn cộng đồng miền núi.

Sự giao lưu giữa hai cộng đồng có lẽ đã không diễn ra trong những điều kiện bình thường, người miền núi bị đặt ra ngoài vòng đai chủng tộc và phải thần phục người Kinh để nhận sự che chở, nên trong giai đoạn đầu của thời kỳ Bắc thuộc những người miền núi, theo chế độ mẫu hệ, đã liên tục nổi lên chống lại khu vực trung tâm: hai chị em bà Trưng, anh em bà Triệu là những lãnh tụ Mường, Mai Thúc Loan là một lãnh tụ Chăm. Chỉ sang giai đoạn sau, khi cộng đồng người Kinh bị người Hán lục địa sang cai trị và hiệp đáp quá đáng mới hợp lực cùng người Mường và người Chăm chống lại ách cai trị của người phương Bắc, giành lại chủ quyền.

Huyện Tượng Lâm, vùng đất tận cùng phía Nam của quận Nhật Nam (Quảng Bình), là khu trái độn thuộc ô vương thứ tư - "khu vực cường chấp", theo quan niệm về không gian sinh tồn xưa - nơi thường xuyên xảy ra những vụ tranh chấp chủ quyền với người địa phương. Về mặt chiến lược, Tượng Lâm là vùng đất thấp có thể trở thành "khu vực an bình", thuận lợi cho sự mở rộng không gian sinh tồn của người đồng bằng, do đó các chính quyền trung ương luôn tìm cách bảo vệ trong khi các vùng rừng núi phía Bắc và Tây-Bắc, thuộc "khu vực vô cương", hoàn toàn bị bỏ rơi. Thêm vào đó, khái niệm về làn ranh phân chia lãnh thổ còn rất mơ hồ, ranh giới huyện Tượng Lâm ở phía Nam rộng hẹp tùy thuộc sự thần phục của các sắc dân địa phương và được phỏng đoán ở Đèo Ngang (trụ đồng Mã Viện có thể đã được dựng lên ở khu vực này). Cuối cùng huyện Tượng Lâm bị mất vào tay người Chăm năm 192 sau công nguyên và trở thành nước Lâm Ấp.

Lâm Ấp là một biến cố chính trị, một sự ly khai khỏi ảnh hưởng nhà Hán ở phía Nam Trung Quốc. Nó là tiền đề cho những cuộc đấu tranh giành độc lập của người Kinh sau này. Lâm Ấp, theo nhà Đông Hán, là một ấp nhỏ ở phía Nam có nhiều rừng. Danh xưng mới này là một biến nghĩa của Tượng Lâm,

nhà Đông Hán muốn nói Lâm Ấp chỉ là một phần đất nhỏ ở phía Nam không quan trọng để thiên triều phải can thiệp trực tiếp, và nếu có mất thì cũng không lấy gì làm quan trọng vì nằm trong "khu vực cường chấp", nơi sinh trú của những tộc "Man". Sách Thủy Kinh Chú nói Lâm Ấp là huyện Tượng Lâm. Người Hán bỏ chữ "Tượng" (phía Nam) để còn giữ chữ "Lâm", về sau gọi là Lâm Ấp; có người cho rằng Lâm Ấp là sự phiên âm theo tên tộc của người địa phương, Krom hay Prum, thuộc ảnh hưởng Ấn Độ mà thành. Ngôn ngữ Trung Hoa có nhiều hạn chế, nhất là trong việc phiên âm các tên ngoại quốc, Lin-yi có thể là cách viết phiên âm từ chữ "Hindi", tức người Ấn, người Hoa phát âm thành Lin-yi, người Việt cải âm thành Lâm Ấp, rồi diễn giải theo nghĩa mình nghĩ (Lâm là rừng, Ấp là thôn nhỏ). Đến thế kỷ thứ 8 Lâm Ấp được gọi là Hoàn Vương Quốc và sang thế kỷ thứ 9 có tên là Chiêm Thành (Champa), tên gọi này chính xác nhất và tồn tại đến cuối cuối thế kỷ 17.

Thời kỳ tự chủ

Khi Ngô Quyền giành được độc lập năm 938, lần ranh hành chánh có tính ước lệ giữa Giao Châu và Trung Quốc trước kia trở thành làn ranh chính trị phân chia hai lãnh thổ và không mấy thay đổi trong suốt thời kỳ độc lập, nghĩa là từ vùng bờ biển tỉnh Quảng Ninh lên Cao Bằng và châu thổ sông Hồng, trong khi làn ranh phân chia Giao Châu với Lâm Ấp ở phía Nam rất là bất ổn vì tranh chấp thường xuyên.

Trong thời tự chủ miền Bắc có nhiều tên khác nhau (Đại Cồ Việt, Đại Việt, An Nam Quốc, Đại Ngu, Việt Nam, Đại Nam), nhưng ít ai dùng đến. Người Kinh thời đó thường xưng mình là "thần dân" của triều đại đương quyền để xác nhận "quốc tịch" của mình đối với các triều đại khác. Năm 1081, vua Lý Nhân Tông có sai Lê Văn Thịnh sang "nước Tống" thảo luận về việc ấn định làn ranh phân chia hai nước, nhưng thiện chí này không ngăn cản quân Tống tiến đánh nhà Lý.

Ở vùng cực Nam, do sinh cư trên một vùng đất hẹp và cằn cỗi, năng suất nông nghiệp không đủ cung cấp cho một dân số không ngừng tăng lên, các

vua chúa Chăm thường hay cất quân lên miền Bắc đánh phá, cướp lương thực và bắt người về làm nô lệ xây dựng đền đài. Làn ranh phân chia lãnh thổ miền Bắc với Lâm Ấp lúc đầu được xác định ở Đèo Ngang, về sau lùi dần xuống phía Nam theo đà suy kiệt của người Chăm. Năm 1069 vua Chiêm là Chế Củ (Rudravarman III) nhường cho vua Lý Thánh Tông ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (Quảng Bình và Bắc Quảng Trị); năm 1306 Chế Mân (Simhavarman III) tặng vua Trần Anh Tông châu Ô và Châu Lí để cưới công chúa Huyền Trân; năm 1471 vua Lê Thánh Tông tiến đánh thành Đồ Bàn (Vijaya) và chiếm một vùng đất dài tới mũi Chân Mây (Quảng Nam). Càng về sau lãnh thổ Chiêm Thành teo hẹp hay lớn rộng tùy theo những chiến tích quân sự, thường là bất lợi cho Chiêm Thành.

Địa giới cuối cùng của miền Bắc ở phía Nam chỉ chính thức được ấn định năm 1630 khi Sài vương Nguyễn Phúc Nguyên cho người ra Thăng Long trả sắc dụ (phong chúa Sài là Thái Phó Quốc Công) của triều Lê, công khai bất phục uy quyền của họ Trịnh, rồi xua quân chiếm đóng phần đất phía Nam Bố Chính. Làn ranh nội biên giữa miền Bắc và miền Nam, thường được dân chúng gọi là Bắc Hà - Nam Hà, được xác định ở Linh Giang (hay sông Gianh) và làn ranh ngoại biên giữa xứ Đàng Trong với Champa vào giữa thế kỷ 17 được xác định ở chân núi Thạch Bi, đèo Cả (Phú Yên). Tại Thanh Hóa, thuộc lãnh thổ Bắc Hà, làn ranh khai thác ruộng đất của người Kinh chỉ tập trung từ đồng bằng duyên hải đến phía Bắc Bố Chính và khu vực trung lưu các sông Cả và sông Chu, vùng thượng lưu còn rất xa lạ.

Trở về vùng biên giới phía Bắc, làn ranh chính trị phân chia hai triều đại Việt - Trung rất là bất định, các nhóm Tày, Thái, Nùng, Mán và Mèo trốn chạy các cuộc loạn lạc bên Trung Quốc vào Lạng Sơn và Cao Bằng lập nghiệp ngày càng đông và tùy sự thần phục của các nhóm này mà uy quyền của hai trung tâm quyền lực nói rộng đến đó. Khu vực thượng du Lạng Sơn và Cao Bằng trở thành vùng trái độn. Trong thực tế các sắc dân sinh sống trong khu vực này thần phục cả hai triều đình, nhờ đó đã thừa hưởng một phần nào đó qui

chế tự trị. Sự kiểm soát chính trị của triều đình Việt Nam trên các vùng trái độn rất là lỏng lẻo, phần lớn các chức vị hành chính đều do các thủ lãnh địa phương đảm nhiệm. Chính sách thường được áp dụng có tên là "kèm cương phụ đạo" hay "cơ my phụ đạo", nghĩa là kiểm soát (kèm cương) hay ràng buộc (cơ my), nâng đỡ và hướng dẫn (phụ đạo) vị lãnh chúa địa phương thay mặt triều đình thu thuế và làm tai mắt cho triều đình tại vùng biên giới để chống ngoại xâm hay quân phản loạn. Chính sách này còn có một tên không mấy đẹp đẽ là "đi man trị man" (dùng người địa phương cai trị người địa phương), nhưng có lợi cho cả đôi bên: uy tín của các lãnh chúa địa phương được tăng cường và an ninh của "khu vực trung tâm" (kinh đô) nhờ đó được củng cố. Chỉ khi nào thực sự bị đe dọa, triều đình Việt Nam mới cất quân vào can thiệp như trong các năm 931 và 1078 đánh Tống, dẹp Nùng (1038-1048), chống Mông Cổ (1285-1288), v.v..., và rút quân về ngay khi an ninh được vãn hồi.

Các khu vực trái độn thường có một vị trí chiến lược lý tưởng để các phe thù nghịch vận động các sắc dân địa phương quấy phá đối phương. Trong quá khứ, người Việt và người Hoa thường, gián tiếp hay trực tiếp, giúp người thiểu số hay quân phản loạn chống lại triều đình đối phương dọc vùng biên giới. Năm 1592, nhà Minh buộc nhà Lê giao Cao Bằng cho con cháu họ Mạc cai quản nhưng đến năm 1667 thì bị lấy lại; nhà Lê và nhà Thanh chấp nhận phân ranh lãnh thổ bằng những trụ đá nhưng thỏa thuận này không được tôn trọng. Nhiều cuộc đụng độ võ trang giữa quân Thanh và chúa Trịnh đã xảy ra tại Lạng Sơn và Cao Bằng trong suốt thời gian từ 1724 đến 1753 mà thắng lợi nghiêng về phía Việt Nam, nhiều đồn bót quân sự đã được dựng lên để kiểm soát sự qua lại của dân chúng trong vùng. Ngược lại, cũng trong thời gian này, Việt Nam mất quyền kiểm soát trên một khu vực rộng lớn phía Tây Bắc, từ Tuyên Quang đến Vân Nam, các lãnh chúa người Thái và Tày hòa theo các phong trào "phản Thanh phục Minh" và sau đó là nhóm "Thái Bình Thiên Quốc" chống lại cả hai triều đình.

Khu vực bờ biển bờ biển phía Bắc

Việt Nam tiếp giáp tỉnh Quảng Đông trong hai thế kỷ 18 và 19 cũng gặp nhiều biến động, hải tặc người Hoa tung hoành cướp bóc thuyền bè qua lại. Làn ranh phân chia lãnh hải và đất liền tại đây chưa được xác định rõ ràng. Năm 1764 dân cư huyện Vạn Ninh (Hải Ninh) phải di tản về phía Nam lánh nạn, ngư dân người Hoa liền vào thay thế và dựng làng dọc bờ biển từ Yên Quảng (Quảng Ninh) đến Thanh Hóa. Sự hiện diện bất hợp pháp của ngư phủ người Hoa càng làm tình hình an ninh tại đây thêm phần bất ổn, năm 1829 tổng đốc tỉnh Quảng Yên phải huy động 45 tàu chiến để đuổi hơn ba trăm tàu đánh cá Trung Hoa ra khỏi khu vực bờ biển. Nguyễn Công Trứ, năm 1839, cũng ra tay đuổi ngư phủ Trung Hoa về nước nhưng tất cả xin làm "thần dân" triều Nguyễn như người Minh Hương trước đó đã làm và được vua Minh Mạng chấp nhận.

Năm 1786, khi Nguyễn Huệ ra Bắc khuất phục triều Lê, toàn khu vực Đông Bắc lọt vào tay nhà Thanh và chỉ thu hồi lại năm 1789 khi quân Thanh bị đánh bại bỏ chạy về nước. Nhưng Nguyễn Huệ không có ý định ở lại đất Bắc nên trong suốt thời gian tranh giành ảnh hưởng với Nguyễn Phúc Ánh, khu vực thượng du trở nên vô chủ, các toán cướp người Hoa và quân Thanh lại vào chiếm cứ, làn ranh miền Bắc trở nên bất định. Trong những lần cử người Yên Kinh triều cống, Nguyễn Huệ có yêu cầu nhà Thanh trả lại sáu huyện thuộc tỉnh Hưng Hóa (phía Bắc Hà Nội) bị sát nhập vào tỉnh Vân Nam sau khi nhà Mạc bị diệt, nhưng không được thỏa mãn. Tham vọng của Nguyễn Huệ không dừng lại ở đó, ông còn muốn đòi lại vùng đất Lương Quảng (Quảng Tây và Quảng Đông) vì cho rằng trước kia thuộc lãnh thổ nước Nam. Từ sau 1789, Nguyễn Huệ mộ quân cướp biển người Hoa trong vịnh Bắc Bộ làm thuộc hạ và ngấm ngấm cho xâm nhập vào các làng ven biển Quảng Đông đánh phá, đồng thời ủng hộ các phong trào phản Thanh trong nội địa Quảng Tây. Nguyễn Huệ qua đời năm 1792, những người kế tục ông không đủ bản lĩnh tiếp nối, tham vọng đó nhường cho Gia Long.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, xưng hiệu Gia Long, và đặt tên nước là Nam Việt. Khi chọn quốc hiệu

này, Gia Long để lộ ý muốn thu hồi lại vùng đất Luông Quảng trước kia thuộc Nam Việt thời Triệu. Nhưng khi cử người sang Yên Kinh cầu phong năm 1803, nhà Thanh phủ nhận quốc hiệu này và giữ nguyên tên cũ là An Nam. Gia Long cho đảo ngược tên nước lại thành Việt Nam, nhưng ít khi dùng tới. Năm 1806, sau khi thu phục được những nhóm người Tày và Thái sinh sống trên vùng thượng du theo mình, Gia Long cử người sang Yên Kinh đòi lại sáu huyện thuộc tỉnh Hưng Hóa và hai châu Chiêu Tấn và Lại ở vùng Tây Bắc, yêu cầu này không được thỏa mãn. Thời gian sau đó, vì hai triều đình bận lo đối phó với đủ loại giặc giã trong và ngoài nước khu vực tranh chấp dọc vùng biên giới trở nên vô chủ. Năm 1839, khi ảnh hưởng của triều Nguyễn vượt Trường Sơn mở rộng đến tả ngạn sông Mekong và xuống tận Biển Hồ, Minh Mạng đổi tên nước thành Đại Nam. Nhà Thanh bác bỏ quốc hiệu mới và giữ nguyên tên cũ là An Nam. Đối với người Hoa, An Nam chỉ là phần đất phía Nam chưa được ổn định. Khi làm chủ toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, người Pháp cũng dựa theo nhà Thanh gọi chung người Việt là người An Nam.

Năm 1868, vùng thượng du miền Bắc trở nên bất trị, nhà Nguyễn mất quyền kiểm soát ở khu vực này. Đám tàn quân Thái Bình Thiên Quốc (giặc Hồ) bị nhà Thanh đánh bại chạy vào Việt Nam lánh nạn, chiếm đóng một địa bàn rộng lớn từ Lạng Sơn, Cao Bằng đến Thái Nguyên, Tuyên Quang làm sào huyệt và chia thành các nhóm Cờ Đen, Cờ Vàng và Cờ Trắng đánh phá lẫn nhau. Khi thủ lĩnh nhóm Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc xin thần phục triều đình, "quốc tịch" của Lưu Vĩnh Phúc liền được công nhận, từ "giặc cướp" quân Cờ Đen trở thành "thần dân" của triều Nguyễn và được giao quyền quản trị một địa bàn rộng lớn từ Hà Giang đến Lào Cai để ngăn chặn các cuộc cướp phá của các nhóm Cờ Trắng và Cờ Vàng, đồng thời kiểm soát sự lưu thông vùng thượng du sông Hồng. Sau khi Pháp chiếm thành Hà Nội năm 1873, chính Lưu Vĩnh Phúc đã giết thuyền trưởng Francis Garnier buộc quân Pháp phải rút lui. Năm 1882, chỉ huy trưởng Henri Rivière cũng bị quân Cờ Đen sát

hại khi dẫn quân ra Bắc tái chiếm thành Hà Nội. Cuối cùng triều đình Huế bị Pháp đánh bại phải ký các hiệp ước 1883 và 1884, theo đó Pháp thay mặt triều đình ký các hiệp ước về ngoại giao, trong đó có quyền ký kết các hiệp ước về biên giới. Lãnh thổ Việt Nam bị chia thành ba kỳ với ba qui chế khác biệt: lãnh thổ Bắc Kỳ, từ Đèo Ngang trở ra, đặt dưới quyền bảo hộ trực tiếp; lãnh thổ Trung Kỳ, từ Khánh Hòa ra tới Đèo Ngang, hưởng qui chế bảo hộ; và lãnh thổ Nam Kỳ, từ Bình Thuận trở vào, là thuộc địa.

Thời Pháp thuộc

Khu vực biên giới miền Bắc trở nên phức tạp sau hiệp ước 1884. Một số sĩ phu triều Nguyễn hợp với các toán quân Trung Hoa chiếm đóng một vùng đất rộng từ Bắc Ninh, Sơn Tây, Yên Thế, Lào Cai, Thái Nguyên, Tuyên Quang đến Cao Bằng, Lạng Sơn, lập căn cứ kháng chiến chống lại quân Pháp. Mặc dù được Lý Hồng Chương, chỉ huy trưởng quân khu Quảng Tây, ký thỏa thuận rút hết quân về nước và giao các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và Lào Kay ngày 17-5-1884, Pháp vẫn không làm chủ được vùng đất này. Nhiều cuộc giao tranh đẫm máu đã xảy ra dọc vùng biên giới từ tháng 8-1883 đến tháng 3-1885, cuối cùng quân Pháp phải rút lui khỏi Lạng Sơn dần theo sự sụp đổ của chính quyền Ferry tại mẫu quốc. Đầu năm 1885 Pháp tiến công đảo Đài Loan, tiêu diệt hạm đội Quảng Đông, nhà Thanh mới chịu ký hòa ước Thiên Tân tháng 6-1885, theo đó nhà Thanh thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp tại Bắc Kỳ, rút quân ra khỏi các tỉnh vùng Đông-Bắc và thành lập các ủy ban phân định làn ranh chia đôi lãnh thổ.

Phái đoàn thương lượng làn ranh chia đôi lãnh thổ gồm có người Pháp và người Hoa, chính quyền thuộc địa Pháp không cho triều đình Huế có mặt trong các cuộc thương lượng này vì muốn chấm dứt sự lệ thuộc của triều Nguyễn với nhà Thanh. Các cuộc thương lượng được chia ra làm ba giai đoạn và công tác xác nhận chủ quyền đất đai kéo dài trong mười năm, từ 1886 đến 1895. Giai đoạn đầu (từ tháng 1 đến tháng 4-1886), họp tại Đồng Đăng, ấn định khu

vực biên giới Quảng Tây; giai đoạn hai (từ tháng 6 đến tháng 11-1886), họp tại Lào Cai, ấn định khu vực phân chia lãnh thổ tại Vân Nam; và giai đoạn ba (từ tháng 11-1886 đến tháng 4-1887), họp tại Móng Cái, ấn định làn ranh tỉnh Quảng Đông và vùng duyên hải. Qua các cuộc thương lượng, có ba khu vực mà Pháp phải nhượng cho Trung Hoa để đổi những nhượng bộ khác về kinh tế (xuất cảng hàng hóa và thành lập hai tòa lãnh sự Pháp tại Vân Nam và Quảng Tây), đó là Hoàn Mô (70 km²) vùng đất nằm giữa thượng nguồn sông Tiên Yên và sông Long Hồ ở Quảng Đông, xã Đèo Lương (400 km²) ở Quảng Tây và xã Tụ Long (750 km²) ở Vân Nam.

Thỏa thuận đầu tiên về vùng biên giới Đông Bắc Việt Nam được sứ giả Pháp Constans ký với nhà Thanh ngày 26-6-1887 tại Bắc Kinh, gọi là "công ước Constans 1887", theo đó làn ranh phân chia Việt Nam với Quảng Đông dài khoảng 60 km, với Quảng Tây 300 km và với Vân Nam gần 600 km. Phải ghi nhận công lao của người Pháp vì thương lượng với nhà Thanh từng tấc đất và thiết lập địa đồ khu vực rừng núi hiểm trở trên miền thượng du Bắc Việt không phải dễ. Quân đội Pháp đã mất khá nhiều sĩ quan và binh lính trong các cuộc hành quân thám hiểm và đo đạc địa hình trên vùng rừng núi phía Bắc. Thành quả của các cuộc thương lượng về biên giới này tuy còn nhiều thiếu sót nhưng rất khích lệ. Lần đầu tiên Việt Nam có một biên giới rõ ràng nhìn thấy trên bản đồ với tên địa danh, đường sá, sông ngòi chi tiết và được đánh dấu bằng những cột mốc trên đất liền từ Lào Cai tới mũi Trà Cổ. Nhiều trục lộ giao thông lớn từ đồng bằng lên vùng biên giới Đông-Bắc và các đồn kiểm soát sự qua lại tại khu vực biên giới giữa hai nước được thành lập.

Trong suốt thời gian thương lượng, Pháp một mặt tiến hành các cuộc hành quân tiêu trừ quân Thanh và Cờ Đen còn chiếm giữ nhiều khu vực trọng yếu trong vùng Phong Thổ (thuộc tỉnh Lai Châu ngày nay), một mặt cử nhiều đoàn thám hiểm đo đạc địa hình và nghiên cứu thủy thổ, phong tục tập quán của các sắc dân cư ngụ dọc vùng biên giới ở khu vực phía Tây Lào Cai. Năm 1891, một thủ lĩnh người Thái tên Đèo Văn

Trì, trước kia theo Tôn Thất Thuyết chống lại quân Pháp sau qui phục phái đoàn Auguste Pavie tại Lào, trở thành hướng dẫn viên đặc lực giúp Pháp vẽ lại địa hình khu vực biên giới Tây-Bắc, đặc biệt là vùng đất từ phía Tây Lào Cai đến tả ngạn sông Mêkong miền Bắc Lào. Auguste Pavie đã đi khắp các vương Thái trong vùng Điện Biên, chinh phục cảm tình thủ lãnh các sắc tộc Thái, Tày, Nùng, Mường, Mán, Mèo, Dao và tất cả chịu đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp. Năm 1893, Pháp đánh bật đám tàn quân Thái Bình Thiên Quốc ra khỏi Luang Prabang, đưa Oun Kham lên ngôi và đặt Lào dưới sự bảo hộ của Pháp. Trong thời gian này quân Thanh bị Nhật đánh bại tại Mãn Châu, sứ giả Pháp tại Bắc Kinh Gérard liền đề nghị mở lại các cuộc thương lượng về vùng biên giới phía Bắc Việt Nam và được chấp thuận.

Thỏa thuận thứ hai về vùng biên giới Bắc Việt Nam, gọi là "công ước Gérard 1895", được ký ngày 3-1-1895 tại Long Po (một làng nhỏ bên Trung Quốc cạnh biên giới tỉnh Vân Nam và nằm giữa hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu ngày nay), theo đó chiều dài vùng biên giới giữa Vân Nam và Việt Nam được nói rộng thêm khoảng 200 km, tổng cộng gần 800 km. Nhiều vùng đất rộng lớn, đặc biệt là 12 vương Thái trước kia thuộc Vân Nam theo công ước Constans 1887, được sát nhập vào lãnh thổ Việt Nam và Lào, hai tỉnh mới, Lai Châu và Sơn La, được thành lập. Làn ranh phân chia các khu vực hành chính trong nội bộ lãnh thổ Bắc Kỳ, dựa theo sự phân bố tự nhiên của dân chúng, một số được giữ nguyên, một số khác được ấn định lại, những làn ranh đó cho tới nay gần như không thay đổi.

Chính quyền bảo hộ Pháp sau đó cử nhiều phái đoàn thám hiểm đo đạc địa hình các tỉnh phía Tây Bắc để xác định làn ranh phân chia nơi sinh trú giữa các sắc dân Thái, Lào và Kinh, đặc biệt là tại Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh. Nhiều thỏa thuận nội bộ giữa Bắc Kỳ và Lào được ký kết: ranh giới các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình với Bắc Lào được xác định; ranh giới tỉnh Ninh Bình được dùng làm điểm phân ranh giữa Bắc Lào, Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vùng đất Hứa Phàn sau nhiều cuộc tranh cãi cuối cùng, dựa theo quan hệ lịch sử,

được sát nhập vào địa phận Thanh Hóa.

Việc quản trị vùng thượng du Bắc Việt sau 1895 trên nguyên tắc do chính quyền bảo hộ đảm nhiệm, nhưng trong thực tế do các lãnh chúa địa phương điều hành dưới sự giám sát của quân đội Pháp. Trong giai đoạn này, các sắc tộc Thái, Tày, Nùng và Mèo hưởng một qui chế tự trị rộng rãi và sống cách biệt hẳn với người Kinh đồng bằng. Đặc biệt là cộng đồng người Thái, nhất là dòng họ Đèo rất được người Pháp tôn trọng, đã giữ một vai trò quan trọng trong các quyết định hành chính và các cuộc tranh chấp địa phương. Chẳng hạn như một số vương Thái trong địa phận Hứa Phàn, dựa trên quan hệ huyết thống với các vương Thái khác trên đất Lào, phản đối việc sát nhập vào tỉnh Thanh Hóa năm 1895 và xin được nhập vào vương quốc Lào; lời yêu cầu này đã được Pháp chấp thuận năm 1903. Chính phủ hoàng gia Lào cũng nhân dịp yêu cầu sát nhập các vương Thái tại Điện Biên vào Lào nhưng không được chấp nhận. Để tránh mọi tranh chấp khác có thể xảy ra, ranh giới hai tỉnh Lai Châu (Bắc Kỳ) và Muong U (Lào) được chính quyền bảo hộ ấn định lại một cách rõ ràng với tên đỉnh núi, dòng sông và đèo ải cụ thể.

Trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ nhất, Việt Minh chỉ kêu gọi được sự hợp tác của người Tày tại miền Bắc vì lập căn cứ trên lãnh thổ của họ (chiến khu Việt-Bắc), các nhóm khác vẫn đứng ngoài cuộc chiến và người Pháp biết lợi dụng yếu tố này. Trong mục đích chia để trị, năm 1949 Pháp cho thành lập các "Liên bang Thái Mèo" gồm các tỉnh Lai Châu, Sơn La và Lào Cai, "Liên bang Mường Thổ Tày" tại Cao Bắc Lạng và "Liên bang Nùng" từ Lạng Sơn đến Vịnh Hạ Long, để bao vây các căn cứ của phong trào Việt Minh. Những liên bang tự trị này sau đó được sát nhập vào Xứ Thượng Miền Bắc năm 1951, trực thuộc Hoàng Triều Cương Thổ (trong đó có Xứ Thượng Miền Nam) do Bảo Đại đứng đầu và Pháp điều khiển. Các nhóm biệt kích Thái, Nùng và Mèo do Pháp huấn luyện đã phá vỡ nhiều chiến khu Việt Minh trên vùng Việt-Bắc. Sau 1954 Xứ Thượng Miền Bắc được giao trả lại cho chính quyền miền Bắc, Hồ Chí Minh đã khôn ngoan chấp nhận một số qui chế tự trị cho các sắc tộc miền

thượng du để tìm hợp tác và chỉ siết lại khi guồng máy cai trị đã vững. Sự kiện này cho thấy các sắc tộc miền núi ít gắn bó với người Kinh ở đồng bằng và sẵn sàng quay mặt lại khi tình thế cho phép.

Mất nước là mối nhục lớn cho mọi dân tộc, nhất là một dân tộc có một nền văn hóa lâu đời như Việt Nam. Mặc cảm đó cho đến nay vẫn còn im đậm trong ký ức của mọi người, nhưng trong cái rủi phải tìm điều may. Qua hai công ước 1887 và 1895, miền Bắc Việt Nam có một lãnh thổ rộng lớn và một vùng biên giới rõ ràng; tuy bị lấy đi phần đất Hứa Phàn, vùng biên giới đó cho tới nay không thay đổi. Người Pháp tuy có chiếm Đông Dương làm cuộc khai thác tài nguyên nhân vật lực, nhưng cũng phải khách quan nhìn nhận họ đã góp phần đáng kể phát triển vùng đất này và mở rộng lãnh thổ với những làn ranh cố định phân chia các quốc gia. Tại Việt Nam người Pháp đã cố gắng mở rộng lãnh thổ lên vùng rừng núi phía Bắc, bằng chính xương máu của họ, mà trong suốt ngàn năm độc lập người Việt chưa bao giờ thực hiện được. Cũng nên ghi nhận công lao của Pháp trong việc ấn định làn ranh phân chia Việt Nam với Trung Quốc vì, trong quá khứ và ngay trong hiện tại, người Việt chưa bao giờ có tư thế bình đẳng khi thương lượng với Trung Quốc về vùng biên giới. Có hiểu được sự yếu kém của mình chúng ta mới quý vùng ranh giới hiện có, tổ tiên chúng ta đã đổ rất nhiều xương máu bảo vệ lãnh thổ nhưng chưa bao giờ thuyết phục Trung Quốc tôn trọng làn ranh phân chia hai nước. Người Pháp đã thay chúng ta làm được việc đó và, hơn thế nữa, còn nói rộng lãnh thổ Việt Nam lên đến nơi sinh trú của con cháu bà Âu Cơ.

Vấn đề của chúng ta hiện nay là giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ và bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau. Nếu quan niệm xưa về không gian sinh tồn đã chia rẽ người Việt Nam với nhau thì ngày nay, với chủ thuyết đa nguyên, các cộng đồng dân tộc phải được tôn trọng như nhau trong một đất nước Việt Nam được định nghĩa như là đất nước của các cộng đồng. Nhìn lại anh em tìm lại bạn bè chính vì vậy phải là trọng tâm của mọi dự án Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

Ghi nhận sau một chuyến đi Úc

Nguyễn Gia Kiểng

Hai chúng tôi đều hân hoan lên đường. Đối với cả Vũ Thu Hiền lẫn tôi, đây là chuyến đi Úc đầu tiên. Và đây cũng là lần đầu chúng tôi xuống tới Nam Bán Cầu. Phần lớn những khuôn mặt mà chúng tôi sẽ gặp cũng đều là những khuôn mặt mới, quen đã lâu nhưng chỉ qua thư từ, email, điện thoại và bài đọc trên báo.

Tại Úc, tôi chỉ đã gặp mặt vài người. Bác Trần Văn Lắm gặp lần chót cách đây một năm khi bác ghé Paris và có nhà ý gọi điện thoại dành cho anh em Thông Luận hân hạnh tiếp bác trong một bữa ăn tối; anh Lê Linh Thảo và anh Bùi Chánh Thời, hai người anh kết nghĩa của tôi; Phạm Duy Ánh, cựu trung tá Lực Lượng Đặc Biệt, bạn học Chu Văn An và anh Nguyễn Xuân Khoan, chủ nhiệm tuần san Tivi Victoria đã ghé thăm tôi vài năm trước.

Nước Úc đối với tôi cũng là đối tượng của một số suy tư. Trước hết là một bằng chứng về sức mạnh của dân chủ; những tội phạm bị lưu đày sang đây lúc ban đầu chắc chắn không phải là những người tốt trên mức trung bình, nhưng nhờ dân chủ họ đã tạo dựng lên một đất nước phồn vinh. Úc cũng là một trong những ngoại lệ rất đáng chú ý phản bác cụm từ "quan hệ Bắc-Nam" trong ngôn ngữ kinh tế vẫn thường được coi như đồng nghĩa với "quan hệ giàu nghèo". Úc ở phía Nam nhưng lại giàu có và phát triển trong khi Việt Nam ở phía Bắc nhưng lại nghèo khổ và tụt hậu. Và một sự chua xót cho thân phận thua kém: người phương Tây, dựa trên ưu thế nhất thời của họ, đã chiếm trọn một lục địa bao la cho vài triệu người da trắng trong khi hàng tỷ người Châu Á phải chen chúc nhau trên những vùng đất chật hẹp. Úc rộng gấp hai mươi bốn lần Việt Nam, nhưng dân số lại chỉ bằng một phần tư dân số Việt Nam, với 18 triệu người.

Đồng bào ta ở Úc cũng khá đông, khoảng 200.000 người. Úc xa xôi quá, gần 20.000 cây số và một ngày phi cơ, chần chừ mãi mới đi và không biết bao

giờ sẽ trở lại, nên đến thăm bạn bè và đồng bào tại Úc có một cái gì đó rất cảm động giống như về thăm quê hương.

Đúng là bất ngờ. Sơn Dương và Huỳnh Khánh Hòa, chủ bút và chủ nhiệm bán tuần san Việt Luận, ra đón chúng tôi. Từ trước qua điện thoại, tôi vẫn hình dung đó là những thư sinh trắng trẻo, mảnh khảnh, ăn mặc tề chỉnh. Trước mắt chúng tôi là hai anh chàng đen sạm đầy vẻ bụi đời. Bất ngờ lý thú, tôi nhận ra đây là những chàng trai rất dạn dày sương gió. Chúng tôi được đưa về tòa soạn Việt Luận để chào hỏi các anh chị em khác trong ban biên tập: Thủy, Phát, Hiếu, An, rồi chương trình gặp gỡ và trao đổi bắt đầu.

Thực chúng tôi không ngờ mình có nhiều bạn tại Úc đến thế. Trong chín ngày tại Úc, chúng tôi đã có gần hai mươi cuộc thảo luận, phần lớn với các nhóm anh em từ năm đến hai mươi người. Chúng tôi đã gặp anh Đào Tăng Dục và các anh em thuộc Tổ Chức Phục Hưng tại Sydney. Tôi cũng đã gặp chị Đặng Kim Ngọc và các anh em thuộc Liên Minh Dân Chủ Việt Nam tại Sydney và tại Melbourne. Những cuộc tiếp xúc nhỏ và thân mật đã rất bổ ích, đã giúp đào sâu thêm một số vấn đề tế nhị và cho phép mọi người nhận xét là ý chí kết hợp hành động đã lên rất cao. Mọi người và mọi tổ chức dân chủ đã đạt tới đồng thuận trên những nhận định cơ bản và đều đã hiểu rằng giai đoạn hoạt động riêng rẽ phải kết thúc. Tôi cũng nhận ra một sự lo âu chung là nếu không có được một kết hợp dân chủ có tầm vóc thì chế độ độc tài có thể còn kéo dài rất lâu dù nó khủng hoảng nội bộ và dù tình hình kinh tế xã hội suy sụp.

Những cuộc tiếp xúc giới hạn không đặt chúng tôi trước một khó khăn nào. Nếu có khó khăn là những buổi gặp gỡ lớn hơn với những người mà chúng tôi chưa được biết và có thể còn dị ứng với chúng tôi, đúng ra là với nhóm Thông Luận và cá nhân tôi, vì Vũ Thu Hiền hoàn toàn không có một vấn đề nào, anh đã chiếm được cảm tình của mọi người

qua tác phẩm *Đêm Giữa Ban Ngày*, cách nói chuyện duyên dáng và súc tích của anh cũng chỉ làm cho cử tọa quý mến anh hơn. Với tôi, vấn đề có thể khác. Các bạn tôi đã dự trừ sẽ có những câu hỏi gay gắt về vấn đề quốc kỳ, về lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc mà một số người hiểu là đồng lõa với cộng sản và cả về những bài viết của tôi liên quan đến Nguyễn Huệ. Tôi đã chọn một thái độ: sẽ trình bày thẳng thắn lập trường của chúng tôi. Thí dụ về lá cờ, chúng tôi không lấy lá cờ vàng ba sọc đỏ của chế độ miền Nam trước đây làm biểu tượng cho cuộc đấu tranh cho dân chủ nhưng điều đó không ngăn cản chúng tôi kính trọng lá cờ đỏ vì đó là lá cờ đã phủ lên quan tài của nhiều người mà chúng tôi quý mến và nhiều anh em trong nhóm Thông Luận chúng tôi cũng đã từng làm việc và chiến đấu dưới lá cờ đỏ. Đi xa hơn một chút, tôi cũng đã dự định trình bày hai điều: một là cuộc đấu tranh vì dân chủ chỉ thành công nếu chúng ta đoàn kết được mọi người từ hai quá khứ xung đột và chúng ta không nên để lá cờ làm trở ngại cho việc kết hợp các lực lượng dân chủ; hai là chúng ta phải lưu ý rằng dư luận quốc tế thường chỉ có thể quan sát chúng ta một cách hời hợt thôi, cho nên nếu biểu tình và tuần hành dưới cờ của Việt Nam Cộng Hòa và hát quốc ca của Việt Nam Cộng Hòa thì cũng phải chấp nhận để dư luận thế giới coi chúng ta là những người đấu tranh để tái lập chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Vấn đề là chúng ta có chấp nhận để thế giới nhìn chúng ta như vậy không. Tùy mỗi người và mỗi đoàn thể lựa chọn, và chọn lựa nào cũng phải được tôn trọng.

Về Nguyễn Huệ, tôi cũng đã chuẩn bị để trả lời rằng tôi hiểu sự xúc động của những người tôn vinh Nguyễn Huệ và họ là đại đa số, vì trong những năm học đầu đời, ở tiểu học và trung học, chúng ta đã được huấn luyện để sùng bái Nguyễn Huệ. Khi đưa ra một nhận định khác, dựa trên những dữ kiện mà mọi sử gia đều có và đều biết là đúng nhưng không nêu ra, tôi đã chỉ làm, với tư cách cá nhân, bổn phận của một công dân là đóng góp vào sự chính xác của lịch sử đất nước. Mặt khác, tôi cũng có tham vọng góp một phần nhỏ bé vào một thay đổi tâm lý mà tôi cho là cần thiết, đó là chúng ta nên dành sự quý trọng và biết

ơn đối với những người đã có công đem hòa bình và phúc lợi thực sự lại cho đất nước, hay mở mang trí tuệ dân tộc, hơn là sùng bái những người đã gây nhiều tang tóc và đổ vỡ, và đã chỉ có những chiến công trong những cuộc chiến tranh mà chính họ gây ra hay góp phần gây ra.

Nhưng những chất vấn về cờ và Nguyễn Huệ đã chỉ được đưa ra trong những buổi họp mặt giữa thân hữu trong tinh thần hoàn toàn xây dựng và cảm thông. Cũng có những chất vấn về những ý kiến trên Thông Luận liên quan tới Khổng Giáo, nhưng tôi lại vô cùng may mắn. Ở Sydney tôi được anh Lê Linh Thảo, một người rất được quý mến vì tôn trọng đạo đức và truyền thống, bênh vực tận tình. Ở Melbourne, tôi được chính chuyên gia số một về Nho Giáo, giáo sư Nguyễn Ngọc Phách yểm trợ. Những cuộc trao đổi về Khổng Giáo vì thế đã không gay go mà còn vui, và rất vui.

Các cuộc hội thảo mở rộng, hai lần tại Sydney, một lần tại Melbourne, đã chỉ xoay quanh lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc, chiến lược đấu tranh, phương thức kết hợp cùng với một số câu hỏi có tính thông tin và thời sự. Tôi có cảm tưởng đã làm sáng tỏ được một số vấn đề và tôi cũng nhận xét rằng Vũ Thư Hiên đã chiếm được nhiều cảm tình hơn tôi nhờ cách nói chuyện đặc sắc của anh.

Tôi đã có thể thành công hơn nếu, như lời Quốc Việt của đài SBS, trả lời rõ rệt câu hỏi: "có hòa giải và hòa hợp với chế độ cộng sản hay không?". Vũ Thư Hiên đã được những tràng pháo tay nồng nhiệt khi anh đồng ý tuyên bố không hòa giải với chính quyền cộng sản, chỉ hòa giải và hòa hợp dân tộc để giải thể chế độ cộng sản và xây dựng dân chủ.

Tôi rất tiếc vì không thể trả lời một câu hỏi tự nó đã sai về khái niệm và không muốn đóng góp vào một sự lẫn lộn khái niệm trong một cuộc thảo luận quan trọng. Đối với tôi, hòa giải và hòa hợp chỉ là vấn đề đặt ra giữa người và người chứ không đặt ra với các lực lượng chính trị. Do đó vấn đề hòa giải và hòa hợp với đảng cộng sản không đặt ra. Giữa các phe phái và các lực lượng không có vấn đề hòa giải mà chỉ có vấn đề tranh đấu và thỏa hiệp, thường thường

vừa tranh đấu vừa thỏa hiệp. Chúng ta đã chọn đường lối bất bạo động thì chắc chắn thắng lợi của dân chủ dĩ nhiên phải đi qua một số thỏa hiệp giai đoạn. Vấn đề là thỏa hiệp cái gì và vào lúc nào. Tôi nghĩ ngày nay không có lực lượng dân chủ nào từ chối đối thoại, mà đối thoại để làm gì nếu không phải là để đạt tới một thỏa hiệp có lợi cho mục tiêu mà mình theo đuổi.

Một vài vị cho vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc là mông lung và gây tranh cãi vô ích, giải pháp giản dị nhất vẫn là giải thể chế độ cộng sản và giải tán đảng cộng sản. Nguyễn Công Trứ có câu thơ "làm được ta làm đã lắm khi". Nhưng không làm được thì phải tìm cách giải quyết cái thực tế "không làm được". Không có giải pháp giản dị thì đành chọn một giải pháp phức tạp. Và lại, bài bỏ chế độ độc tài chỉ là một chặng đường chứ không phải mục đích sau cùng, mục đích sau cùng của chúng ta là đưa đất nước vươn lên thành giàu mạnh, chấm dứt cái nhục thua kém và đem lại niềm tự hào làm người Việt. Mục đích đó chúng ta chỉ đạt được nếu động viên được mọi trái tim, mọi khối óc và mọi bàn tay trong một cố gắng chung, nghĩa là nếu thực hiện được hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Thời gian ngắn ngủi cũng đủ để tôi khám phá những khía cạnh đặc biệt và phấn khởi về cộng đồng người Việt tại Úc. Úc ở quá xa Châu Âu và Châu Mỹ nên người Việt ở đây sống với nhau nhiều hơn đi du lịch. Khía cạnh tiêu cực là họ nhìn rõ những khuyết điểm và tật xấu của nhau và dễ có khuynh hướng phê phán nhau, nhưng khía cạnh tích cực to lớn hơn là họ biết nhau và tôn trọng nhau. Ở đây không có hiện tượng, như có thể thấy ở Mỹ và Pháp, là một người sống ở một nơi nhưng lại chỉ tìm kiếm uy tín ở nơi khác, chỉ có bạn xa mà không có bạn gần. Hoàn cảnh đảo xa không cho phép hiện tượng đó. Người Việt ở Úc phải sống với nhau và phải tranh thủ cảm tình và sự quý trọng của những người gần gũi với mình, khó có thể gạt gẫm được nhau. Họ biết tật xấu của nhau nhưng vẫn chấp nhận nhau và làm việc với nhau. Dĩ nhiên họ cũng biết rõ những đức tính đáng quý của nhau. Một vị cao niên noi đùa: "Tôi thuộc loại bô-lô-quây". Bô-lô-quây?

Tôi ngỡ ngác. Vị cao niên giải thích: "Đó là tụi trẻ gọi chúng tôi là những bô-lô-quây!". Quay có nghĩa là tham gia tích cực vào hoạt động cộng đồng. Giới trẻ đùa như vậy nhưng vẫn tôn kính.

Úc xa xôi nhưng lại gần Việt Nam nên đồng bào ta ở Úc về nước khá thường. Úc còn là nước nói tiếng Anh, và là một nước nhỏ về dân số. Tiếng Anh được coi là đủ cho nghiên cứu và các liên hệ quốc tế, nên người Việt tại Úc không có nhu cầu phải học các sinh ngữ khác, thanh thiếu niên vì thế dồn sức học tiếng Việt như ngôn ngữ duy nhất ngoài tiếng Anh. Họ rất thông thạo tiếng Việt và nhờ ảnh hưởng cách viết và nói chính xác của tiếng Anh, họ nói và viết tiếng Việt một cách rất chính xác. Những bài viết của giới trẻ thường mạch lạc và sáng sủa hơn hẳn trình độ của các bài báo tại nhiều nơi khác, kể cả tại Việt Nam. Úc chỉ có mười tám triệu dân nên không hòa tan được chất Việt nơi người Việt. Người Việt tại Úc vẫn là người Việt, nhưng có trình độ cao và nhuần thấm phong cách sinh hoạt dân chủ. Trong tương lai trái tim Việt Nam hải ngoại sẽ là Úc.

Nói theo cách của anh em bên Úc, tôi happy với chuyến đi này. Chúng tôi đã làm sáng được một số vấn đề, những đồng hương đến thảo luận với chúng tôi có lẽ phần lớn đã từ già chúng tôi với những quan điểm sẵn của họ, nhưng họ đã từ già chúng tôi với cái nhìn thân thiện. Chia tay nhau một cách thân thiện có nghĩa là đã gặp nhau một cách bổ ích.

Nhưng lý do chính khiến tôi happy là vì tôi đã gặp được nhiều bạn mới và kết được nhiều mối thân tình. Tôi đã gặp được những người bạn thật nồng hậu và dễ mến, đã phát hiện được những khuôn mặt trẻ đầy hứa hẹn, đã tìm ra những con người đầy bản lĩnh (tôi đặc biệt ngưỡng mộ tài điều khiển các buổi hội thảo của Quốc Việt), đã gặp lại những người thân, mừng rằng họ vẫn mạnh về thể chất lẫn tinh thần, và sức khỏe của một đàn anh tôi đã hồi phục khá nhiều.

Tôi đã đến Úc để gặp những người bạn phần lớn chưa thấy mặt bao giờ, tôi đã từ già những người anh em.

Nguyễn Gia Kiểng

Tìm hiểu tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh qua thông điệp "Nam Phong"

Trần Thanh Hiệp

LTS: Dưới đây là bài tham luận đã rút ngắn của Trần Thanh Hiệp đóng góp cho "Ngày Phạm Quỳnh" do 4 tờ báo Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Xây Dựng, Người Việt tổ chức tại Nam California.

Nhắc đến Phạm Quỳnh là nhắc đến một nhân vật lịch sử hiểu theo nghĩa chuyên môn của từ này - có một sự nghiệp văn hóa - chính trị ở Việt Nam vào buổi giao thời phần nửa đầu thế kỷ XX. Thân thế và sự nghiệp của ông đã từng làm đề tài cho nhiều công trình nghiên cứu. Nói chung, công lao ông khai phá, xây dựng về mặt văn học dường như đã được đồng thanh nhìn nhận. Nhưng về mặt chính trị thì chưa có được những đánh giá ổn định. Phạm tiên sinh có chỗ đứng nào trong lịch sử chính trị Việt Nam? Việc thẩm định chưa thể coi là đã hoàn tất. Một phần, vì những trở ngại thời sự. Phần khác, vì những sai lầm về phương pháp nghiên cứu và nhất là vì thiếu những yếu tố thẩm lượng chắc chắn về chính trị mà trong những thập niên trước đây, thời thế chưa kịp cung cấp.

I.- Đặt vấn đề lịch sử tư tưởng chính trị

Cho tới nay, mỗi khi phải phê phán sự nghiệp chính trị của Phạm Quỳnh, phần đông đều tỏ ra dè dặt, không khen mà cũng không chê dứt khoát. Nhưng có những người đã lấy thái độ rõ rệt, không phải để khen mà để chê. Có 4 trường hợp những người chê.

Cụ nghệ Ngô Đức Kế, chủ bút báo Hữu Thanh, năm 1924 trên Hữu Thanh số 21, có viết một bài dưới đầu đề "Luận về chánh học cùng tà thuyết ..." trong đó cụ không trực tiếp chỉ trích hoạt động chính trị của Phạm Quỳnh. Cụ chỉ mượn việc Truyện Kiều được Phạm Quỳnh "biểu dương" như một giá trị đem ra khai hóa cho quốc dân (...), mượn lời Trịnh Khải, đời Đường - vì tiếng thơ hay mà được làm tới tể tướng - để gián tiếp nói mấy lời chê Phạm tiên sinh cả về mặt văn chương lẫn chính trị.

Ông Thiếu Sơn, một ngòi bút phê bình văn nghệ có uy tín và cũng là chỗ thâm giao với Phạm Quỳnh, trong tập Hồi ký "Một Đời Người", đã không che dấu nổi thất vọng khi thấy người ông từng "kính trọng tôn sùng coi như ngôi sao Bắc

đẩu của làng văn", được bổ nhậm vào một địa vị cao sang, vẫn cứ "tự toại trên những hủ bại mục nát" và - theo lời đồn đại - còn "làm tai mắt cho Tây, chèn lấn bạn đồng liêu, (...) ăn hối lộ có tiếng". Đây là những lời phê bình về phong cách cá nhân của một người làm chính trị, không được chờ đợi như một yếu tố thẩm lượng chính trị có tầm khái quát khả dĩ giải tỏa được những khúc mắc còn tồn tại chung quanh nhân vật chính trị Phạm Quỳnh.

Trái lại, tập "Chủ đích Nam Phong" của ông Nguyễn Văn Trung là một công trình phê bình chính trị không được chờ đợi - nhưng đã đến - trong đó ông dành hết tâm trí để chứng minh rằng Phạm Quỳnh là "tay sai chính trị, tay sai văn hóa của thực dân".

Chót hết, những người cộng sản Việt Nam, ngay sau khi vừa cướp được chính quyền, đã sử dụng quyền phê bình của họ bằng cách thủ tiêu không xét xử kẻ đối thủ chính trị Phạm Quỳnh.

Chỉ lướt qua 4 trường hợp này người ta cũng thấy được rằng không thể nhìn nhận cho những cách đánh giá chính trị như vậy có một giá trị khả tín tuyệt đối được. Ta chỉ nên ghi nhận các quan điểm đã được nêu lên với những dè dặt cần thiết. Cùng lắm, có thể "hiểu" cơn giận của cụ nghệ họ Ngô, "thông cảm" nổi thất vọng của ông Thiếu Sơn.

Nhưng chắc chắn không thể chấp nhận được, dù dưới lý do gì, việc cộng sản Việt Nam đã hạ sát Phạm Quỳnh vì chính kiến bất đồng. Phải cực lực lên án tội ác này, một thói tục làm chính trị đã man còn sót lại của một thời chính trị còn Việt Nam ấu trĩ.

Về công trình phê bình của ông Nguyễn Văn Trung người ta khó tán thành không dè dặt những khẳng định của ông trong việc ông thẩm lượng hoạt động văn hóa, chính trị của Phạm tiên sinh. Bởi lẽ còn nhiều nghi vấn chưa được giải đáp. Tạm nêu lên một nghi vấn. Ông Nguyễn Văn Trung chủ trì phải có quan điểm chính trị khi nghiên cứu văn học, nhưng ông không nói rõ quan điểm của thứ chính

trị nào. Ai cũng biết không hề có một thứ chính trị duy nhất cho mọi người, mọi nơi, mọi thời. Người đọc "Chủ đích Nam Phong" mắt công tìm mà không thấy rõ tác giả của nó muốn nói chính trị cổ truyền trung quân ái quốc hay chính trị dân chủ phương Tây hay chính trị bài phong phản đế, cách mạng giai cấp hay chính trị thế giới tự do hay chính trị giải thực v.v?

Cũng là điều tự nhiên nếu người đọc "Chủ đích Nam Phong" phải đánh giá lại cách ông Nguyễn Văn Trung đánh giá Phạm Quỳnh về mặt chính trị.

Vàng đã thử lửa. "Chủ đích Nam Phong" đã chịu sự thử thách của thời gian. Mấy thập niên đã trôi qua, từ khi bản cáo trạng này được kết cấu dưới ngòi bút của Nguyễn Văn Trung. Từ đó đến nay, lịch sử như một thứ thuốc hiện hình đã phơi bày ra trước ánh sáng nhiều bộ mặt thật của chính trị. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Người dân thường Việt Nam nay không cần phải nhờ các nhà trí thức giác ngộ - và có lẽ ở mặt này còn bén nhạy hơn các nhà trí thức - đã hiểu trực tiếp được thế nào là giải phóng, thế nào là cách mạng, thế nào là kháng chiến, thế nào là độc lập, tóm lại, thế nào là chính trị giải thực và những quái thai mà thứ chính trị này đã đẻ ra. Ở "Chủ đích Nam Phong" với một hơi văn hùng hực, với một kiến trúc lý luận chặt chẽ đôi khi quá chặt chẽ thành điều ràng buộc đã chỉ còn phảng phất một dư vị cuối mùa. Ưu tiên chính trị hàng đầu của dân Việt Nam lúc này không còn là giải thực nữa mà là cuộc vật lộn sinh tử với những sản phẩm của giải thực. Những người nhân danh giải thực để tự cho mình quyền hạ sát Phạm Quỳnh nay đang làm sống lại trên đất Việt Nam, với một cường độ cao hơn, chính trị thực dân thừa xưa. Trong cái ngột ngạt của đơn điệu toàn trị "xã hội chủ nghĩa" hiện nay, người ta chỉ mong có được một cơn gió nhẹ thổi nam. Ở Việt Nam bây giờ với Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự (tại sao không cả với Nguyễn Văn Trung?), ra được một tạp chí

giống như Nam Phong để, trong vòng kim kẹp, vẫn còn xa gần nói được ít điều về lòng yêu nước, về tổ quốc, về tự do, về văn chương, văn hóa v.v... là cả một mơ ước còn xa vời!

Bỗng nhiên Phạm Quỳnh trở thành một thứ rượu cũ mà hơi men vẫn chưa hã. Có lẽ phải nhìn lại những gì Phạm Quỳnh đã làm, nghĩ lại những gì đã phê phán về Phạm Quỳnh? Không phải bằng ít nhiều biến tấu của những nhạc khúc giải thực từng được trôi lên với những nhạc công danh tiếng Léopold Sédar Senghor, Ernesto Che Guevara, Sékou Touré, N'krumah, Frantz Fanon v.v... Mà bằng một cách nhìn đã được những bài học của chính trị thực tế điều chỉnh, những phát kiến của môn chính trị học soi sáng. Cởi bỏ được nỗi bất hạnh hai lần bị vong thân - mất bản sắc trong vòng thuộc địa của thực dân rồi giải thực để lại rơi vào quỹ đạo cộng sản là một thách đố cho một lớp người làm chính trị Việt Nam. Thách đố họ phải vượt qua để mong thích ứng được với trật tự mới của thế giới. Họ phải đoạn tuyệt với mọi sản phẩm của ý hệ vong thân để trở về với cái gốc của xã hội là dân. Chính trị, nhờ đó, sẽ không còn bị chi phối bởi ý hệ với kiến thức sơ đẳng, cực đoan và sẽ tiếp cận được với khoa học để tiến lên kiến thức thượng đẳng, tương đối.

Đó là lý do tại sao phải cải thiện những phương pháp nghiên cứu trước đây, đặt vấn đề tư tưởng chính trị trong việc phê phán Phạm Quỳnh.

Tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc để "khử độc", dự phòng những ngộ nhận có thể xảy ra. Ở đây sẽ không bàn đến việc phục hồi địa vị chính trị cho nhà chính khách Phạm Quỳnh, Thượng Thư bộ Học, Thượng Thư bộ Lại của Triều đình Huế dưới thời vua Bảo Đại. Mà chỉ bàn về tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh, sáng lập viên, chủ bút rồi chủ nhiệm tạp chí Nam Phong. Cách nhìn vấn đề như vậy không phải là cách nhìn giảm trừ "chính trị nhất tôn" của các ý hệ để tô đen hay bôi hồng Phạm Quỳnh. Điều mới nếu có trong việc tìm hiểu này là sáng kiến áp dụng khán pháp của môn "lịch sử tư tưởng chính trị", một ngành của chính trị học. Dưới độ góc nhìn mới này, sự nghiệp chính trị của Phạm Quỳnh sẽ được phân chia thành hai phần rõ rệt: tư tưởng và hành động. Trước khi làm chính trị, Phạm Quỳnh đã suy nghĩ như thế nào về chính trị? Tìm hiểu phần hoạt động chính trị của Phạm Quỳnh là trách nhiệm của sử học Việt Nam. Lịch sử tư tưởng chính trị, không làm công việc

của sử học, chỉ tìm hiểu những ý kiến về chính trị của Phạm Quỳnh. Tìm hiểu với tinh thần và phương pháp của chính trị học. Để cho sử học có cơ sở mà ghi chép, miêu tả và phê phán, nếu cần.

Còn một điểm chốt cần trình bày. Chọn khán pháp chính trị học bao hàm việc chấp nhận một số khái niệm làm dụng cụ khám phá đối tượng nghiên cứu đồng thời việc sử dụng những thuật ngữ liên hệ. Trong số những khái niệm này tất nhiên phải có từ ngữ "chính trị" với một nội dung nhiều nghĩa, nhất là nó còn được dùng để phiên dịch những từ ngữ của Pháp "le politique", "la politique" hay của Anh "politic", "polity", "policy" cũng là những tiếng nhiều nghĩa nữa. Nhưng cũng nên nhấn mạnh rằng trong môn học lịch sử tư tưởng chính trị (của phương Tây), từ ngữ chính trị không mang những ngữ nghĩa con đẻ của ý hệ cộng sản loại "quan hệ của một giai cấp này đối với một giai cấp khác trong cuộc đấu tranh nhằm giành địa vị thống trị và chính quyền trong nước" hay loại đạo lý phương Đông "chính giả chính dã", "tam cương ngũ thường". Nó là một thuật ngữ dùng để chỉ vừa những hoạt động hay dự án hoạt động nhằm tổ chức, quản trị xã hội lại vừa cả lĩnh vực chuyên môn trong đó các hoạt động này tranh chấp nhau và tự điều hòa với nhau để cùng nhau tồn tại. Ngoài ra từ ngữ "tư tưởng" trong cụm từ "lịch sử tư tưởng chính trị" đã được dùng với một nghĩa rộng rãi, bao gồm cả tư duy (theo nghĩa triết học cộng sản) lẫn lý thuyết, học thuyết và ý kiến.

II. Tóm lược tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh

A. Đặc tính của tư tưởng chính trị Phạm Quỳnh

Tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh không phải là một toàn bộ thuần nhất vì tính phức tạp của những hoạt động văn hóa chính trị của ông, những hoạt động phải thỏa mãn nhiều nhu cầu trái ngược nhau. Bởi vậy, khi nghiên cứu tư tưởng này phải giới hạn phạm vi khảo sát. Vì thế đã có những lựa chọn để chỉ giữ lại để khảo sát những ý kiến:

- a/ đã được trình bày dưới hình thức thành văn đăng trên báo hay cấu trúc thành tác phẩm đã xuất bản.
- b/ có giá trị đánh dấu thời đại
- c/ mang những nét đặc thù giúp phân biệt với những ý kiến khác
- d/ có khả năng đóng góp vào kiến thức chung về chính trị

Trên cơ sở những tiêu chuẩn này, phải dành cho Phạm Quỳnh một chỗ đứng đặc biệt. Nhờ ông mà những người cuối thế kỷ có được một số hiểu biết tương đối phong phú về một xu hướng đã diễn đạt thành một đường lối có phương pháp thực hiện ở vào đầu thế kỷ để tranh thủ độc lập và canh tân đất nước thông qua sự hợp tác công khai với ngoại bang thống trị. Xu hướng này xuất phát từ một sáng kiến độc đáo của một người, đã hệ thống hóa các ý kiến cho riêng mình và tìm được phương tiện phổ biến các ý kiến ấy trên nhiều diễn đàn trong và ngoài nước. Người đó là Phạm Quỳnh, hệ thống các ý kiến đó là tư tưởng chính trị của ông và phương tiện phổ biến là tạp chí Nam Phong mà ông là sáng lập viên, chủ bút rồi chủ nhiệm. Dưới đây, tư tưởng chính trị này được gọi là thông điệp chính trị Nam Phong.

B.-Nội dung tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh

Trước khi đi vào nội dung tư tưởng chính trị của Phạm Quỳnh, thiết tưởng nên nhắc lại bối cảnh lịch sử Việt Nam vào lúc tư tưởng này xuất hiện, tức là lúc tạp chí Nam Phong được xuất bản:

- a/ Nước Việt Nam đã dần dần mất hết chủ quyền về tay người Pháp từ trên nửa thế kỷ
 - b/ Hai phong trào vô trang chống Pháp là Văn Thân và Cần Vương hoàn toàn tan rã với cái chết vì bệnh của Phan Đình Phùng và chết vì bị phản bội của Đề Thám.
 - c/ Ba ông vua chống Pháp Hàm Nghi, Thành Thái. Duy Tân đều bị bắt và bị lưu đày
 - d/ Nam Kỳ là thuộc địa trực trị của Pháp, Trung Kỳ và Bắc Kỳ tuy vẫn còn là đất bảo hộ nhưng người Pháp cũng lấn hết quyền, triều đình Huế chỉ có hư vị.
 - e/ Phong trào chống Pháp bằng đường lối văn hóa là Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập năm 1907 ở Hà Nội sau một thời gian ngắn hoạt động đã bị đóng cửa
 - g/ Liên Bang Đông Dương đã được thành lập xong từ năm 1887
 - h/ Bộ máy cầm quyền của Pháp như vậy là đã áp đặt được trên một nước Việt Nam đã bình định về quân sự, bắt đầu mở mang về kinh tế. Về chính trị, dưới sự đôn đốc mềm dẻo của Toàn quyền Albert Sarraut, Pháp thi hành chính sách "khai hóa", đem Tây học thay cho Hán học.
- Năm 1917, với sự thỏa thuận và sự tài trợ của nhà cầm quyền Pháp, Phạm Quỳnh đứng ra sáng lập tạp chí Nam Phong và dùng Nam Phong làm cơ quan ngôn luận cổ vũ cho chủ trương văn hóa, chính trị

của ông. Nói chung, ông đề xướng lập trường công khai hợp tác với Pháp, trong khuôn khổ Điều ước Bảo Hộ năm Giáp Thân (1884), tin tưởng nơi sự giúp đỡ của Pháp để từng bước kiện toàn nền độc lập chính trị cho Việt Nam mà bước đầu là độc lập văn hóa. Nói Việt Nam là nói Trung Kỳ và Bắc Kỳ, hiện còn bị đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp. Ông không nói tới Nam Kỳ mà do Điều ước Nhâm Tuất (1862), triều đình Huế đã nhượng cho Pháp làm thuộc địa. Ông cho rằng Nam Kỳ không thành vấn đề nữa vì trong tương lai nếu Trung Kỳ và Bắc Kỳ lấy lại được độc lập thì hai miền này sẽ là một đơn vị hợp thành Liên Bang Đông Dương cùng với Nam Kỳ, Ai Lao và Cao Miên.

Trong 16 năm, qua hơn 200 số Nam Phong, bằng cả hai thứ tiếng Việt và Pháp, với tư cách một người viết báo, ông đã tích cực tranh đấu cho chủ trương chính trị này. Tất cả những bài viết (trước tác hay phiên dịch), bài nói của ông đã được đăng trên Nam Phong và người ta coi đó là một thông điệp của Phạm Quỳnh gửi cho chính giới Pháp đồng thời cho giới trí thức người Việt.

Không thể trình bày đủ hết thông điệp này, chỉ xin tóm lược qua 3 trọng điểm:

1.- Chủ nghĩa quốc gia của Phạm Quỳnh

Mặc dù cộng tác với người Pháp, Phạm Quỳnh công khai cổ võ cho tinh thần quốc gia, đòi hỏi người Pháp phải trả lại cho người Việt Nam tổ quốc của họ. Cùng lúc, ông hô hào người Việt Nam phải biết tự rèn luyện để đủ bản lĩnh tự đảm đương việc cai trị đất nước không cần phải nhờ nước Pháp bảo hộ. Những điều này tự ông trực tiếp tỏ bày thành văn bản để ai đọc cũng thấy, không phải chỉ là những lời giải thích gián tiếp của người ngoài. Nói cách khác và tóm tắt, Phạm Quỳnh có tư tưởng quốc gia và vận động theo đường lối ôn hòa để cho mọi người Việt Nam đều có tư tưởng quốc gia đó và người Pháp biết tôn trọng nó. Tư tưởng quốc gia của Phạm Quỳnh có 5 thành tố:

a/ Niềm tin sâu xa vào sự hiện hữu của giống nòi, dân tộc

Trên Nam Phong số 103 phát hành tháng 3-1926, ông dựa vào bài đại luận của Ernest Renan "Thế nào là một nước" (Qu'est ce qu'une nation?) để bàn về "quốc hồn". Ông viết "[...] Cái nguyên tố dựng ra một nước không phải chỉ ở thổ địa nhân dân mà thôi, cốt là ở cái ý nguyện chung

của người ta muốn xum vầy sinh hoạt [...] nhìn về trước cùng nhau chung một cuộc lịch sử [...], ngó về sau thời cùng nhau chung một lòng hi vọng về vang rục rờ; nói tóm lại là ở một cái mối ràng buộc vô hình nó ràng buộc người ta lại, làm thành một cái đoàn thể thiên nhiên mà bền chặt [...]. Cái mối vô hình ấy, tức là cái tinh thần lập quốc, tức gọi là quốc hồn. Cái tinh thần ấy phần chấn (trấn) thời nước mạnh, cái tinh thần ấy ủy mị (mị) thời nước suy. Có đất có người mà cái hồn chung ấy không có thời chưa thể thành một nước được. Đất đã vào tay chủ khác, dân làm nô lệ cho người, mà cái hồn chung ấy vẫn còn, thời dẫu phân lìa tan tác, bầy nổi ba chìm, sớm trưa rồi cũng có ngày khôi phục. Nhìn trên mặt đất [...] biết bao nhiêu nước xác thì còn mà hồn đã mất, lại biết bao nhiêu nước hồn vẫn sống mà xác không còn. Những nước thuộc vào hạng trên thì có cùng như không, mà những nước thuộc vào hạng dưới thì không mà vẫn có" (Phạm Quỳnh, "Bàn về cái tinh thần lập quốc", Nam Phong số 103, 3-1926).

Điều đáng chú ý là Phạm Quỳnh đã đổi mới nội dung cho khái niệm cổ truyền về "nước" hay "dân tộc" của người Việt Nam, từ mấy ngàn năm chỉ dựa trên cơ sở "huyết thống" con rồng cháu tiên. Khái niệm ấy ngày nay được xếp vào loại "khái niệm khách quan". Khái niệm của E. Renan mà Phạm Quỳnh nêu lên thuộc loại "khái niệm chủ quan". Sự đổi mới nội dung khái niệm này sẽ có những ảnh hưởng quyết định tới đường lối của Phạm Quỳnh tranh đấu cho độc lập đất nước.

b/ Lòng yêu nước

Trong một bức thư ngỏ gửi cho Tổng trưởng Thuộc địa của chính phủ Pháp, ông Paul Reynaud, nhân dịp ông sang thăm Việt Nam (bức thư này được đăng trên Nam Phong số 166, tháng 10-1931 và trên tờ France-Indochine ngày 6-11-1931, ngày ông P. Reynaud đến Hà Nội), Phạm Quỳnh đã thẳng thắn trình bày về tinh thần quốc gia của người Việt Nam: "[...] Chúng tôi [...] muốn cho mình cũng có một cuộc đời quốc gia, muốn được sống cái đời đó một cách đầy đủ mạnh mẽ ở dưới quyền bảo hộ của Đại Pháp. Vì cái lòng ái quốc của chúng tôi lâu ngày bị mờ ám, nay nó cũng bắt đầu khôi phục lại và mỗi ngày một mạnh thêm lên. Cái tổ quốc kia của ông cha chúng tôi đã khó nhọc biết bao nhiêu mới gây dựng nên, hồi vận nước suy vi, đã có lúc quên hẳn, nay nó xuất

hiện trong thần trí chúng tôi, nó luẩn quẩn không rời, nó có một sức mạnh ngầm, như sức mạnh của lý tưởng vậy. Thành ra một sự đau đớn phiền muộn [...]. Trong khoảng hai ba mươi năm nay, chúng tôi có tiến hóa về đường trí thức, đường tinh thần, kết quả là đã biết nhận chân về mình, nhận chân về cái nghĩa quốc gia của mình, sinh ra cái tư tưởng về nước về nhà, mà tư tưởng này không thích hợp với cái chế độ hiện hành nó không thể làm cho tấm lòng hoài vọng của chúng tôi được thỏa mãn vậy. Về phương diện quốc gia thì sự khủng hoảng ấy có thể tóm tắt lại một câu như sau này: 'Chúng tôi là một dân tộc đương đi tìm tổ quốc mà chưa thấy tổ quốc đâu'. [...] tổ quốc ấy đối với chúng tôi không thể là nước Pháp được. Lời nói đó xin Ngài đừng méch lòng. Nó không hàm cái ý bất lương (nguyên văn tiếng Pháp: "intention mauvaise") gì cả; chính là tiêu biểu cho sự thật đích xác. Người An-Nam không thể coi nước Pháp làm tổ quốc được, vì trước đã có tổ quốc của mình rồi. Mà cái tổ quốc đó nước Pháp có thể vì chúng tôi khôi phục lại được, là ban cho chúng tôi một cái hiến pháp thế nào cho cái quan niệm quốc gia của chúng tôi được phát triển ra (nguyên văn tiếng Pháp: "la France peut justement la leur redonner en leur dotant d'un statut politique susceptible de développer leur personnalité en tant que nation") cho chúng tôi cũng có một cái đời làm nước xứng đáng... (Phạm Quỳnh, "Lettre ouverte à S.E. le Ministre des Colonies", Nam Phong số 166, 10-1931).

c/ Độc lập tinh thần làm nền tảng cho độc lập chính trị

Một chủ nghĩa quốc gia đích thực, chân chính không thể đi đôi với sự lệ thuộc vào ngoại bang mà hậu quả là tình trạng mất độc lập. Đối với Phạm Quỳnh, vấn đề ưu tiên trước bối cảnh lịch sử những năm 20, 30 không phải là việc đòi nước Pháp phải trả ngay độc lập chính trị cho Việt Nam mà là việc sửa soạn cho Việt Nam có đủ điều kiện để thu hồi nền độc lập ấy.

Trong số đầu, tạp chí Nam Phong đã nói rõ mục đích của nó là "[...] thể cái chủ nghĩa khai hóa của Nhà nước, biên tập những bài bằng quốc văn, Hán văn, pháp văn, để giúp sự mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức tong quốc dân An Nam, truyền bá các khoa học của Thái Tây [...]. bảo tồn cái quốc túy của nước Việt Nam ta [...]. Bảo tồn quốc túy tức là bảo tồn

quốc hồn và có quốc hồn, quốc túy tức là có bản sắc riêng, có độc lập về tinh thần, về tư tưởng. Trong một bài viết đăng trên Nam Phong số 164, tháng 7-1931, Phạm Quỳnh nhận xét rằng: "[...] ở Đông phương cũng vậy, ở Tây phương cũng vậy, nước nào còn tồn sùng một cái văn hóa cổ, tập luyện một thứ văn tự cổ thì không thể nào có quốc văn, có quốc học được. Bao giờ tiếng quốc âm của mình có thoát ly được cái văn tự cổ đó mà độc lập thì bấy giờ mới gây được thành quốc văn. Quốc văn đã thành lập nhiên hậu mới có quốc học được. Có quốc văn, có quốc học mới thật là độc lập về đường tinh thần (Phạm Quỳnh, "Quốc học với quốc văn", Nam Phong số 164, tháng 7-1931)". Và sau khi khẳng định rằng mối quan tâm của Nam Phong là xây dựng quốc văn để làm cơ sở cho quốc học ông đi tới kết luận: "[...] chúng tôi nhìn từ xưa đến nay rằng không có quốc văn thì không sao có quốc học được; không có quốc học thì không sao có độc lập về tinh thần; không có độc lập về tinh thần thì không sao có độc lập về chính trị được (sdd)".

d/ Quy chế chính trị độc lập

Một dân tộc không thể có tương lai nếu trên trường quốc tế nó không được nhìn nhận là một thực thể có chủ quyền quốc gia và có khả năng hành sử chủ quyền ấy. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam là bằng cách nào thu hồi chủ quyền đã mất vào tay nước Pháp từ phần nửa sau thế kỷ trước. Phạm Quỳnh tin rằng tình hình bang giao giữa Pháp và Việt Nam, tình hình thế giới thích hợp cho một quá trình tranh đấu ôn hòa và từng bước trong khuôn khổ chính sách khai hóa mà nước Pháp có ý định thi hành tại Việt Nam. Bước đầu là vận động nước Pháp thi hành nghiêm chỉnh điều ước bảo hộ năm Giáp Thân (1884) để tái thống nhất Trung Kỳ với Bắc Kỳ và thu hồi về cho Triều đình Huế chủ quyền trên hai miền này, chủ quyền mà điều ước Giáp Thân đã nhìn nhận. Bước thứ hai là thiết lập nền quân chủ lập hiến thay cho nền quân chủ chuyên chế cổ truyền (xin đọc ở dưới).

e/ Viễn kiến về tương lai đất nước

Có người chỉ trích Phạm Quỳnh là chỉ trông đợi lòng quảng đại của người Pháp để thu hồi chủ quyền về cho Việt Nam. Dĩ nhiên Phạm Quỳnh hy vọng như vậy, nhưng không phải là ông chỉ hy vọng mà thôi. Ông còn dự kiến nữa. Và chính sự dự kiến của ông đã khiến ông tin tưởng là ông

sẽ thành công.

Viễn kiến của ông về tương lai Việt Nam đã được trình bày cách đây 69 năm trong một bài viết đăng trên Nam Phong. (Phạm Quỳnh, "Nước Nam năm mươi năm nữa thế nào?" Nam Phong số 154, tháng 9-1930) ".

Những dự kiến trên cho thấy nhà làm chính trị họ Phạm không mắc bệnh cận thị chính trị không biết nhìn xa trông rộng. Ông đã tiên đoán xu thế "toàn cầu hóa" hiện nay đang diễn ra ở khắp nơi. Ông e ngại sẽ có một cuộc thế giới đại chiến mới, cuộc thế chiến này đã xảy ra. Ông lo sợ dịch cộng sản "sẽ truyền nhiễm ra dữ dội". Dịch này cũng đã xảy ra và chính bản thân ông, đất nước của ông đã là nạn nhân.

Nhưng đáng kể hơn hết là lòng tin có căn cứ của ông về một tiền đồ xán lạn của Việt Nam. "Nay nước Nam cứ tuần tự tiến hóa thì năm mươi năm nữa sẽ thế nào? Cứ như con mắt ta tưởng tượng thì cái hình ảnh nước Nam trong một nửa thế kỷ nữa [...] sẽ là hình ảnh một cường quốc Á châu, đã hoàn toàn khôi phục được chính quyền cùng quốc thổ vậy. [...] Đối với nước bảo hộ thì cái tình thế cũng như nước Gia Nã Đại đối với nước Anh vậy. Tuy vẫn thuộc trong 'đoàn thể đế quốc' (commonwealth, khối thịnh vượng chung) của nước Pháp, mà vẫn giữ được cái tính cách, cái hình thể quốc gia riêng. Sẽ là một nước tự do trong vòng khuôn đế quốc của Đại Pháp ((sdd)". Cơ sở của dự kiến của ông là chế độ 'ủy nhiệm' của Hội Vạn Quốc (Société des Nations), bao nhiêu những xứ bị nước ngoài chiếm làm thuộc địa sẽ đổi theo chiều chế độ ấy cả (sdd)". [Chế độ ủy nhiệm (système du mandat) do Tổng thống Mỹ Wilson đề xướng ra sau cuộc đệ nhất thế chiến. Theo chế độ này thì các cường quốc không được chiếm các nước ngoài làm thuộc địa của mình. Những xứ nào người dân còn kém chưa thể tự trị được thì Hội Vạn Quốc 'ủy nhiệm' cho một cường quốc trông nom cai trị dùm, đến khi đủ điều kiện tự cai trị thì được độc lập]. Sự dự đoán của ông đã xảy ra, còn sớm hơn ông tính và không do những tác nhân ông chờ đợi. Sự dự đoán này không hoàn toàn đúng với Việt Nam vì yếu tố cộng sản đã làm đảo lộn hết. Nhưng nó đã đúng với Phi châu.

2.- Việc trở lại điều ước Giáp thân

Vấn đề trở lại điều ước bảo hộ năm Giáp thân (1884) là một chủ trương cải cách chính trị cơ bản của Phạm Quỳnh. Sở dĩ ông nêu lên vấn đề này là vì vào những

năm đầu thế kỷ này chế độ chính trị của Trung Kỳ cũng như Bắc kỳ không được rõ ràng, không ra "bảo hộ" mà cũng chẳng là "trực trị". Đáng lý ra, theo điều ước Giáp Thân (1884) thì người Pháp không trực tiếp cầm quyền, vua Việt Nam "tiếp tục lãnh đạo công cuộc nội trị đất nước như cũ" như điều 16 đã quy định. Nhưng trong thực tế người ta gọi Bắc Kỳ là một xứ "bảo hộ dở dang" hay là "một xứ nửa bảo hộ nửa thuộc địa". Sự thật cũng có một luồng dư luận mà ông Nguyễn Văn Vĩnh là người cổ vũ đòi thi hành giải pháp "trực trị", điều ước 1884 đã chẳng ai theo, hà tất còn phải đặt vấn đề áp dụng làm gì nữa. Phạm Quỳnh chống lại giải pháp trực trị vì nhiều lẽ. Trước hết "Vấn biết rằng điều ước ấy đã bị xâm phạm nhiều, nhưng chưa công nhiên bãi bỏ thời vẫn phải coi là căn bản pháp luật cho hiện tình bản xứ"(Nam Phong số 151, tháng 6- 1930). Mặt khác, trực trị "là thu lấy hết cả chính quyền của vua An Nam" tức là thi hành thủ đoạn "cường bách". Ngoài ra, Việt Nam vốn là một quốc gia thuần túy, có tính tình, phong tục, có chế độ, tinh thần riêng không thể "đồng hóa" được. Sau hết, ở Trung, Bắc Kỳ, chính sách trực trị không thể thi hành được. Bỏ Triều đình, bỏ quan trường thì để nhưng thay vào bằng gì? Bởi vậy mà từ xưa đến nay, các bậc thức giả đều không tán thành chính sách đồng hóa. Do đó, Phạm Quỳnh yêu cầu bên chính quốc ở Paris phải lựa chọn dứt khoát giữa hai giải pháp "trực trị" hay "bảo hộ" và ông đề nghị là nên trở lại điều ước Giáp Thân (1884), thi hành nghiêm chỉnh điều ước này để "thỏa thuận được với tư tưởng quốc gia của người Việt Nam" (Nam Phong, số 151, tháng 6-1930). Để tránh mọi hiểu lầm, Phạm Quỳnh minh xác rằng việc cải cách này chỉ nhằm vào hai xứ bảo hộ là Trung Kỳ và Bắc Kỳ mà thôi, không liên quan gì tới Nam Kỳ là thuộc địa và Đông Dương, một cơ cấu hoàn toàn do nước Pháp lập ra.

3.- Vấn đề quân chủ lập hiến

Cũng vậy, vấn đề lập hiến cũng chỉ giới hạn trong phạm vi Trung Kỳ và Bắc Kỳ nghĩa là trong phạm vi Quốc triều và chính thể Bảo Hộ mà thôi. Cũng cần nhấn mạnh thêm ở mấy điểm:

a/ Phạm Quỳnh cho rằng Triều đình cũng như quan trường đương chức không còn được dân tín nhiệm vì bị coi là "lợi khí bất lương trong tay người Pháp". Vậy nguyện vọng của dân là có một hiến pháp để "đặt được một chính phủ Việt Nam chân chính,

hành động ở dưới quyền kiểm sát của Bảo Hộ".

b/Như vậy thì nền "quân chủ chuyên chế" cũ nay phải đổi thành "quân chủ lập hiến".

c/Tuy trên lý thuyết quyền lập hiến thuộc về vua. Nhưng trên thực tế thì quyền này do Bảo hộ nắm. Vậy yêu cầu Bảo Hộ giúp quốc vương An Nam ban hành một bản Hiến pháp.

d/Bản Hiến pháp đó phải dựa trên căn bản pháp lý của chính thể hiện thời của nước Nam là điều ước Giáp Thân (1884) theo đó việc nội trị của nước Nam phải ở trong tay người Nam, Bảo Hộ chỉ giữ trách nhiệm cố vấn và giám sát.

e/Quyền nội trị này sẽ không theo chế độ chuyên chế cũ nữa mà phải châm chước theo tiến hóa, bớt quyền của vua, thêm quyền cho dân được tham dự vào chính sự. Với công thức mới này, vua sẽ giữ quyền hành chính với sự cộng tác của một Chính phủ gồm có các Thượng Thư hay Tổng trưởng các Bộ theo quyền hạn sẽ định. Vua còn có thêm một hội đồng cố vấn để giúp việc. Quyền lập pháp thuộc về một nghị viện chung cho cả Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nghị viện này được bầu theo lối đầu phiếu hạn chế. Nghị viện cũng như Chính Phủ, có quyền lấy sáng kiến làm luật nhưng các dự án luật trước khi đưa ra thảo luận phải qua một cuộc thẩm xét của một Hội đồng gọi là "Thẩm chính viện". Nghị viện được quyền kiểm sát công việc của Chính phủ nhưng không có quyền lật đổ Chính phủ.

g/ Bảo Hộ chỉ đặt một quan Khâm sứ ở Huế và có người thay mặt ở Hà Nội. Các cơ quan dưới quyền Khâm sứ chỉ để thi hành quyền kiểm sát của Bảo Hộ. Theo điều 7 của điều ước, Khâm sứ có quyền xin cách chức các quan lại của Chính phủ Nam triều và xin giải tán Nghị viện.

h/Khi có tranh chấp giữa Chính phủ Nam triều và Bảo Hộ thì nội vụ sẽ đưa lên người thay mặt nước Pháp ở Đông Dương là Toàn Quyền để xét định.

i/Số Bộ sẽ giới hạn vào việc nội trị. Quốc phòng và ngoại giao do Bảo Hộ đảm trách.

Trần Thanh Hiệp

* Tất cả những trích dẫn về Phạm Quỳnh trong bài này đều xuất xứ từ tạp chí Nam Phong

Những kẻ cùng khổ của nạn đói tại Bắc Triều Tiên

(Nguyễn Thành Nhân phỏng dịch theo bài *Les damnés de la faim* của ký giả Caroline Puel, báo *Libération* ngày 30-4, 1-5 và 2-5-1999)

Em Piao lên 11 tuổi nhưng người ta cứ tưởng em lên bảy. Là người tị nạn Bắc Triều Tiên, em không quên được cái đêm lạnh lẽo tháng chạp năm 1998. Trong ba ngày liền, em đã phải cùng cha mẹ đợi người đưa đường bên bờ sông Đô Môn (Tumen - sông ranh giới phía bắc Bắc Triều Tiên với Trung Quốc) mà cuối cùng cũng không gặp. Bên kia bờ sông là Trung Quốc. Để trốn nạn đói, em và gia đình đã bỏ trốn thành phố cảng Hamhung và đi bộ trong mười ngày.

Thừa lúc công an biên phòng đổi ca, và nhân lúc thời tiết dày đặc sương mù, em và gia đình đã chạy ra bờ sông. Nước sông đóng băng nhưng dân địa phương đã cho biết rằng lớp băng rất mỏng và chỉ rộng không ngoài trăm thước. Họ cũng vẫn liều mạng vịn vai nhau băng qua. Đến giữa sông, nghe tiếng băng vỡ, em quay lại chỉ để kịp nhìn thấy hai cánh tay của mẹ em biến dần trong nước sông đen ngòm. Mẹ em đã không thét lên một tiếng nào vì sợ báo động công an biên phòng. Hai cha con cố chạy đến bờ sông bên kia, phía Trung Quốc. Cha em quăng em lên bờ và trở lại giữa sông để cứu mẹ em. Băng đá lại vỡ một lần nữa. Ba em chỉ kịp thét lên "Piao! Trốn đi con" rồi im lặng bao trùm. Em đã trốn trong những bụi cây trên bờ phía Trung Quốc. Em thấy bên kia bờ sông đám công an Bắc Triều Tiên chạy đôn chạy đáo. Em run lên vì lạnh và thiếp đi cho đến sáng. Khi em tỉnh giấc, một ông già vai khuôn những cành cây, đang vuốt đầu em. Người ấy nói với em bằng một ngôn ngữ mà em không hiểu rồi nắm tay em dẫn đi.

Gia đình đón nhận em nói rằng em đã rất nhiều may mắn. Ngày hôm nay, em được ăn mặc, nuôi nấng chu đáo và còn được đi học. Em ít nói nhưng các thầy giáo và bạn em cũng không thắc mắc về gốc gác của em. Em chỉ có một ước vọng, đó là nói được tiếng Trung Quốc một cách sành sỏi. Trong khi chờ đợi, em biết về những con vịt trắng với cặp mắt hiền hòa như những con vịt bơi trên giòng sông Đô Môn.

Từ một năm nay, mỗi đêm, hàng trăm người Bắc Triều Tiên cùng tìm cách băng qua sông Đô Môn như em Piao. Làn sóng vượt biên đã bắt đầu năm 1995, càng ngày càng đông đảo và đều đặn. Họ bỏ trốn một quốc gia đang đầy chết chóc chứ không phải một tổ quốc đang yêu như trong những bài diễn văn dài giòng của các cấp lãnh đạo Bắc Triều Tiên hay thậm chí trong những nhận xét của một số quan sát viên ngoại quốc. Đại diện chương trình viện trợ thực phẩm của Liên Hiệp Quốc, ông David Morton, cũng phải nhìn nhận rằng một phần năm lãnh thổ còn bất khả xâm phạm và một phần tư dân chúng không được cứu trợ.

Nạn cướp bóc

Ông Lin, một thương gia Trung Hoa ở tỉnh Diên Cát thường sang Bắc Hàn để trao đổi quần áo và bắp lấy nhân sâm, năm làm đông được và hải sản khô đã nhận xét rằng điểm đầu tiên mà ông ghi nhận là mùi xú uế bao trùm không khí những nơi mà ông đi qua. "Đó là mùi phân và mùi những cơ thể bệnh hoạn thối rữa. Người ta hốc hác, nước da thâm xỉ vì lạnh, léch thếch trong những quần áo rách rưới bên những vệ đường. Họ chui vào tá túc trong những căn nhà hoang, đi tìm việc làm chung quanh hay xin ăn rồi lại tiếp tục bước lên con đường vô định. Họ có thể gặm nhắm một trái bắp mấy ngày liền.: trước tiên họ nhâm nhi hột bắp, rồi gặm cái lõi như những con chuột hoặc tán nhỏ thành bột để ăn cho dễ. Họ ăn cả lá cây. Tại Na Yang, tôi còn thấy những đứa trẻ mặc quần áo rách bươm, đi chân không ngoài trời lạnh -25 C"

Kim, một thiếu nữ Bắc Triều Tiên 31 tuổi, đã cùng mẹ trốn sang Trung Quốc vào tháng 10-98, nói: "Khủng hoảng kinh tế bắt đầu sau cái chết của Kim Nhật Thành (7-1994). Cho đến năm 1995, còn có việc làm. Lương rất thấp nhưng không ai chết đói. Khi tôi bỏ đi mùa thu trước, tất cả các xí nghiệp ở vùng tôi ở (tỉnh Thanh Tân - Chanjin) đã đóng cửa. Đến điện và hệ thống sưởi cũng không còn. Xe lửa và

Macao có chủ tịch hành chính mới

Ngày 7.5 vừa qua, ban trụ bị (197 người) do Bắc Kinh thành lập vừa tuyển chọn ông Hà Hậu Hoa (He Hou Hua) làm chủ tịch Khu Hành chính Đặc biệt Úc Môn (Macao) để thay thống đốc Bồ Đào Nha tướng Vasco Rocha Veira, vào ngày 20-12 sắp tới. Hai tuần sau đó, sắc lệnh của quốc vụ viện do thủ tướng Chu Dung Cơ ký ngày 20-5 bổ nhiệm Hà Hậu Hoa làm "trưởng quan" Úc Môn.

Cũng như những tuyển chọn do Bắc Kinh tổ chức, ban chủ tịch đa số là những uỷ viên Trung ương Đảng như Tiền Kỳ Tham (phó thủ tướng), Mã Vạn Kỳ (Ma Wan Qi), Liêu Huy (Liao Hui), đặc trách Hương Cảng-Macao, Vương Khôi Nhân (Wang Qi Ren), cục trưởng Tân Hoa Xã ở Macao v.v.

Hà Hậu Hoa còn có tên Edmund Ho, năm nay 44 tuổi, là tổng giám đốc ngân hàng Đại Phong (Tai Fung) và đồng thời là thành viên thường trực của Quốc Hội Bắc Kinh. Báo chí Hương Cảng so sánh vị thế của ông này với ông Đồng Kiến Hoa (Tung Chee Hwa), chủ tịch hành chính Hương Cảng có nhiều điểm tương đồng. Hai gia đình đều chống cộng nhưng sau đó được Bắc Kinh giúp đỡ trong lúc sa sút. Hà Hậu Hoa là con của ông Hà Hiền (He Xian), một trong những người có tai mắt của đảo trong gần nửa thế kỷ. Trước "giải phóng", ông Hiền theo Quốc Dân Đảng nhưng sau đó trở thành một trong những nhân vật thuộc thành phần "nhân sĩ yêu nước" nhất của đảo và được Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai tiếp đón ở Bắc Kinh. Ngân hàng Đại Phong do ông quản lý sau đó bị thua lỗ nặng và được Bắc Kinh hỗ trợ. Năm 1983, Hà Hiền mất, Hà Hậu Hoa lên thay thế sau khi du học ở Gia Nã Đại về. Ông này lần lượt chiếm nhiều vị thế then chốt trong giới kinh tài của đảo ở chức vụ phó chủ tịch Liên hiệp Hội Công Thương Toàn Quốc (Bắc Kinh) và nhiều chức vụ khác của đảo. Ông còn nổi tiếng là một người thuộc phái giang hồ vì có liên hệ chặt chẽ với các nhóm thanh bang (mafia), đặc biệt với nhóm của Hà Hồng Sâm (Stanley Ho) và thường lán la với "phái yếu".

Đảo Macao cách Hương Cảng độ 40 cây số, có diện tích 16 cây số vuông và 450.000 dân, đa số là người Hoa. Hàng năm, đảo tiếp nhận 8 triệu du khách trong đó ba phần tư là những người đến chơi bạc

buýt không chạy nữa. Mọi người lên đường tìm miếng ăn, bỏ lại bà con họ hàng... Hai lần một tháng, chính quyền tỉnh Thanh Tân đem những kẻ phạm tội ra bắn trước công chúng để răn đe nhưng cũng không có tác dụng gì. Thi hài những tử tội bị bỏ vào những cái thùng thả xuống sông cho trôi ra cửa biển. Người ta còn đồn rằng những người sống lẻ loi bị giết và những tiệm ăn pha trộn thịt người với thịt heo, nhưng tôi không biết có thật không. Chỉ có những dân buôn bán hay có thân nhân bên Trung Quốc còn có thể xoay sở được. Nông dân cũng sống được qua ngày bằng cách ăn những thứ mà bên Trung Quốc người ta không dám cho cả đến heo ăn."

...Tuy nhiên, số người tị nạn tương đối không đông lắm. Cô Kim nói : " Người Bắc Triều Tiên không đủ can đảm hay không có sức để di tản. Bộ máy tuyên truyền của nhà nước còn mạnh lắm. Chúng tôi hoàn toàn không có một ý niệm nào về cuộc sống ngoài Bắc Triều Tiên. Trên những bản đồ của chúng tôi, lúc nào Bắc Triều Tiên cũng ở trung tâm. Ngay cả Trung Quốc hay nước Nga cũng chỉ được đánh dấu bằng một điểm chấm. Từ nhỏ, nhà nước không ngừng dạy chúng tôi rằng các nước khác rất thù ghét chúng tôi."

Do đó rất nhiều người Bắc Triều Tiên không dám băng qua biên giới mặc dù băng qua sông Đồ Môn không khó khăn lắm vì mùa đông, mặt nước đóng băng và mùa hè có những chỗ đủ nông để đi qua mà những dân đưa đường biết rất rõ. Công an biên phòng Trung Quốc không khắt khe lắm... Phía Bắc Triều Tiên công an truy lùng gắt gao hơn. Ban ngày, họ kiểm soát qua ống dòm và bắn tất cả những ai đến gần bờ sông. Ban đêm, cứ 50 thước lại có một lính gác. Tuy nhiên cũng có nhiều khi công an nhắm mắt cho vượt biên. Những con buôn phải mua chuộc họ.

Trung Quốc vẫn xem việc di tản sang Trung Quốc này là bất hợp pháp vì họ sợ những làn sóng di tản ò ạt vào một vùng có tỷ lệ thất nghiệp đã tương đối cao. Nhưng xa hơn về phía bắc là một vùng mà phần lớn dân chúng gốc Cao Ly nên dân tị nạn từ Bắc Triều Tiên dễ bề được giúp đỡ. Ngay cả người Trung Hoa cùng tội nghiệp những người tị nạn này... Trong các chợ, dân buôn vẫn dăm dúi cho họ một ít thực phẩm. Cộng đồng người Hoa gốc Cao Ly hay những cộng đồng tôn giáo, Tin lành, Phật giáo tổ chức lạc quyền hay nhận tiền viện trợ từ Nam Hàn và Hoa Kỳ

để giúp đỡ dân tị nạn. Một người Trung Hoa theo đạo Tin lành cho biết ông dùng tiền trợ giúp của dân Nam Hàn để mua và phát cho mỗi người tị nạn 8 kí gạo, 3 kí đậu hạt, nửa cân đường, 3 kí bấp cùng thuốc tây trị bệnh ngoài da. Những công tác thiện trợ này đều âm thầm vì các tổ chức chính quyền Trung Quốc cấm đoán. Nhiều người Bắc Triều Tiên vượt qua sông để nhận viện trợ xong lại trở về Bắc Triều Tiên phát cho gia đình. Những người ở lại làm công rẻ mạt cho người Trung Quốc. Tiền công của họ rẻ hơn ba bốn lần tiền công người Trung Hoa. Có những phụ nữ nhận bán mình làm lẽ cho những nông dân Trung Hoa.

Thời gian sau này, nhà cầm quyền Trung Quốc đã phải áp dụng những biện pháp chế tài đối với những gia đình chứa chấp dân tị nạn Bắc Triều Tiên hay những xí nghiệp muốn người Bắc Triều Tiên : phạt 6000 Nhân dân tệ đối với các hộ và 20.000 Nhân dân tệ đối với xí nghiệp. Nhiều trường hợp trục xuất về Bắc Triều Tiên đã xảy ra. Những người này, về Bắc Triều Tiên, nếu là trẻ con, bị gởi vào những trại mồ côi còn người lớn bị gởi vào những trại lao động. Trường hợp nào, họ cũng không sống được lâu, theo nhận định của một sĩ quan Trung Quốc đã có nhiều dịp sang Bắc Triều Tiên.

Mức trầm trọng của nạn đói tại Bắc Triều Tiên vẫn bị nhà cầm quyền Bắc Triều Tiên che dấu, bưng bít. Trong khi đó, trở trêu thay, Bắc Triều Tiên vẫn tiếp tục sản xuất và xuất khẩu những sản phẩm như phim hoạt họa (nhiều nhà sản xuất phim của Pháp gia công thực hiện phim tại Bắc Triều Tiên), vũ khí (súng lục cho Trung Quốc), nha phiến (nguyên liệu nhập từ Miến Điện và được tinh khiết hóa tại Bắc Triều Tiên), xe hơi (mua xe cũ của Nhật, tân trang rồi bán lại cho Trung Quốc và Nga). Nhưng số ngoại tệ thu được chỉ dùng để vỗ béo một thiểu số ăn trên ngồi trước của chế độ vì những người này dùng ngoại tệ để mua xe Mercedes hay rượu Cognac. Viện trợ thực phẩm của quốc tế thì chỉ lọt vào tay những cán bộ lãnh đạo, quân nhân hay cùng lắm là đến tay dân chúng ở Bình Nhưỡng, nơi phải phô trương bề ngoài của chế độ, hay những công nhân của những xí nghiệp sản xuất vũ khí và hàng xuất khẩu. Còn lại đa số quần chúng bị bỏ rơi một cách thảm thương.

Nguyễn Thành Nhân phỏng dịch

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

ở các sòng bạc (casino). Tiền thu nhập ở các sòng bạc cung ứng 40-50% thu nhập cho ngân quỹ của đảo. Macao còn nổi tiếng về sự hiện diện của các nhóm thanh bang. Họ được chính quyền hiện hữu xem như là người "đối tác". Năm 1962, chính quyền của đảo đã ký một hợp đồng độc quyền khai thác 9 casino với nhà tài phiệt Stanley Ho. Bù lại, ông này bảo đảm an ninh trật tự cho các người chơi bạc. Hợp đồng này có giá trị cho tới năm 2001. Nhưng Stanley Ho nay đã 77 tuổi không còn "nhảy bèn" như xưa. Do đó, các Thanh Bang bắt đầu đâm chém lẫn nhau để chiếm vị thế trước ngày giao trả. Tình trạng xã hội do đó bị mất ổn định trong những tháng gần đây.

Người Bồ Đào Nha đến đảo này vào năm 1516 và cho thành lập một cảng Âu châu đầu tiên ở Trung Quốc vào năm 1557. Đảo Macao bị người Bồ Đào Nha cai trị từ đó. Điều nghịch thường là chính phủ Bồ Đào Nha đề nghị trong năm 1966 giao trả đảo cho Bắc Kinh nhưng bị khước từ vì Bắc Kinh lúc đó sợ Hương Cảng cũng "bị" trả lại trong khi đảo này rất cần thiết cho kinh tế ở lục địa. Trái với Hương Cảng, Macao không phải là đảo được thuê nhượng. Năm 1976, sau khi Cách mạng Cẩm chương thành công, chính quyền mới của Bồ Đào Nha lại đề nghị giao trả đảo nhưng lại bị từ chối! Phải đợi tới năm 1979, hai bên mới đi tới thỏa thuận trên nguyên tắc là Macao sẽ được giao trả vào lúc "thuận lợi" qua thương lượng. Trong khi chờ đợi, Macao "tạm thời" được xem là đảo "thuộc chủ quyền Trung Quốc dưới sự quản trị của Bồ Đào Nha". Cuối cùng, một hiệp định ký năm 1987 giữa hai chính phủ, theo đó Macao sẽ được giao trả vào ngày 20-12-1999. Bắc Kinh, trong việc này, không thể nói thu lại chủ quyền vì họ đã có chủ quyền từ năm 1979 hoặc trước nữa nhưng đã không dám đảm nhận trách nhiệm!

Indonesia sắp có tổng tuyển cử

Ngày 7 tháng 6 sắp tới, Indonesia sẽ có tổng tuyển cử để chọn 462 đại biểu quốc hội. Cách đây ngoài một năm, chế độ độc tài gia đình trị của Suharto, dưới áp lực của sinh viên và quần chúng, bắt buộc phải rời bỏ chính quyền. Ông Habibie, phó tổng thống, đưa "con tinh thần" của Suharto lên thay thế. Ông Habibie lúc ban đầu có ý định ở lại chính quyền cho đến hết nhiệm kỳ tổng thống vào năm 2003 nhưng bị các giới, kể cả quân đội, phản đối kịch liệt và buộc ông phải tổ chức tuyển cử trước kỳ hạn. Trong năm qua, tình trạng xã hội của Indonesia vẫn còn mất ổn định và chính quyền hầu như bất lực trong việc cải thiện và điều chỉnh kinh tế trong khi các nước Đại Hàn và Thái Lan cũng ở trong tình trạng phong bão tiền tệ bắt đầu đang lên trở lại. Khác với Indonesia, hai xứ này có nền tảng tự do dân chủ và được Quỹ Tiền tệ Quốc tế giúp đỡ.

Ông Habibie vừa được đảng chính quyền Golkar chính thức đưa ra tranh cử tổng thống vào mùa thu năm nay sau nhiều tháng do dự. Đảng này dưới thời Suharto thường "thắng cử" với 2/3 số phiếu cử tri. Đây là lần đầu tiên, sau nhiều thập niên, các đảng phái chính trị đều được tham gia tranh cử. Theo sự thăm dò ý kiến trước hai tuần ngày tuyển cử, Đảng Dân chủ của bà Megawati Sukarnoputri về đầu với 25% phiếu cử tri. Đảng Hồi giáo của ông Amien Rais về nhì với 20% trong khi đảng Golkar của chính quyền chỉ có 10%. Như vậy, ông Habibie lần này không chắc thắng cử vì luật bầu tổng thống đã bị sửa đổi. Quốc hội có 500 dân biểu trong đó có 38 ghế dành cho quân đội so với 70 ghế trước đây. Năm trăm dân biểu này cùng 200 đại biểu do chính quyền

đưa ra (so với 500 trước đây) để lập thành một Đại hội Quốc dân để tuyển chọn tổng thống. Ngoại trừ gian lận như trước đây, ông Habibie không thể có đa số phiếu. Tuy nhiên, giới quan sát cho hai nhân vật đối lập nói trên không đủ khả năng để đưa Indonesia ra khỏi nguy cơ hiện nay vì bà Mэгawati chỉ có tiếng và ông Amien Rais chỉ đại diện một phái Hồi giáo trong khi quân đội vẫn còn nắm nhiều quyền lực. Bên lề cuộc tuyển cử, ông Suharto bị truy nã về tội tham nhũng trong thời gian cầm quyền với một số tiền khổng lồ là 15 tỷ USD. Tuy nhiên, ông vẫn chối là không có "một đồng xu" nào!

Tội ác lớn của Suharto là không những đục khoét ngân quỹ nhà nước mà còn cấm chỉ sinh hoạt trong đời sống chính trị. Đối lập dân chủ ngày nay thiếu người lãnh đạo, bị phân tán, chưa có đủ khả năng lên thay thế chính quyền hiện nay để đưa Indonesia đến con đường dân chủ thực sự.

Sứ quán Bắc Kinh ở Nam Tư bị NATO thiêu hủy

Đêm mùng 7 sáng ngày 8 tháng 5 vừa qua, không quân Liên Minh Bắc Âu Đại Tây Dương (NATO) đã bằng nhảm ba hỏa tiễn vào sứ quán Bắc Kinh ở Belgrade, thủ đô của Liên Bang Nam Tư làm ba kỹ giả bị thiệt mạng và làm hơn 20 người bị thương. Sứ quán của Bắc Kinh gần như bị thiêu hủy. Chính quyền Bắc Kinh cho là một hành động cố ý trong khi khối NATO cho sự sai lầm gây ra do một bản đồ quá "cù".

Liên ngay sau đó, sứ quán Hoa Kỳ ở Bắc Kinh bị sinh viên và quần chúng bao vây và oanh kích dưới sự dòm ngó (không can thiệp) của cảnh sát và cận vệ. Nhiều vụ biểu tình chống Mỹ cũng được diễn ra ở các thành phố lớn. Những vụ biểu tình này được Bắc Kinh hỗ trợ và "huớng dẫn". Đây có thể nói là lần đầu tiên, sinh viên Trung Quốc xuống đường chống Mỹ từ khi hai nước có quan hệ bang giao trong năm 1978. Phải nói quan hệ Trung-Mỹ trong những tháng gần đây rất căng thẳng sau khi Mỹ có ý định thiết lập một hệ thống chống tên lửa (*Theater Missile Defence*) bao gồm Nhật Bản, Đại Hàn và có thể Đài Loan và nhất là cơ quan tình báo Mỹ đã khám phá một nhà vật lý học, người Mỹ gốc Đài Loan, ông Lý Văn Hoà (Lee Wen Ho), làm việc từ năm 1978 đến đầu tháng 3 năm nay ở một phòng thí nghiệm nguyên tử lực ở Los Alamos (New Mexico), đã cung cấp tài liệu mật cho Bắc Kinh trong việc tiểu hình hoá (*miniaturisation*) đầu hỏa tiễn mà Trung Quốc đã bắt đầu thí nghiệm trong chương trình hỏa tiễn Đông Phong (Dong Feng). Tuy chưa có chứng từ rõ rệt, ông Hoà bị miễn chức và làm đối tượng một quyển sách dày tới 700 trang mà báo chí gọi là "*tiểu thuyết gián điệp của thế kỷ*", do một đại biểu thuộc nhóm cộng hoà, ông Christopher Cox, viết. Thêm vào đó, chuyến công du của thủ tướng Chu Dung Cơ ở Mỹ vào trung tuần tháng tư lại hoàn toàn thất bại trong lúc khối Nato vẫn tiếp tục oanh kích Nam Tư. Mỹ không hứa hẹn ngày gia nhập của Trung Quốc vào Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO) trong khi Bắc Kinh đã chấp nhận nhiều nhượng bộ. Ông Chu hiện nay bị phái bảo thủ chỉ trích kịch liệt và ông có thể làm "vật tế thần" để làm thoả mãn phái bảo thủ.

Vì lẽ nói trên, Bắc Kinh thừa dịp việc sứ quán bị oanh tạc, cho đình chỉ các cuộc gặp gỡ cao cấp song phương về quân sự, về thương thuyết trên lãnh vực phòng ngự vũ khí hạt nhân và về nhân quyền. Phó chủ tịch nhà nước Hồ Cẩm Đào lên truyền hình tuyên bố: "*Hành động dã man vi phạm luật lệ và tiêu chuẩn quốc tế của*

THỜI SỰ... TÌNH TỨC... THỜI SỰ...

khối NATO do Mỹ đứng đầu đã làm nhân dân Trung Quốc chính đáng phẫn nộ [...] Chính phủ Trung Quốc kiên quyết ủng hộ và bảo vệ theo luật pháp các hành động kháng nghị hợp pháp chống lại hành động phá hủy này". Tuy nhiên, chính quyền Bắc Kinh cũng lo ngại đối lập dân chủ lợi dụng cơ hội để thúc đẩy sinh viên và học sinh xuống đường làm kỷ niệm 10 năm biến cố Thiên An Môn. Họ Hồ lại cảnh giác: "Chúng tôi tin tưởng đại đa số quần chúng vì lợi ích tối thượng quốc gia sẽ hành động trong trật tự và theo luật pháp. Cần đề phòng những hành vi quá khích và cảnh giác những phần tử lợi dụng cơ hội để phá rối trật tự xã hội". Ông Hồ thật đoán không sai vì vài ngày sau đó, cảnh sát đã bắt bốn nhà đối lập dân chủ đã "trà trộn" trong đám người biểu tình. Chính quyền Bắc Kinh sau đó cho ngừng chỉ các cuộc biểu tình ngoài đường phố. Ngày 10.5, tổng thống Clinton chính thức xin lỗi nhân dân Trung Quốc về sự "sai lầm bi thảm" và gửi một thư cho Giang Trạch Dân vì ông này lúc đầu không chịu trả lời điện thoại (họ Giang cuối cùng nhận trả lời điện thoại). Ngoại trưởng Điền Gia Triền (Tang Jia Xuan) đòi khối NATO chính thức xin lỗi trong khi người đại diện của Bắc Kinh ở Liên Hiệp Quốc, ông Tàn Hoa Tôn (Qin Hua Sun), đòi triệu tập khẩn cấp Hội Đồng Bảo An. Đây là những hành động tối thiểu mà chính quyền Bắc Kinh bắt buộc phải làm. Bắc Kinh không dám làm quan hệ giữa hai xứ đi đến điểm không trở lại vì họ rất cần Mỹ để phát triển kinh tế và hấp thụ kỹ thuật hiện đại, nhất là trong lãnh vực quân sự. Người ta có thể đoán là Bắc Kinh sẽ không dùng quyền phủ quyết ở Hội Đồng Bảo An trong việc giải quyết khủng hoảng chính trị ở Nam Tư.

Khủng hoảng giữa Ấn Độ và Pakistan

Cách đây đúng một năm, Ấn Độ và Pakistan đã trở thành hai nước có vô khí nguyên tử mới ở Á Châu làm tình trạng chính trị trong vùng trở nên sôi động. Hai xứ này trở thành hai "anh em" thù địch sau khi lãnh thổ bị chia cắt trong năm 1947 và thường xung đột lẫn nhau vì vấn đề Kashmere. Từ đầu tháng 5, hai xứ lại xung đột vì vấn đề này. Lý do là Ấn Độ cho không quân oanh tạc ở vùng biên giới giữa "hai" Kashmere để đánh bật 400 du kích Hồi giáo mà Ấn Độ cho là quân hỗn hợp nguy trang của Pakistan và A Phú Hãn. Cuộc xung đột này đã làm 170 du kích tử thương và 17 chết cùng 80 người bị thương về phía Ấn Độ. Hai phi cơ Mig 27 của Ấn Độ bị pháo phòng không của Pakistan bắn hạ vì, theo xứ này, Ấn Độ đã vi phạm lãnh thổ của họ.

Trong quá khứ, Kashmere có chế độ tự trị rộng rãi và nhiều lần bị người ngoại quốc chiếm đóng (Mông Cổ thế kỷ 16, A Phú Hãn thế kỷ 18, người Sikh và người Anh thế kỷ 19). Lãnh thổ Kashmere, phần lớn là dân theo Hồi giáo từ thế kỷ thứ 14, lẽ ra phải thuộc về Pakistan sau khi Ấn Độ bị chia trong năm 1947, nhưng vương công (maharajah) người Ấn muốn lãnh thổ này thuộc Ấn Độ. Pakistan thành công chiếm lại hơn 1/3 đất đai phía bắc và một phần đất nhỏ phía tây. Một đường ranh giới tạm thời dài 790 km phân chia lãnh thổ được Liên Hiệp Quốc công nhận đầu năm 1949. Vấn đề lại thêm phức tạp là Ấn Độ lại bị Trung Quốc lấn chiếm 37.555 km², phần đất ở phía đông Kashmere, trong cuộc giao tranh năm 1962 và thêm vào đó là 5.180 km² do Pakistan "biểu" Trung Quốc trong năm 1963 sau khi hai xứ ký hoà ước về biên giới. Trung Quốc cho thiết lập một con đường chiến lược nối liền Tân Cương và Tây Tạng ở phía đông Ladakh trên phần đất lấn chiếm của Ấn Độ. Kashmere trên phương diện

địa lý chính trị là một vùng chiến lược cực kỳ quan trọng.

Pakistan lại thù oán Ấn Độ đã làm xứ này bị phân chia thành hai xứ trong năm 1971 với sự ra đời của xứ Bangladesh (đông Pakistan cũ). Do đó, xứ này giúp ngầm quân du kích chống phá chính quyền Kashmere trên phần đất do Ấn Độ kiểm soát. Từ 10 năm qua, quân du kích do Pakistan hỗ trợ bị thiệt hại nặng với 25.000 tử thương.

Theo giới quan sát, cuộc xung đột trở lại ở vùng Kashmere là để giải quyết vấn đề nội bộ của hai xứ. Ấn Độ sắp có tổng tuyển cử vào tháng 10 sau khi quốc hội bị giải tán trong tháng 4 vừa qua và đảng đối lập Quốc Đại của bà Sonia Gandhi có thể trở lại chính quyền. Phía Pakistan, chính phủ của ông Nawaz Sharif bị đối lập lên án đã bóp chặt tự do báo chí và đang bị áp lực của Hoa Kỳ phải ký hiệp ước cấm thí nghiệm vũ khí hạt nhân trước tháng 9 tới.

Sự xung đột trở lại về Kashmere làm nỗ lực hoà bình của hai xứ tan theo mây khói sau khi hai thủ tướng, lần đầu tiên, đã gặp nhau ở Lahore (Pakistan) trong tháng hai vừa qua. Hai người đã thoả thuận làm giảm bớt tình trạng căng thẳng giữa hai xứ!

Tư bản Tây phương tranh nhau mua lại các xí nghiệp châu Á

Ngày 12-3 tại Băng Cốc, các nghị sĩ Thái Lan trước đó vẫn tố cáo hiện tượng bán tháo xí nghiệp nội địa cho tư bản ngoại quốc, đã phải thông qua dự luật về phá sản và thế chấp tài sản, đánh dấu sự chấm dứt những kháng cự cuối cùng của tư bản quốc gia trong vùng châu Á.

Kể từ đó, tư bản phương Tây đã đua nhau vào Á châu lập những quỹ gọi là "quỹ tái thiết", "quỹ phục hồi", "quỹ cải tổ" hay "quỹ đầu tư"... Các tập đoàn Mỹ như Calpers, AIG, H&Q, Carlyle Asia, Chase Capital Partners, tập đoàn Anh như HSBC và Prudential lần lượt thành lập những quỹ đặc biệt trên để có cơ hội mua lại những xí nghiệp địa phương đang gặp khó khăn. Tập đoàn Lazard chẳng hạn, đã mua được với giá rẻ tập đoàn xuất bản báo chí của Hồng Kông mang tên Sing Tao Holding. Các tập đoàn tư bản Âu lô Xắc xông chiếm ưu thế tuyệt đối. Ngay cả chính phủ Nam Hàn muốn lập Quỹ Cải tổ để tổ chức lại các đại công ty (Chaebol) cũng phải dựa vào ba nguồn vốn Âu Lô Xắc xông. Tư bản Pháp trái lại còn rất rụt rè. Chỉ có tập đoàn Crédit Lyonnais Securities Asia lập một 'quỹ cải tổ' tên là Aria với 150 triệu USD. Các tập đoàn Suez Asia hay Paribas thận trọng hơn chưa tham gia.

Tại các phòng khách của những khách sạn lớn quen thuộc đối với những tài phiệt tại Hồng Kông, Hán Thành, Băng Cốc, người ta thấy tập nập các đại diện của những đại gia đình tài phiệt Trung Hoa, Nam Hàn, Thái Lan cùng những đại diện các công ty đa quốc gia như Nestlé, General Motors, Motorola, Unilever, Vivendi, France Télécom, EDF, GDF, Essilor,... Đề tài thảo luận là những công ty có chút ít tầm vóc đang gặp khó khăn về vốn lưu động. Một khi đã xác định được con mồi, ai nhanh tay thì có thể trúng võ lớn. Nhưng thực tế cũng không đơn giản vì các cuộc thương thuyết rất gay go, lâu dài, nhất là khi những con số kết toán đưa ra rất mơ hồ. Và luật cung cầu cũng làm giá bán tăng lên nhanh chóng. Mục tiêu của các tập đoàn là phải nắm được quyền quyết định tuyệt đối trong việc điều hành xí nghiệp bị mua lại. Trong cuộc tranh phần này, tập đoàn Mỹ, GE Capital, một chi nhánh của General Electric đã gạt hái nhiều thành quả nhất. Hãng Renault không thuộc những tập đoàn đứng đầu trong

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

những cuộc mua bán cùng đã mua được 39% vốn của Nissan, hãng Lafarge cùng với tập đoàn Thụy sĩ Holderbank và Ý Italcementi mua được các công ty sản xuất xi măng của Phi Luật Tân, Thái Lan và Mã Lai. British Telecom đã mua 33% cổ phần của công ty điện thoại di động Binanriang của Mã Lai và 20% của hãng Smartone của Hồng Kông với hy vọng sẽ dùng nó để xâm nhập được thị trường Trung Quốc. Danone đã mua 40% cổ phần hãng Aqua đang chiếm 50% thị trường nước đóng chai của Nam Dương.

Những trao đổi mua bán công ty tại Á Châu xem chừng còn có triển vọng tiếp tục vì các tập đoàn sẽ còn cần nắm thêm nhiều đòn bẩy kinh tế khác trong các quốc gia châu Á ngõ hầu tạo lợi nhuận nhanh chóng.

Tranh cãi tại

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Tại Manila, vào đầu tháng 5, những nước tài trợ Ngân hàng Phát triển Châu Á (NHPTCA hay BAD- Banque Asiatique de Développement) đã đụng độ với những nước nghèo châu Á vì đã đòi hỏi tăng lãi suất tín dụng và kèm thêm những điều kiện chống tham nhũng.

Đại diện phái bộ Hoa Kỳ, ông Edwin Truman, đã tuyên bố: "Tất cả chúng ta phải nhìn nhận rằng thời kỳ vàng son của những chính sách quản lý dựa vào thế lực nhà nước để chiếm dụng ngân quỹ quốc tế đã cáo chung. Nguồn vốn dành cho phát triển rất giới hạn, không thể phung phí cho những quốc gia nào không tôn trọng những nguyên tắc quản lý lành mạnh, không chịu cải tổ kinh tế (LTS: một trong những 'học trò đần độn của lớp học' - le cancre de la classe - là Việt Nam).

Đại diện phái đoàn Đức, ông Uschi Eid, cũng tuyên bố: "Những quyết định duyệt cấp tín dụng phải dựa trên những bằng chứng rõ rệt về mức độ tiến bộ của các chương trình cải cách guồng máy kinh tế". Ông cũng biện minh cho việc tăng lãi suất tín dụng vì lãi suất đề nghị vẫn còn thấp hơn lãi suất của Ngân hàng quốc tế. Bản tin của AFP không nói rõ lãi suất đề nghị là bao nhiêu, chỉ cho biết rằng lãi suất hiện thời là 6,38 % cho những tín dụng bằng USD và 5,84 % cho những ngoại tệ khác. Hơn nữa, vốn có sẵn của Ngân hàng Phát triển châu Á đã giảm sau khi đã chi 9,4 tỷ USD năm 1997 và 6 tỷ USD năm 1998. Cuối năm 1998, vốn của NHPTCA còn 48 tỷ USD cộng thêm 6,3 tỷ USD của Quỹ Giúp đỡ Phát triển (QGĐPT hay FAD - Fonds d'aide au développement).

Bộ trưởng tài chính Trung Quốc, Hạng Hoài Thành (Xeng Huai Cheng), dẫn đầu những quốc gia chống đối những biện pháp trên với lý do là như vậy, những quốc gia vay tín dụng lại phải gánh chịu hậu quả của những thiếu sót về tổ chức tài chính. Trung Quốc cho rằng biện pháp cấp bách và hữu hiệu nhất là tăng vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á và của Quỹ Giúp đỡ phát triển.

Ngày lễ Lao động năm nay tại Á Châu

Năm nay, nhân ngày 1-5-99, trong khi cuộc chiến tại Nam Tư là đề tài chính cho những vụ biểu tình của các tổ chức nghiệp đoàn Âu châu, thì tại Á Châu, những cuộc biểu tình đều tập trung vào nạn thất nghiệp càng ngày càng đe dọa nhiều công nhân hơn.

Tại Nhật Bản, số thất nghiệp đã lên đến 3,4 triệu người (4,8%) khiến cho 1,9 triệu công nhân đã xuống đường tuần hành tại hơn 1000 địa điểm. Thủ tướng Nhật Keizo Obuchi đã phải nhận định

rằng nạn thất nghiệp gia tăng là điều không thể tránh được.

Tại Nam Hàn, sau nhiều đợt biểu tình trước đó, lần này khoảng 30.000 người biểu tình đã tập hợp ở Hán Thành đòi chấm dứt những kế hoạch sa thải công nhân và đòi giảm thời gian làm việc.

Tại Nam Vang, hàng ngàn người, đa số là những nữ công nhân của những xí nghiệp dệt, may mặc, đã bất chấp sự cấm đoán của chính quyền, tuần hành cùng nhân vật đối lập Sam Rainsy, đòi tôn trọng quyền lợi xã hội và tố cáo tham nhũng.

Tại Bắc Kinh, không có biểu tình và tờ *Nhân dân Nhật báo* khuyến cáo các công nhân rằng 'ổn định xã hội' là ưu tiên hàng đầu (ưu tiên cho ai?) trong khi người ta đang chờ đợi sẽ có thêm 11 triệu người thất nghiệp trong thời gian sắp đến.

Tại Việt Nam không thấy báo chí đề cập tới một vụ biểu tình nào tuy mọi chỉ số kinh tế đều ở mức báo động. Thông tin viên Dean Yates của Reuters đã nhận định rằng sau cơn khủng hoảng tiền tệ ở Á Châu, trong khi những nước như Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân đang dần dần phục hồi và hy vọng thoát ra được giai đoạn khó khăn thì tình hình Việt Nam lại càng xấu đi vì không còn ai muốn đầu tư vào một nước độc tài, độc đoán, quan liêu, luật lệ bất định, tràn đầy tham nhũng và còn cố bám víu vào những thầy ma là những xí nghiệp quốc doanh.

Đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Thị hành giáo lệnh của Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) trong nước gửi ra, Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ đã đứng ra tổ chức Đại Hội VIII của Giáo Hội vào 3 ngày 14, 15 và 16 tháng 5 năm 1999 tại North Hills và Santa Anna College (Nam Cali) nơi đây Đại Hội đã kết thúc bằng Đại lễ Phật đản. Hơn 20.000 Phật tử và trên 200 tăng ni đã từ khắp nơi trên thế giới kéo về tiểu bang California tham dự buổi hội họp lịch sử nói trên của GHPGVNTN.

Nhân dịp này, đã được công bố danh sách tân Hội Đồng Lương viện của Giáo Hội như sau: Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Xử lý thường vụ Viện Tăng Thống; Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Cố vấn Ban Chỉ đạo Viện Hóa Đạo; Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo; Hòa thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo, đặc trách lãnh đạo điều hành Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ; Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Phó Viện trưởng kiêm Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo; Thượng tọa Thích Viên Lý, Phụ tá Phó Viện trưởng Đặc trách Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ kiêm Phó Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo.

Hội Đồng Trưởng Lão thuộc Viện Tăng Thống gồm có: Hòa Thượng Thích Tâm Châu, HT Thích Huyền Vi, HT Thích Huyền Ấn, HT Thích Minh Tâm (thành viên Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Âu châu), HT Thích Như Huệ (thành viên Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Úc châu), Thượng Tọa Thích Thiện Tâm (thành viên Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Canada) và TT. Thích Chơn Lễ, (thành viên Văn phòng II Viện Hóa Đạo tại Nhật Bản).

Thành phần nhân sự đảm nhận các chức vụ Tổng vụ trưởng trong Hội Đồng Viện Hóa Đạo được tạm giữ trong vòng bí mật.

Toàn thể Đại hội đã lắng nghe thông điệp "Hướng về thế kỷ XXI" của Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang và diễn văn chào mừng Đại hội VIII của Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo. Hai văn kiện quan trọng này đề ra sứ mệnh

THỜI SỰ... TUA TỨC... THỜI SỰ...

lịch sử của Phật giáo Việt Nam, góp phần kiến tạo một thế giới hòa bình, hạnh phúc, khoan dung.

Đặc biệt qua diễn văn chào mừng Đại hội VIII của Hòa thượng Thích Quảng Độ Đại hội đã được nghe tiếng nói hiên ngang của "những người đã và đang bị trấn áp" trong nước mà không khiếp sợ bạo lực. HT Quảng Độ đã khẳng định sẽ "không bao giờ chấp nhận hóa thân làm công cụ cho Nhà nước chuyên chính" và mình định rằng "Phật giáo Việt Nam chưa hề là thế lực thống trị hay cấu kết với các thế lực chính trị để bóc lột nhân dân, chưa hề sử dụng quyền lực chính trị để trấn áp các hệ tư tưởng khác, cũng chưa bao giờ là thế lực chính trị đe dọa cướp quyền thống trị".

Về "Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" do đảng CSVN thành lập năm 1981, Hòa Thượng Quảng Độ cho biết là cho đến nay vẫn không hề được Phật tử Việt Nam công nhận. Hòa Thượng kêu gọi Phật tử Việt Nam tại hải ngoại phát huy tích cực tinh thần Phật giáo Việt Nam, thể hiện bản lĩnh của Phật tử Việt Nam tận hiến cho một thế giới hòa bình, hạnh phúc và khoan dung, nói thay những tiếng nói thầm lặng mà Tăng Ni và Phật tử trong nước không nói được.

Về phần Đại hội, mọi người đồng thanh đưa ra yêu sách đòi nhà cầm quyền Việt Nam trả tự do tức khắc cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang; đòi chính quyền Hà Nội phải trả lại tài sản, chùa viện, quyền tự do đi lại và cấp hộ khẩu cho chư tăng vừa được phóng thích; ngưng phong tỏa các chùa viện thuộc GHPGVNTN; ngưng cấm cản việc đi lại cũng như việc công an ngược đãi vô cơ các tu sĩ; sau hết đòi hỏi việc phục hồi quyền tự do hành đạo cho GHPGVNTN.

Giáo sư Đoàn Viết Hoạt ủng hộ bản tuyên cáo của bác sĩ Nguyễn Đan Quế

Sau khi bản tuyên cáo từ trong nước của bác sĩ Nguyễn Đan Quế được phổ biến nhanh chóng và rộng rãi trong cộng đồng người Việt khắp năm châu cũng như trong các giới hoạt động chính trị và nhân đạo quốc tế quan tâm đến Việt Nam, giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã phổ biến một lời tuyên bố mạnh mẽ ủng hộ bản tuyên cáo này.

Giáo sư Hoạt nhắc lại những đòi hỏi rất chính đáng của bác sĩ Quế với bộ chính trị đảng Cộng sản Việt Nam: tôn trọng Nhân Quyền trong đó có tự do phát biểu, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn, tự do lập hội, tự do tôn giáo cũng như tất cả những quyền tự do chính trị khác...; tách đảng ra khỏi chính quyền, quân đội, công an; tổ chức bầu cử tự do; soạn thảo một bản Hiến Pháp mới cho Việt Nam.

Giáo sư Hoạt tin rằng thời điểm đã chín muồi cho những thay đổi chính trị căn bản tại Việt Nam để có thể vượt qua cơn khủng hoảng kinh tế, xã hội và chính trị hiện nay, trước khi xảy ra một cuộc sụp đổ hoàn toàn kéo theo hỗn loạn không kiểm soát nổi. Vì vậy, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ bản tuyên cáo 11 tháng 5-1999 của bác sĩ Nguyễn Đan Quế và kêu gọi cộng đồng người Việt hải ngoại, các chính quyền dân chủ trên thế giới và các tổ chức nhân quyền quốc tế ủng hộ bác sĩ Quế và tất cả những người đang tranh đấu cho dân chủ trong nước.

Việt Nam sẽ càng tụt hậu

Theo hàng thông tấn Reuters, trong khi các quốc gia châu Á đang có hy vọng thoát ra khỏi vùng lầy của cuộc khủng hoảng

tiền tệ vừa qua thì những triển vọng của Việt Nam lại đi vào bế tắc. Cho dù tổng sản lượng nội địa (GDP) của Việt Nam năm nay có thể vẫn gia tăng nhưng với một chính quyền độc tài cộng sản, Việt Nam đã trở thành một nơi đầu tư đầy bất trắc. Một trong những nguyên nhân là Việt Nam đã không tiến hành những cải cách kinh tế cần thiết.

Việt Nam đã may mắn tránh được những hậu quả xấu của cuộc khủng hoảng tiền tệ nhờ không có thị trường tiền tệ trong nước nhưng đã không biết nắm lấy cơ hội này để cải cách kinh tế trong khi kinh tế của các nước láng giềng đang phải co cụm.

Các chuyên gia kinh tế châu Á tiên đoán GDP của Việt Nam sẽ tăng khoảng 3% so với con số 5,8% của chính quyền Việt Nam đưa ra. Nhưng các nhà đầu tư vẫn tiếp tục than phiền về luật lệ đầu tư lỏng lẻo, quy định tỷ giá ngoại tệ quá khắt khe, luật lao động khắt khe, thủ tục rườm rà, tham nhũng và hạ tầng cơ sở không đồng bộ bằng những nước như Thái Lan, Mã Lai hay Phi Luật Tân. Họ nhận xét rằng kinh tế Việt Nam vẫn mang những sắc thái của kinh tế chỉ huy. Chính quyền Việt Nam lại còn tuyên bố là Việt Nam sẽ cải tổ kinh tế theo tốc độ mà Việt Nam chọn lựa. Các quan sát viên quốc tế rất phân vân về mức độ tiến bộ cụ thể của nền kinh tế Việt Nam từ thập niên 80 đến nay.

Trước những triển vọng không mấy sáng sủa, Việt Nam lại cam kết sẽ tiếp tục cải tiến kinh tế nếu nhận được viện trợ 162 tỷ USD của Nhật Bản. Nhưng nhà cầm quyền Việt Nam trong quá khứ đã hứa hẹn rất nhiều mà thực hiện chẳng bao nhiêu chưa kể những hứa hẹn đưa ra rất mơ hồ như "cải tiến môi trường kinh doanh cho các công ty nước ngoài".

Tuy nhiên, theo nhận định của các chuyên gia thì trong tương lai ngắn hạn, nhờ những số tiền lớn mà Quỹ Tiền tệ quốc tế và các quốc gia liên quan đã tháo khoán trước đây để hỗ trợ những chương trình đầu tư lớn, và nhờ việc chiết giảm nhập khẩu, Việt Nam có thể chưa cần ngay đến số tiền viện trợ đang nài nỉ nơi Nhật Bản. Nhưng họ lại đang dậm chân tại chỗ vì sợ không còn chủ động được nếu tiến hành cải tổ kinh tế theo tốc độ mà các nhà đầu tư ngoại quốc yêu cầu. Các quốc gia khác tiếp tục tiến lên mà Việt Nam án binh bất động ắt sẽ tụt hậu thêm.

Du khách chán tham quan Việt Nam

Với bờ biển chạy dài từ nam chí bắc, những dãy núi hữu tình, một lịch sử oai hùng và những thành phố với kiến trúc của thời thuộc địa, nước Việt Nam đáng lẽ phải tràn ngập du khách mỗi khi đến mùa du lịch. Nhưng trên thực tế, du khách không tranh nhau đặt chân vào Việt Nam nên những nhà đầu tư ngoại quốc đành phải bơ vơ cô độc trong những khách sạn vắng tanh. Những giấy phép hoạt động phát triển du lịch cũng phải mòn mỏi chờ đợi người nộp đơn.

Không phải du khách không thích tham quan Việt Nam nhưng chỉ cần ghé một lần là họ nhận thấy ngay rằng, tuy là một nước nghèo nhưng giá cả dành cho du khách quá cao trong khi các tiện nghi tối thiểu chưa đủ tiêu chuẩn và đặc biệt là nạn con buôn nài khách. Hậu quả là du khách không còn thấy thoải mái khi đi nghỉ hè tại Việt Nam. Tại Sài Gòn, chỉ cần thò mặt ra ngoài đường là tức khắc bị bao vây bởi một đạo quân con buôn hay ăn mày. Nếu không đề cao cảnh giác có thể bị móc ví như chơi. Những đạo quân con buôn này hiện diện tại mọi địa điểm du lịch, từ Hà Nội, Vịnh Hạ Long, sông Hương núi Ngự, Huế xuống đến Sài Gòn.

Lê Đình Điều không còn nữa

Nhà báo Lê Đình Điều đã từ trần ngày 24 tháng 5 năm 1999 tại Nam Cali, thọ 61 tuổi. Là một nhà báo chuyên nghiệp, rất yêu nghề và đầy khả năng, ông Lê Đình Điều được sự kính phục của mọi người.

Lê Đình Điều đến với nghề viết trước hết như một nhà thơ, với bút hiệu Y Dịch, ngay khi còn là học sinh trung học. Ông làm nhiều bài thơ hay, một số được phổ nhạc, nhưng sau đó chuyển qua nghề làm báo và khám phá ra tài năng thực sự của mình: tổ chức và điều khiển các cơ sở truyền thông. Ông đã thăng tiến mau chóng trong ngành thông tin, lên đến chức vụ cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Nội từ năm 1973 dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Sau ngày 30-4-1975, Lê Đình Điều đã trải qua sáu năm tù đầy trong các trại cải tạo. Năm 1983, ông xuất ngoại sang Pháp và làm báo tại Paris trong vòng hơn một năm. Hoạt động báo chí tại Paris không đủ cho một người với tầm cỡ của Lê Đình Điều nên sau đó ông đã sang Mỹ hợp tác với công ty Người Việt, tổ hợp truyền thông lớn nhất trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Lê Đình Điều đã lần lượt đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong tổ hợp này: chủ bút nhật báo Người Việt, tổng giám đốc công ty Người Việt, chủ nhiệm nguyệt san Thế Kỷ 21, sáng lập viên và giám đốc đài phát thanh VNCR, cho đến khi phải nghỉ việc vì bạo bệnh.

Lê Đình Điều cũng là thành viên sáng lập nguyệt san Thông Luận. Ông đã không có bài viết trên Thông

Luận vì cảm thấy Thông Luận không có nhu cầu cấp bách đòi hỏi đến sự đóng góp của ông trong khi ông phải dành thì giờ cho nhiều công việc quan trọng khác nhưng vẫn tiếp tục cung cấp tin tức cho Thông Luận, ông cũng luôn luôn ủng hộ, một cách kín đáo trong cương vị của một nhà báo khách quan, lập trường của Thông Luận.

Từ một năm qua, Lê Đình Điều biết mình mắc bệnh ung thư không thể điều trị. Ông đã chờ đợi cái chết một cách rất an nhiên, ngay cả với thoảng đùa cợt. Cách đây vài tháng ông đề nghị thành lập một Sáng Hội (foundation) có mục đích khuyến khích những sáng tạo trong văn hóa và báo chí với một lời cam kết sẽ đóng góp 50.000 USD trong vòng ba năm. Các bạn ông đều hiểu ông không thể sống được ba năm và có ý định dùng tiền phúng điếu đàng ông để tặng cho Sáng Hội. Quả nhiên đó đã là sự thật trong di chúc ông để lại.

Trong cương vị một nhà báo lớn và đứng đắn, Lê Đình Điều cũng là một người đấu tranh bền bỉ cho tự do và dân chủ cho Việt Nam, với niềm tin là sự thật tự nó đủ sức mạnh. Chống lại chế độ độc tài cộng sản nhưng không bao giờ ông cảm thấy phải thêm bớt. Lê Đình Điều cho rằng bổn phận lớn nhất của một nhà báo là tôn trọng sự thật và ông rất gắn bó với đạo lý nghề nghiệp.

Lê Đình Điều ra đi để lại kỷ niệm của một người tài giỏi, lương thiện, độ lượng, tận tụy với nghề nghiệp, thủy chung với bạn bè. Ông là một trí thức yêu nước.

Thông Luận vô cùng thương tiếc một người bạn quý.

Phân ưu

Ông Bùi Mộng Hùng, thuộc ban biên tập nguyệt san Diễn Đàn, đã qua đời ngày 24-5-1999 tại Paris, hưởng thọ 67 tuổi.

Ông Bùi Mộng Hùng là một bác sĩ và một nhà khảo cứu về y khoa đồng thời cũng là một học giả uyên bác trên nhiều địa hạt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Thông Luận xin chia buồn cùng gia đình bà Bùi Mộng Hùng và ban biên tập Diễn Đàn về sự mất mát to lớn này.

Mục lục

1. *Nhiều chỉ dấu mâu thuẫn trong chính quyền cộng sản*
Thông Luận
2. *ASEAN và quyền can thiệp nội bộ*
Huỳnh Hùng
3. *Tuyên cáo của bs Nguyễn Đan Quế*
4. *Nam Quốc Sơn Hà ... từ Lý Thường Kiệt đến Nguyễn Đan Quế*
Đỗ Mạnh Tri
5. *Vai trò hỗ trợ có ý nghĩa của đồng bào hải ngoại*
Bùi Tín
7. *Những thủ đoạn đánh lặn con đen*
Thiên Trung
9. *Tai hại của lãnh tụ chế*
Diệp Tường Bào
11. *Suy tư trước thềm năm 2000*
Nguyễn Minh Cần
15. *Sự hình thành các vùng biên giới miền Bắc*
Nguyễn Văn Huy
20. *Ghi nhận sau một chuyến đi Úc*
Nguyễn Gia Kiểng
22. *Tim hiền tư tưởng chính trị Phạm Quỳnh qua thông điệp Nam Phong*
Trần Thanh Hiệp
26. *Những kẻ cùng khổ của nạn đói tại Bắc Triều Tiên*
Nguyễn Thành Nhân
27. *Tin tức thời sự*
32. *Lê Đình Điều không còn nữa*

Kêu gọi

Nhiều độc giả và thân hữu vì không để ý đã quên gia hạn mua báo đúng lúc khiến cho thu nhập của tờ báo có phần sút giảm trong khi mọi chi phí phát hành đều gia tăng. Chúng tôi mong quý vị lưu ý gia hạn và giúp Thông Luận thêm độc giả mới.

Những khoản tiền để bù lỗ cho tờ báo có thể được sử dụng hữu ích hơn nhiều cho cố gắng yểm trợ phong trào dân chủ trong nước.

Xin cảm tạ.

Ban biên tập